

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: SỬ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

MÃ SỐ: 7140249

NGHỆ AN, 2023

MỤC LỤC

	<i>trang</i>
Tờ trình Đề án đề nghị cho phép mở ngành đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí	5
PHẦN I.	11
KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH VÀ TRƯỜNG SƯ PHẠM	
1.1. Khái quát về Trường Đại học Vinh	11
1.1.1. Chính sách chất lượng	11
1.1.2. Lịch sử phát triển	12
1.1.3. Nguồn lực của Nhà trường	13
1.1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Vinh	16
1.1.5. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường Đại học Vinh	18
1.2. Khái quát về Trường Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh	20
PHẦN II.	25
SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	
2.1. Nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ngành đề xuất mở	25
2.2. Sự phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của cơ sở giáo dục đại học	26
2.3. Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, xu thế phát triển của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế	28
2.4. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo trình độ Đại học ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí	30
PHẦN III.	33
NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỀ XUẤT MỞ	
3.1. Năng lực về đội ngũ	33
3.2. Tiềm lực cơ sở vật chất, trang thiết bị và học liệu	36
3.3. Năng lực về CTĐT, NCKH và hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu lĩnh vực ngành đề xuất	36
3.4. Khả năng đảm bảo tài chính đầu tư phát triển ngành đề xuất mở	37
PHẦN IV.	38
MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH ĐÀO TẠO ĐỀ XUẤT MỞ VÀ TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	
4.1. Mục tiêu mở ngành	38
4.2. Mục tiêu tuyển sinh và dự kiến quy mô tuyển sinh	38
4.3. Mục tiêu chất lượng và hiệu quả đào tạo	38
4.4. Tổng quan về Chương trình đào tạo	39
PHẦN V.	43
GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN MỞ NGÀNH	
5.1. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo	43
5.2. Xây dựng Đề án mở ngành	44
5.3. Đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng	45
5.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT	45

PHẦN VI.		46
ĐÁNH GIÁ RỦI RO, GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO		
6.1.	Dự báo rủi ro khi mở ngành	46
6.2.	Giải pháp phòng ngừa các rủi ro ảnh hưởng đến điều kiện đảm bảo chất lượng	46
6.3.	Giải pháp xử lý trường hợp rủi ro bị đình chỉ hoạt động	47
PHẦN VII.		48
CAM KẾT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO		
7.1.	Cam kết chất lượng	48
7.2.	Cam kết	48
DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO ĐỀ ÁN:		
8.1.	Phụ lục thông tin:	
-	Phụ lục 1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận CTĐT Sư phạm Lịch sử và Địa lí	50
-	Phụ lục 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí	53
-	Phụ lục 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở	64
-	Phụ lục 4: Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên cơ hữu ngành Lịch sử và Địa lí	65
-	Phụ lục 5: Danh mục các công trình khoa học công bố của giảng viên cơ hữu ngành Lịch sử và Địa lí trong 5 năm gần nhất	91
-	Phụ lục 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo.	121
-	Phụ lục 7: Thư viện – Nguồn học liệu	125
-	Phụ lục 8. Báo cáo khảo sát nhu cầu đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí.	161
-	Phụ lục 9. Bản mô tả chương trình đào tạo.	
8.2.	Phụ lục minh chứng:	
-	Phụ lục 10: Các văn bản, biên bản về xây dựng đề án.	
-	Phụ lục 11: Lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên cơ hữu.	
-	Phụ lục 12: Bảng cấp của đội ngũ giảng viên cơ hữu.	
-	Phụ lục 13: Minh chứng đề tài khoa học các cấp của đội ngũ giảng viên cơ hữu.	
-	Phụ lục 14: Các công trình khoa học đã công bố của đội ngũ giảng viên cơ hữu	

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
CSGD	Cơ sở giáo dục
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
KĐCL	Kiểm định chất lượng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
GDDH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
SV	Sinh viên

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
Số: 42 /TTr. ĐHV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 30 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Đề nghị cho phép mở ngành đào tạo trình độ đại học chính quy
Ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí
Mã số: 7140249**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Ngày 26/12/2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Chương trình giáo dục phổ thông. Theo đó, ở cấp THCS, khôi kiến thức các môn Lịch sử và Địa lí trước đây được tích hợp trong môn học Lịch sử và Địa lí. Bên cạnh việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên hiện có thì việc đào tạo trình độ đại học để bổ sung đội ngũ giáo viên mới có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Trên cơ sở đó, Trường Đại học Vinh kính trình Bộ giáo dục và Đào tạo Đề án mở ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí với các nội dung tóm tắt như sau:

1. Nhu cầu đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí trình độ đại học của ngành giáo dục và khu vực Bắc Trung bộ

Thực hiện Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Chương trình giáo dục phổ thông 2018, các Sở Giáo dục và Đào tạo bên cạnh việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên hiện tại, còn có nhu cầu tuyển dụng giáo viên có khả năng dạy được môn Lịch sử và Địa lí. Hầu hết các trường sư phạm đã và đang xây dựng chương trình đào tạo giáo viên cấp THCS để dạy học môn Lịch sử và Địa lí.

Báo cáo tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc ngành Giáo dục năm 2020 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 31/10/2020, cả nước thiếu hơn 94.700 giáo viên các cấp và đã đề nghị Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ giao bổ sung trong giai đoạn 2021 - 2025. Riêng năm 2021, ngành giáo dục cần bổ sung khoảng 30.000 biên chế, trong đó 20.000 biên chế giáo viên cho các môn học mới ở cấp tiểu học, THCS, THPT. Mặt khác, nhu cầu về giáo viên bậc THCS trong cả nước tăng cao trong giai đoạn 2025-2030. Chẳng hạn,

theo Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Nghệ An” cho thấy: đến năm 2025, số lớp ở bậc THCS dự kiến là 6.498 lớp (tăng 25,6% so với năm 2021) và đến năm 2030 là 7.197 lớp (tăng 38,2 so với năm 2021). Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thanh Hóa” xác định nhu cầu đội ngũ giáo viên bậc THCS trong năm học 2025-2026 là 12.944 giáo viên (thiếu 2.982 giáo viên so với nhu cầu của năm học 2021-2022). Trong bối cảnh đó, việc bổ sung các mã ngành đào tạo giáo viên phổ thông trong đó có ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí là yêu cầu bức thiết đối với Trường Đại học Vinh.

Mặt khác, theo kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí do Trường Đại học Vinh thực hiện cho thấy: tại các tỉnh Bắc Trung Bộ và các địa phương khác trong cả nước, đội ngũ giáo viên hiện nay ở các trường THCS hầu hết chỉ được đào tạo trình độ đại học đơn ngành Lịch sử hoặc Địa lí. Bên cạnh việc bồi dưỡng đội ngũ GVPT hiện có, việc bổ sung giáo viên THCS có khả năng đảm nhận môn học Lịch sử và Địa lí đang là yêu cầu cấp thiết đối với các địa phương vùng Bắc Trung bộ và cả nước.

Là trường đại học trọng điểm quốc gia, 1 trong 7 trường Sư phạm chủ chốt trong cả nước, việc Trường Đại học Vinh mở mã ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí góp phần thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của vùng Bắc Trung Bộ, tạo cơ sở thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có ý nghĩa rất quan trọng.

2. Năng lực của Trường Đại học Vinh

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 28/08/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh, khẳng định Trường Đại học Vinh đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Trường Đại học Vinh là 01 trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên

(EETEP); là 1 trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là 1 trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục lần thứ 3 vào năm 2023.

Hiện nay, Trường đào tạo 57 ngành trình độ đại học, 38 ngành trình độ thạc sĩ và 17 ngành trình độ tiến sĩ. Ngoài ra, Trường có 01 Trường THPT Chuyên và 01 Trường Thực hành Sư phạm đào tạo các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh. Tính đến ngày 30/11/2022, tổng số viên chức và người lao động của Trường là 1.010 người, trong đó có 50 giáo sư và phó giáo sư, 322 tiến sĩ, 436 thạc sĩ,... Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%. Trong 5 năm gần đây, số lượng công bố khoa học trên các tạp chí khoa học quốc tế và số đăng ký sở hữu trí tuệ của Trường tăng mạnh. Chỉ tính riêng trong năm 2022, Trường có hơn 165 công trình nghiên cứu của cán bộ, giảng viên công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science (WoS) và Scopus, vượt chỉ tiêu đề ra (130 bài/năm).

Từ năm 2017, Trường Đại học Vinh bắt đầu triển khai đề án tái cấu trúc Trường, sắp xếp lại các khoa và các ngành nghề đào tạo. Ngày 09/10/2021, Trường Đại học Vinh đã công bố Nghị quyết của Hội đồng trường thành lập Trường Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh. Trường Sư phạm bao gồm các khoa đào tạo giáo viên: Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Tâm lý - Giáo dục và Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Trường Sư phạm hiện có 175 cán bộ trong đó có 02 GS, 29 phó giáo sư, 127 tiến sĩ.

Về đội ngũ giảng viên: Trường Sư phạm hiện nay có 02 Khoa là Khoa Lịch sử và Khoa Địa lí với 22 giảng viên đúng chuyên ngành đảm bảo đủ để vận hành CTĐT Lịch sử và Địa lí. Trong số 22 giảng viên cơ hữu tại 2 khoa có cơ cấu như sau: Số giảng viên có học vị tiến sĩ trở lên là 19 người (12 ngành Lịch sử, 7 ngành Địa lí); chiếm 86,4%, trong đó có 4 PGS. Bên cạnh đó, trong Trường Đại học Vinh hiện có 10 GV có chuyên môn Lịch sử, Địa lí và các GV dạy khối kiến thức chung đang làm việc ở các đơn vị khác trong trường, sẽ tham gia thực hiện CTĐT ngành SP Lịch sử và Địa lí. Trường Sư phạm còn có 12 giảng viên sư phạm chủ chốt về bộ môn Lịch sử, Địa lí, Lịch sử và Địa lí, đã thực hiện bồi dưỡng hàng ngàn giáo viên phổ thông 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh trong khuôn khổ Chương trình EETEP đủ năng lực để đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Trường Đại học Vinh đã trang bị hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, phòng thí nghiệm hiện đại đảm bảo đủ điều kiện đào tạo và nghiên cứu khoa học, gồm: Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào là thư viện lớn nhất khu vực Bắc miền Trung với tòa nhà 7 tầng có diện tích sàn gần 9.000 m², 10 hội trường - phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các khoa và đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên cơ hữu; 3 trung tâm nghiên cứu và 35 phòng thí nghiệm, thực hành. Nhà trường còn có khu giảng đường, phòng học giành riêng cho các ngành Sư phạm được đầu tư theo chương trình ETEP với đầy đủ trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập, đồng thời có 01 Trường TH, THCS, THPT và 01 Trường THPT chuyên trực thuộc trường Đại học Vinh cùng với hệ thống trường phổ thông vệ tinh là cơ sở thực hành, thực tế trong đào tạo sư phạm.

Về nghiên cứu khoa học: 22 giảng viên, nhà khoa học thuộc ngành Lịch sử và Địa lí đã chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, công bố khoa học trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo, sách và giáo trình trong nước, nước ngoài.

Về tài chính: Trường Đại học Vinh đảm bảo các nguồn chi thường xuyên cho các hoạt động của Trường, của Khoa; khi ngành đào tạo đi vào hoạt động với học phí thu được và các hoạt động hợp tác của ngành sẽ mang lại các nguồn thu, đảm bảo điều kiện cân đối các hoạt động của ngành nói riêng và của Nhà trường nói chung.

3. Thông tin về ngành đào tạo và quy trình xây dựng chương trình đào tạo, đề án mở ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí

3.1. Thông tin chung về ngành đề nghị cho phép đào tạo:

1.	Tên ngành đào tạo:	Sư phạm Lịch sử và Địa lí (History and Geography Teacher Education)
2.	Mã số ngành đào tạo:	7140249
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4.0 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Sư phạm Lịch sử và Địa lí
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung

8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	4
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	16/5/2023
12.	Phiên bản:	Phiên bản 1
	<i>Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu</i>	- Năm thứ 1: 50 chỉ tiêu; - Năm thứ 2: 65 chỉ tiêu; - Năm thứ 3: 80 chỉ tiêu; - Năm thứ 4: 90 chỉ tiêu; - Năm thứ 5: 100 chỉ tiêu.

3.2. Tóm tắt về quá trình xây dựng chương trình đào tạo và chuẩn bị đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành Sư phạm lịch sử và Địa lí

Trường Đại học Vinh được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ gồm các bước:

- 1) Trường Sư phạm đề xuất chủ trương mở ngành trên cơ sở khảo sát và phân tích nhu cầu các bên liên quan;
- 2) Hội đồng Khoa học và đào tạo, Hội đồng Trường Đại học Vinh thông qua chủ trương mở ngành;
- 3) Thành lập Ban chỉ đạo, Tổ xây dựng CTĐT và Tổ xây dựng đề án;
- 4) Xây dựng CTĐT, khảo sát, phân tích nhu cầu đào tạo, lấy ý kiến các bên liên quan về CTĐT, đối sánh CTĐT trong và ngoài nước, các điều kiện thực hiện chương trình (đội ngũ, cơ sở vật chất, tổ chức bộ máy, phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro);
- 5) Thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định CTĐT;
- 6) Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện CTĐT theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;
- 7) Hiệu trưởng phê duyệt và ban hành CTĐT;
- 8) Thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định đề án mở ngành;
- 9) Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện Đề án theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;
- 10) Hoàn thiện hồ sơ, đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt đề án.

4. Kết luận và kiến nghị:

4.1. Đề án đề nghị cho phép mở ngành đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí, mã số: 7140249 được xây dựng công phu, nghiêm túc, khoa học, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Trường Đại học Vinh khẳng định và đảm bảo toàn bộ nội dung hồ sơ đề nghị cho phép mở ngành đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí, mã số: 7140249 đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục mở ngành quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

4.3. Trường Đại học Vinh kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, cho phép Trường Đại học Vinh mở ngành đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí, mã số: 7140249.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTH; ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH: SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

PHẦN I

KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH VÀ TRƯỜNG SƯ PHẠM

1.1. Khái quát về Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ GDĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo giáo viên, kỹ sư, cử nhân có trình độ đại học và sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ) đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh THPT chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước; triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**

Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452 Fax: (038) 3855269

Website: www.vinhuni.edu.vn

Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn

Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

1.1.1. Chính sách chất lượng:

- Phát triển bền vững giáo dục và khoa học công nghệ; phát huy tinh thần tận tụy, thói quen làm việc theo quy trình và ISO trong mọi lĩnh vực; cam kết đảm bảo dự đoán và kiểm toán một cách khách quan để chuẩn hóa các kết quả đạt được.

- Đảm bảo cung cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ cho giáo dục đại học, chuyên nghiệp và kịp thời cho việc thực hiện các mục tiêu chất lượng giáo dục và NCKH trong từng thời kỳ phát triển.

- Tăng cường hợp tác với các trường thuộc top 500 của châu Á về giáo dục và NCKH; học tập mô hình quản lý hiện đại; tiếp cận khoa học, kỹ thuật

tiên tiến và các phương pháp thực hành tốt nhất trong thực tiễn; thực hiện chuyển giao khoa học công nghệ; tất cả CTĐT của Trường đều được các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có uy tín kiểm định và công nhận.

Sứ mạng: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GDĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Tầm nhìn: Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng top 1.000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Giá trị cốt lõi: Trung thực (*Honesty*); **Trách nhiệm** (*Accountability*); **Say mê** (*Passion*); **Sáng tạo** (*Creativity*); **Hợp tác** (*Collaboration*).

Triết lý giáo dục: Hợp tác - Sáng tạo.

1.1.2. Lịch sử phát triển:

Trường Đại học Vinh được thành lập năm 1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/02/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có Quyết định số 637/QĐ đổi tên Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Ngày 11/07/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Là một trong những trường đại học đầu tiên của nền giáo dục cách mạng Việt Nam, Nhà trường vinh dự được đóng trên quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh - vùng địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Từ khi thành lập đến nay, Trường đã trải qua 5 giai đoạn phát triển:

- Từ Phân hiệu ĐHSP Vinh đến Trường ĐHSP Vinh (1959 - 1965).
- Trường ĐHSP Vinh trong những năm sơ tán (1965 - 1973).
- Trường ĐHSP Vinh từng bước đa ngành (1973 - 2001).
- Sự phát triển của Trường Đại học Vinh đa ngành và hướng tới xây dựng Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh (2001 - nay).

Từ Trường Đại học Sư phạm Vinh đến Trường Đại học Vinh hôm nay

là thành quả của sự phấn đấu liên tục, bền bỉ, sáng tạo, tự chủ của các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, học sinh sinh viên và học viên của Nhà trường. Những thành quả đó khẳng định uy tín và vị thế của Trường Đại học Vinh trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Trong 64 năm qua, Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh có việc làm sau 1 năm đạt trên 90%, trong đó có nhiều ngành đạt 100%. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các CSGD, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Với những kết quả toàn diện trong 64 năm xây dựng và phát triển, tập thể Nhà trường, các đơn vị và cá nhân trong Trường đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009, năm 2014), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào (năm 2019), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017) và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Trường đã có 05 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, 37 cán bộ được tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú; có 11 đơn vị và 43 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba.

Theo bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới của tổ chức CSIC, hằng năm Trường Đại học Vinh đều được xếp trong top 20 các CSGD đại học của Việt Nam. Trường Đại học Vinh đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu theo Hệ thống đối sánh chất lượng giáo dục đại học (UPM) của 100 trường đại học hàng đầu châu Á (trong đó có nhiều tiêu chí đạt 5 sao). Theo bảng xếp hạng SCImago (SCImago Institutions Rankings) Trường Đại học Vinh xếp ở vị trí thứ 16 trong 22 trường đại học của Việt Nam.

1.1.3. Nguồn lực của Nhà trường:

Trường có 3 trường thuộc (*trong đó có 20 khoa đào tạo*), 4 viện, 4 khoa đào tạo trực thuộc Trường, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa.

Đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với tổng số viên chức và người lao động của Trường là 1.010 người, trong đó có 50 giáo sư và phó giáo sư, 322 tiến sĩ, 436 thạc sĩ,... Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%.... Trường có 381 giảng viên hạng III; 135 giảng viên hạng II; 50 giảng viên hạng I. Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên là 50%.

Trường đào tạo 57 ngành đại học (*trong đó có 3 ngành đại học chất lượng cao*), 38 ngành thạc sĩ, 17 ngành tiến sĩ. Ngoài ra, Trường Đại học Vinh còn có 2 trường trực thuộc (Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành Sư phạm). Quy mô đào tạo của Trường là gần 35.000 HSSV, học viên, trong đó HSSV, học viên chính quy là 22.000 người.

Trong 57 ngành đào tạo đại học, Trường có 14 ngành đào tạo giáo viên là các ngành truyền thống, cung cấp nguồn giáo viên chất lượng cao cho cả nước. Trong quá trình xây dựng và phát triển, chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm hàng đầu. Từ năm 2017, Nhà trường đã xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO cho tất cả các ngành đào tạo đại học và đào tạo sau đại học. Để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông mới, Trường đang tập trung xây dựng các mô hình đào tạo giáo viên nói riêng, đào tạo các nguồn nhân lực nói chung theo tiếp cận năng lực, đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy, ứng dụng CNTT, phát triển hệ thống hỗ trợ dạy học e-Learning, các hình thức dạy học trực tuyến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Công tác bồi dưỡng thường xuyên cũng được Nhà trường quan tâm đẩy mạnh với các chương trình bồi dưỡng phong phú, đa dạng. Đặc biệt, với sự hỗ trợ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý CSGD phổ thông (ETEP), Nhà trường đã và đang đóng góp có hiệu quả công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên các cấp học cho các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động ĐBCL. Năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL CSGD. Hiện nay, Trường đã có 18 ngành đào tạo đại học được kiểm định và đạt chuẩn, trong đó có 2 ngành được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL quốc tế AUN-QA, 2 CTĐT đạt chuẩn 4 - 5 sao theo Hệ thống đối sánh chất lượng GDĐH (UPM). Tháng 12/2022, Nhà trường đã hoàn thành khảo sát chính thức phục vụ đánh giá

ngoài cấp cơ sở giáo dục chu kỳ 2 (2022 - 2027), được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài thuộc Trung tâm KĐCL giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội đánh giá cao và đã được cấp chứng nhận.

Hoạt động NCKH của Trường tập trung trên 3 lĩnh vực: khoa học cơ bản, KHGD và KHCN, ứng dụng - triển khai. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025; ban hành Quy định về quản lý các hoạt động KHCN.

Trong những năm gần đây, cán bộ, giảng viên của Trường đã chủ trì và tham gia triển khai nhiều dự án KHCN của Chính phủ, các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước. Trung bình hàng năm, Trường thực hiện 120 đề tài/dự án các cấp với tổng kinh phí gần 9,4 tỷ đồng, chiếm khoảng 4% tổng kinh phí hoạt động của Nhà trường; trong đó có 48,65% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp nhà nước, cấp bộ từ nguồn ngân sách Trung ương, 14,04% kinh phí thực hiện đề tài/dự án cấp tỉnh từ nguồn ngân sách địa phương, 37,31% là đề tài cấp trường.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường được đẩy mạnh. Nhà trường có quan hệ hợp tác đào tạo, NCKH, bồi dưỡng cán bộ với hàng chục CSGD đại học, các tổ chức khoa học quốc tế từ Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc. Trong những năm qua, Trường đã ký kết các chương trình hợp tác song phương với nhiều trường đại học lớn trên thế giới tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tham gia học tập, NCKH.

Nhà trường cũng đã chủ trì tổ chức nhiều hội thảo khoa học khu vực và quốc tế; tạo lập được các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh với các nhà khoa học đầu ngành như: nhóm nghiên cứu Quang học - Quang phổ, nhóm nghiên cứu Xác suất và Thống kê,... ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động đối với nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã có chính sách mạnh về việc khen thưởng cho các tác giả có công bố quốc tế hàng năm. Trong 5 năm gần đây, số lượng công bố khoa học trên các tạp chí khoa học quốc tế và số đăng ký sở hữu trí tuệ của Trường tăng mạnh. Chỉ tính riêng trong năm 2022, Trường có hơn 165 công trình nghiên cứu của cán bộ, giảng viên công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Web of Science (WoS) và Scopus, vượt chỉ tiêu đề ra (130 bài/năm).

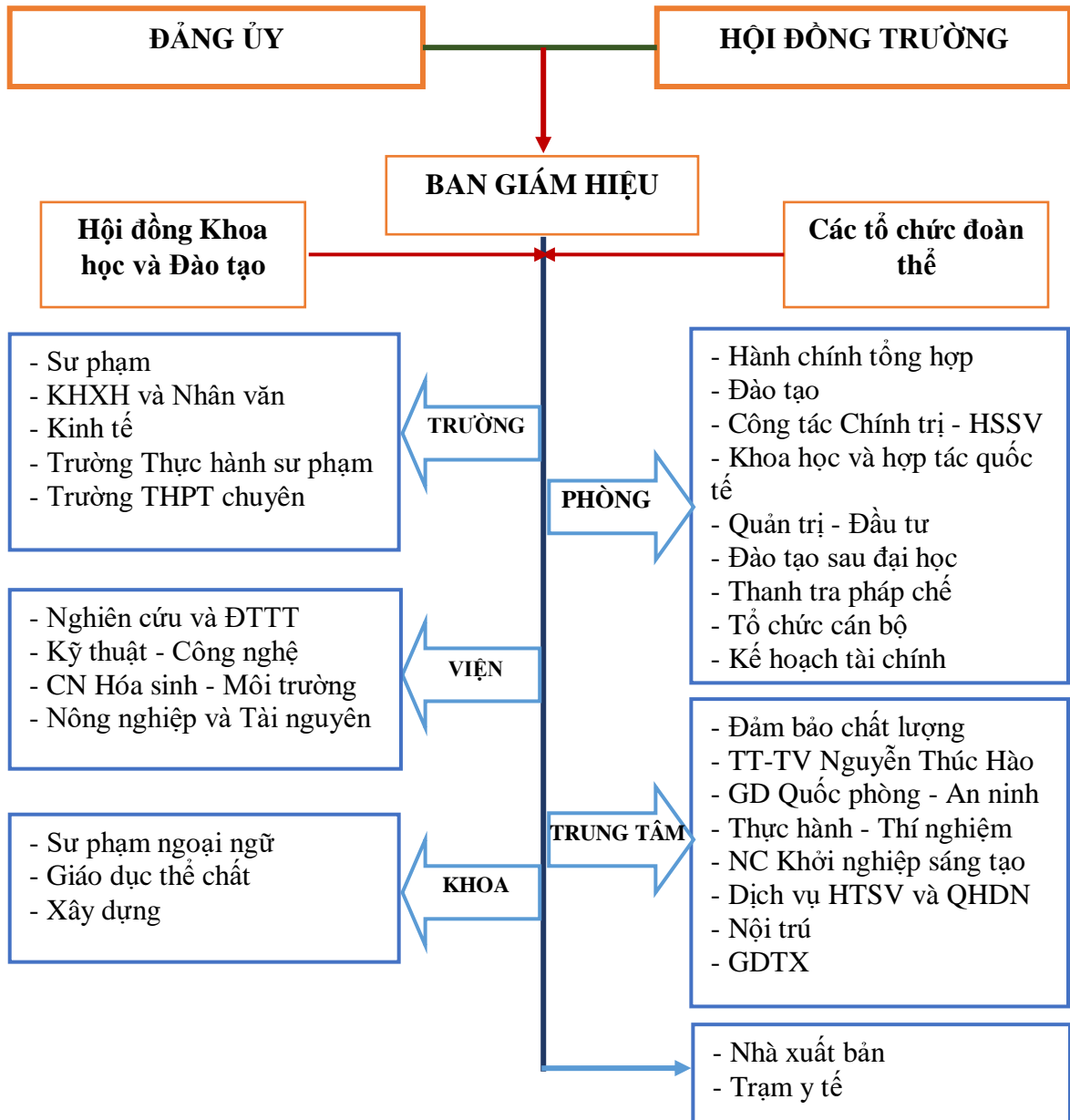
Hoạt động NCKH của sinh viên được quan tâm đầy mạnh. Từ năm học 2018 - 2019, Nhà trường đổi mới hoạt động NCKH của sinh viên. Số đề tài tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học sinh viên và đạt giải thưởng "Tài năng khoa học trẻ Việt Nam", "Sinh viên NCKH" cấp Bộ ngày càng tăng.

Tạp chí Khoa học của Trường mỗi năm ra 4 kỳ có chất lượng tốt, được nâng cấp theo các tiêu chuẩn của Hệ thống cơ sở dữ liệu ASEAN (ACI).

Về cơ sở vật chất, Trường Đại học Vinh có Cơ sở chính tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ GD&ĐT và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập, được đánh giá là CSGD đại học có cơ sở vật chất vào tốp đầu của cả nước. Trường có: 10 hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ; 36 phòng học từ 100 đến 200 chỗ; 85 phòng học từ 50 đến 100 chỗ; 155 phòng học dưới 50 chỗ; 16 phòng học đa phương tiện; 78 phòng làm việc của các đơn vị chức năng; 14 phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 2 thư viện, trung tâm học liệu; 3 trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập. Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập. Quy hoạch đất để xây dựng Trường đã được phê duyệt là 130 ha, trong đó diện tích đã được xây dựng và đưa vào sử dụng là 44,12 ha.

1.1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh hiện nay được tổ chức theo mô hình quản lý 3 cấp đó là cấp Trường Đại học Vinh (cấp 1), cấp Trường/Khoa/Viện thuộc và trực thuộc (cấp 2), cấp Khoa /Bộ môn (cấp 3). Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh hiện nay gồm 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:



Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức Trường Đại học Vinh

- Đảng ủy lãnh đạo Nhà trường và các tổ chức đoàn thể, xã hội.

Đảng bộ Trường Đại học Vinh là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh Nghệ An. Hiện nay, Đảng bộ có 8 đảng bộ bộ phận (trong đó có 26 chi bộ cán bộ, 10 chi bộ học viên, sinh viên), 19 chi bộ trực thuộc Đảng ủy Trường. Toàn Trường có 1.012 đảng viên, gồm 703 cán bộ và 309 sinh viên.

Nhà trường có các đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu chiến binh. Công đoàn Trường Đại học Vinh trực thuộc Công đoàn Giáo dục Việt Nam với 29 Công đoàn bộ phận; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường Đại học Vinh trực thuộc Tỉnh đoàn Nghệ

An với 11 Đoàn trường thuộc/trực thuộc, Đoàn viện, Liên chi đoàn và 2 chi đoàn trực thuộc; Hội Sinh viên Việt Nam Trường Đại học Vinh trực thuộc Hội Sinh viên Việt Nam tỉnh Nghệ An với 3 Hội Sinh viên trường thuộc, 7 Liên chi Hội Sinh viên khoa/viện; Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Vinh trực thuộc Hội Cựu chiến binh tỉnh Nghệ An với 3 chi hội trực thuộc.

- Hội đồng trường gồm 19 thành viên.

- Ban Giám hiệu: gồm Hiệu trưởng và 2 Phó Hiệu trưởng.

- 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa gồm: Trường Sư phạm, Trường Kinh tế, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Viện Công nghệ Hóa sinh - Môi trường, Viện Nông nghiệp và Tài nguyên, Viện NC&ĐTTT, Khoa Giáo dục Thể chất, Khoa Giáo dục Quốc phòng, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Khoa Xây dựng.

- 2 trường trực thuộc: Trường THPT Chuyên, Trường Thực hành Sư phạm.

- 22 phòng ban, trung tâm, trạm: Văn phòng Đảng - Hội đồng trường - Đoàn thể, Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học, Phòng Hành chính Tổng hợp, Phòng KH&HTQT, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản trị và Đầu tư, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Thanh tra - Pháp chế, Ban Quản lý Cơ sở II, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm KĐCL giáo dục, Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm Nội trú, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Nhà xuất bản, Trạm Y tế.

- 2 Văn phòng đại diện: Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh, Văn phòng đại diện tại tỉnh Thanh Hóa.

1.1.5. Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường Đại học Vinh

Trường Đại học Vinh tổ chức hoạt động theo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Luật Giáo dục 38/2005/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 44/2009/QH12; Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số

34/2018/QH14; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; các nhiệm vụ của Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý CSGD phổ thông (ETEP)... để phát triển Trường thành Đại học, góp phần giải quyết những vấn đề lớn trong đào tạo nguồn nhân lực theo nhu cầu xã hội, đáp ứng nhu cầu thế giới việc làm cho tất cả các khối ngành, đặc biệt là khối ngành đào tạo giáo viên.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường Đại học Vinh lần thứ XXXII nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định tầm nhìn chiến lược và định hướng phát triển chung của Nhà trường là: *"Phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh, là trụ cột của các cơ sở giáo dục đại học khu vực Bắc Trung Bộ, hướng tới xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á"*. Xây dựng Trường Đại học Vinh thành một CSGD đại học năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp, tự do học thuật trên tinh thần dân chủ, tự chủ, bình đẳng, phấn đấu đến năm 2025, Nhà trường đủ điều kiện cơ bản để xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á.

Hiện nay, Trường Đại học Vinh đã và đang triển khai đề án tái cấu trúc Nhà trường, sắp xếp lại các khoa và ngành nghề đào tạo trên cơ sở phân tích các tiềm năng, thế mạnh và thách thức; tiếp tục xây dựng Nhà trường thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, thành trung tâm NCKH, đổi mới sáng tạo, trung tâm ĐBCL và KĐCLGD của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Trên cơ sở sắp xếp công tác tổ chức, nhân lực, Nhà trường đang triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo, đào tạo lại giáo viên và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cho khu vực và cả nước. Nhà trường đã và đang tiến hành rà soát, quy hoạch lại các ngành và ngành đào tạo của Trường, làm cơ sở để phân tầng, xếp hạng và nâng cao hiệu quả đầu tư. Một số ngành và CTĐT chất lượng cao bắt đầu được triển khai.

Trường tập trung nâng cao chất lượng tất cả các mặt hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và NCKH đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhà trường phối hợp với các cơ sở đào tạo của địa phương để bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho các tỉnh và một số địa bàn trọng

điểm trong cả nước. Nhà trường phối hợp tốt với tỉnh Nghệ An và các địa phương triển khai các CTĐT gắn với thực tiễn phát triển của các địa phương; triển khai hoạt động NCKH theo nhu cầu, đơn đặt hàng của tỉnh và của doanh nghiệp. Nhà trường quan tâm gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và NCKH, trong đó NCKH góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo phải gắn liền với nhiệm vụ NCKH. Nhà trường đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước, tranh thủ sự ủng hộ của tỉnh Nghệ An và các doanh nghiệp để đầu tư xây dựng Nhà trường đáp ứng yêu cầu của trường đại học trọng điểm quốc gia. Những thách thức chính của Trường Đại học Vinh là:

- Kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ tạo ra khoảng cách kinh tế và tri thức giữa Việt Nam với các nước ngày càng lớn.

- Sự cạnh tranh gay gắt của các cơ sở GDDH trên cả nước trong tuyển sinh, nhân lực, chất lượng đào tạo và dịch vụ.

- Yêu cầu đổi mới GDDH hướng đến phát triển năng lực, thúc đẩy ĐMST và khởi nghiệp cho người học ngày càng cao.

- Chất lượng đào tạo và CTĐT chưa thật sự đáp ứng nhu cầu xã hội, đặc biệt là tự chủ đại học.

- Việc đáp ứng yêu cầu chất lượng, cơ cấu và số lượng nguồn nhân lực cho GDDH còn những bất cập.

- Việc ứng dụng CNTT và khai thác công nghệ số phục vụ đào tạo, nghiên cứu và quản lý một cách đồng bộ, thống nhất đang là yêu cầu bức thiết đối với các trường đại học của Việt Nam, trong đó có Trường Đại học Vinh.

1.2. Khái quát về Trường Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh

- *Tên tiếng Việt:* Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

- *Tên tiếng Anh:* College of Education - Vinh University

- Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Sứ mạng: Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, phục vụ cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Bắc miền Trung và cả nước.

Tầm nhìn: Trường Sư phạm là trường thuộc của Đại học Vinh, đến năm 2030 là trường Sư phạm thông minh, trụ cột trong mạng lưới đào tạo, bồi

dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục khu vực Bắc Trung bộ và cả nước.

Giá trị cốt lõi: Đoàn kết - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Phát triển.

Lịch sử phát triển: Năm 1959, Trường Đại học Vinh được Bộ Giáo dục quyết định thành lập với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/2/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có quyết định đổi tên Phân hiệu ĐHSP Vinh thành Trường ĐHSP Vinh. Nhà trường vinh dự là trường đại học đầu tiên của Trung ương đóng trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mảnh đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng. Trải qua 42 năm xây dựng và phát triển, ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định đổi tên Trường ĐHSP Vinh thành trường Đại học Vinh. Ngày 21/7/2021, Hội đồng trường Đại học Vinh đã ban hành Nghị quyết về việc thành lập Trường Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh, tiếp nối truyền thống và thế mạnh đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong suốt hơn 60 năm qua. Việc thành lập Trường Sư phạm được đánh giá là một bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Vinh, phát huy truyền thống dạy học và uy tín giáo dục, đào tạo cử nhân sư phạm của nhà trường. Nhà trường đã và đang có nhiều đóng góp to lớn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và đề xuất, đóng góp nhiều luận cứ khoa học làm nền tảng cho các cuộc cải cách, đổi mới giáo dục.

Nguồn lực của Trường Sư phạm:

Trường Sư phạm có 12 khoa và 1 trung tâm gồm: Khoa Toán học, Khoa Vật Lý, Khoa Hóa học, Khoa Tin học, Khoa Ngữ Văn, Khoa Sinh học, Khoa Lịch Sử, Khoa Địa lí, Khoa Giáo dục chính trị, Khoa GD mầm non, Khoa GD tiểu học, Khoa Tâm lý - Giáo dục và Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Với sứ mệnh là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, phục vụ cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Bắc miền Trung và cả nước. Đến năm 2030, Trường Sư phạm sẽ trở thành Trường Sư phạm thông minh, trụ cột trong mạng lưới đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước. Số liệu cơ bản về Trường Sư phạm là:

- Tổng quy mô đào tạo:

- + Đại học: 12.000
- + Thạc sĩ: 2.900
- + Tiến sĩ: 80
- Tổng số giảng viên và cán bộ nghiên cứu:
 - + Cơ hữu: 175 Thỉnh giảng: 90
 - + Cán bộ cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên: 127 (2 GS, 29 PGS, 127 tiến sĩ)
- Tổng số chương trình đào tạo:
 - + Đại học: 13
 - + Cao học: 27
 - + Tiến sĩ: 15

Mỗi ngành đào tạo đều được cập nhật chương trình giảng dạy, tài liệu học tập thường xuyên, ứng dụng tối đa công nghệ số phù hợp với xu thế của thời đại. Sinh viên của Trường luôn được tạo điều kiện để tham gia thực hành môn học; đi kiến tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm từ sớm. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo các ngành sư phạm được phát triển dựa theo Đề cương CDIO đã được tham vấn ý kiến các bên liên quan. Trên cơ sở đó, các ngành đã xây dựng Chương trình dạy học gồm các học phần được thiết kế sao cho tỷ lệ lý thuyết/thực hành/đề án được xây dựng dựa trên nguyên tắc đảm bảo việc tích hợp khoa học, có hệ thống tất cả các chuẩn đầu ra của CTĐT vào chương trình dạy học thể hiện qua Ma trận kỹ năng và Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra cho các học phần trình bày trong Mô tả chương trình đào tạo. Do đó, tỷ lệ số tiết thực hành, đề án trong chương trình đào tạo năm 2021 đã tăng lên đáng kể so với chương trình đào tạo năm 2017, đặc biệt là thông qua chuỗi 7 học phần dạy học dựa vào dự án/đề án cho tất cả 13/13 CTĐT giáo viên. Chuỗi 7 học phần dạy học dựa vào dự án/đề án với học phần Nhập môn sư phạm ở năm thứ nhất đến học phần Thực tập và đề án tốt nghiệp ở năm thứ 4 giúp sinh viên trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo 02 hướng: trải nghiệm về khoa học cơ bản tích hợp kỹ năng nghiên cứu khoa học (3 học phần), trải nghiệm khoa học giáo dục tích hợp các kỹ năng cá nhân và liên nhân của giáo viên tương lai (4 học phần).

Trường Sư phạm đóng tại Trụ sở chính của Trường Đại học Vinh tại số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong những năm qua, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự

giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong thời kỳ hội nhập. Trong 5 cơ sở của Đại học Vinh, cơ sở 1 tại số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 14 ha. Đây là nơi tập trung hệ thống quản lý nhà trường, văn phòng làm việc của các đơn vị trong trường, hệ thống phòng học, các phòng thí nghiệm - thực hành, thư viện, ký túc xá, trạm y tế, sân vận động, nhà tập đa năng... Hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ tiện nghi cho giảng dạy và học tập.

Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào là thư viện lớn nhất khu vực Bắc miền Trung, là một tòa nhà 7 tầng với diện tích sàn gần 9.000 m² gồm không gian học tập tầng 1, 6 phòng học, 1 phòng xử án mô phỏng, 3 phòng máy tính, 8 kho sách và phòng đọc với gần 1.500 chỗ ngồi. Thư viện hiện nay có hệ thống mượn - trả sách tự động; hệ thống trả sách 24/7; hệ thống máy tính; phần mềm quản lý thư viện Kipos; máy scan - số hóa. Không gian học tập với đầy đủ các phương tiện hiện đại, máy tính kết nối mạng cho sinh viên tự học, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO. Tài liệu gồm có 16.118 tên với 175.095 cuốn; 16.191 luận văn thạc sĩ và 4.652 luận án tiến sĩ. Thư viện số tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn/> cung cấp 21.021 tài liệu; trong đó tạp chí khoa học nước ngoài có thể truy cập cơ sở dữ liệu điện tử Proquest Center và các cơ sở dữ liệu điện tử khác có liên kết.

Trường có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, bao gồm: Hệ thống hạ tầng mạng gồm trục kết nối 15 tòa nhà bằng 5 đường truyền với độ dài gần 10km đảm bảo tốc độ kết nối 1Gbps cho hơn 1.000 máy tính của Nhà trường. Hệ thống mạng wifi với hơn 250 điểm truy cập được lắp đặt trong khuôn viên Nhà trường, các phòng học, phòng thí nghiệm, sân chơi, bãi tập, ký túc xá... hiện đang phục vụ miễn phí cho cán bộ và sinh viên. Hệ thống camera được lắp đặt tại các vị trí, góp phần đảm bảo công tác an ninh, trật tự trong Nhà trường.

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm với 50 phòng thí nghiệm được quy hoạch phù hợp với các ngành đào tạo theo tiếp cận CDIO, trang thiết bị hiện đại, được bổ sung thường xuyên. Ngoài ra, Trường còn có xưởng thực tập, thực hành hiện đại; phòng thực hành nhạc họa; vườn ươm, ao nuôi thực nghiệm đảm bảo phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của

cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Sinh viên SP cs thể thực hành nghề tại hệ thống trường Thực hành sư phạm các cấp Mầm Non, Tiểu học, Trung học cơ sở và Trường THPT Chuyên. Đặc biệt, Trường Sư phạm đã xây dựng được hệ thống các "phòng thí nghiệm phổ thông" khá hoàn chỉnh để phục vụ đào tạo sinh viên khối ngành đào tạo giáo viên.

Ký túc xá sinh viên Cơ sở I có 315 phòng ở; Khu nhà ở Hưng Bình có 136 phòng ở. Cơ sở vật chất tại Ký túc xá được đầu tư khang trang, sạch đẹp, các phòng đều có máy nước nóng lạnh, điều hòa nhiệt độ... an ninh trật tự được đảm bảo. Trạm Y tế của Trường được bố trí khuôn viên riêng, có 8 phòng làm việc với đội ngũ 11 y, bác sỹ, với đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại và thuốc, vật tư y tế đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám, chữa bệnh cho cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên, học viên trong Trường.

Ngoài cơ sở vật chất phục vụ học tập, nghiên cứu, sinh hoạt, Nhà trường còn có hệ thống sân chơi, bãi tập phục vụ đào tạo ngành Giáo dục Thể chất và môn Thể dục thể thao cho sinh viên toàn Trường. Đây cũng là nơi tổ chức các giải thể thao của cán bộ, sinh viên rèn luyện thể chất, rèn luyện sức khỏe.

Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh có mối quan hệ hợp tác tốt trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục với các Trường ĐHSPT trọng điểm, các cơ sở đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; với Sở Giáo dục và Đào tạo, các Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thanh Hoá,... và nhiều địa phương trong cả nước. Hiện nay, Trường/Khoa đang mời hơn 30 Nhà khoa học thuộc có chuyên môn thuộc lĩnh vực Lịch sử, Địa lí ở trong và ngoài nước tham gia hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Từ những truyền thống Sư phạm của Trường Đại học Sư phạm Vinh trước đây và Trường Đại học Vinh hôm nay, Trường Sư phạm sẽ trở thành đơn vị vững mạnh, là địa chỉ tin cậy để các em học sinh, sinh viên, giáo viên lựa chọn là nơi đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục cho các tỉnh Bắc Trung bộ và cả nước.

PHẦN II.

SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

2.1. Nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ngành đề xuất mở

Ngày 26/12/2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Chương trình giáo dục phổ thông. Theo đó, ở cấp Trung học cơ sở, khối kiến thức Lịch sử và Địa lí được tích hợp lại thành một môn học là Lịch sử và Địa lí. Để đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Lịch sử và Địa lí đặt ra yêu cầu cần được đào tạo về phương pháp dạy học tích hợp, dạy học phân hoá; kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực; đào tạo kiến thức Lịch sử, Địa lí để vừa nắm vững các nội dung cơ bản của khoa học xã hội, vừa hình thành các kỹ năng chuyên môn. Do đó, bên cạnh việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên hiện tại (chỉ được đào tạo về Lịch sử hoặc Địa lí) có đủ khả năng giảng dạy thêm nội dung kiến thức còn lại, các trường THCS còn có nhu cầu tuyển dụng giáo viên có khả năng dạy được môn ghép Lịch sử và Địa lí nhằm bổ sung vào đội ngũ giáo viên của các trường. Đây là một yêu cầu cấp thiết nhằm hài hòa giữa mục tiêu nâng cao năng lực đội ngũ theo hướng chính quy, tinh nhuệ và mục tiêu sử dụng hợp lý đội ngũ giáo viên trong bối cảnh tinh giản biên chế hiện nay.

Theo lộ trình, từ năm học 2021 - 2022, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 được áp dụng ở khối lớp 6 THCS và lần lượt đến năm học 2024 - 2025 sẽ áp dụng đến cả 4 khối lớp của bậc THCS. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên như sau: Trước hết là tập trung bồi dưỡng 25% số giáo viên để dạy lớp 6 và cuốn chiếu cho các năm tiếp theo. Bộ khuyến khích và có chế độ cho các giáo viên tự nguyện đăng kí học thêm các học phần bổ sung kiến thức chuyên môn để có thể đảm nhận giảng dạy từ 2 phân môn, tiến tới đảm nhận toàn bộ chương trình môn học. Đối với đào tạo giáo viên mới, các trường sư phạm xây dựng chương trình đào tạo giáo viên cấp THCS để dạy học môn Lịch sử và Địa lí, môn Khoa học tự nhiên. Giáo viên mới sẽ thay dần khi giáo viên hiện hành nghỉ hưu. Báo cáo tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc ngành Giáo dục năm 2020 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 31/10/2020, cả nước thiếu hơn 94.700 giáo viên các cấp và đã

đề nghị Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ giao bổ sung trong giai đoạn 2021 - 2025. Số liệu trên được đưa ra trong báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch năm học 2020 - 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Riêng năm 2021, Bộ đề nghị bổ sung khoảng 30.000 biên chế, trong đó 20.000 biên chế giáo viên cho các môn học mới cấp tiểu học, THCS, THPT và 10.000 biên chế giáo viên mầm non cho các tỉnh vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số (không bao gồm 5 tỉnh Tây Nguyên và 14 tỉnh được bổ sung biên chế giáo viên mầm non năm 2019). Trong lộ trình ấy, việc tổ chức đào tạo GV THCS môn Lịch sử và Địa lí trở nên cấp thiết.

Tại Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh và các địa phương khác trong cả nước, phần lớn đội ngũ giáo viên THCS chỉ mới được đào tạo đơn môn là Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lí. Việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới dẫn đến tình trạng thiếu đội ngũ giáo viên có chuyên môn Lịch sử và Địa lí. Theo Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Nghệ An” cho thấy: đến năm 2025, số lớp ở bậc THCS dự kiến là 6.498 lớp (tăng 25,6% so với năm 2021) và đến năm 2030 là 7.197 lớp (tăng 38,2 so với năm 2021). Đề án “Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thanh Hóa” xác định nhu cầu đội ngũ giáo viên bậc THCS trong năm học 2025-2026 là 12.944 giáo viên (thiếu 2.982 giáo viên so với nhu cầu của năm học 2021-2022). Trong bối cảnh đó, việc bổ sung các mã ngành đào tạo giáo viên phổ thông trong đó có ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí là yêu cầu bức thiết đối với Trường Đại học Vinh.

Do đó, Trường Đại học Vinh kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Nhà trường mở mã ngành đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí là phù hợp với nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực của 3 tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh và cả nước.

2.2. Sự phù hợp với sứ mạng, mục tiêu phát triển của cơ sở giáo dục đại học

Năm 1959, Trường Đại học Vinh được Bộ Giáo dục quyết định thành lập với tên gọi ban đầu là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 29/2/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục có quyết định đổi tên Phân hiệu ĐHSV Vinh thành Trường ĐHSV Vinh. Được thành lập vào những năm đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX với rất nhiều khó khăn phải đối diện mà lớn nhất là chiến tranh và

những ngày tháng dài đi sơ tán. Nhà trường vinh dự là trường đại học đầu tiên của Trung ương đóng trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mảnh đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Trải qua 42 năm xây dựng và phát triển, ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định đổi tên Trường ĐHSPT Vinh thành trường Đại học Vinh. Với niềm tự hào, uy tín, chất lượng giảng dạy, đào tạo cử nhân sư phạm của Trường ĐHSPT Vinh ngày trước, ngày 21/7/2021, Hội đồng trường Đại học Vinh đã ban hành Nghị quyết về việc thành lập Trường Sư phạm thuộc Trường Đại học Vinh, tiếp nối truyền thống và thế mạnh đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong suốt hơn 60 năm qua. Việc thành lập Trường Sư phạm được đánh giá là một bước tiến quan trọng trong chiến lược phát triển của Trường Đại học Vinh, phát huy truyền thống dạy học và uy tín giáo dục, đào tạo cử nhân sư phạm của nhà trường. Từ khi thành lập đến nay, đào tạo và bồi dưỡng giáo viên đã trở thành truyền thống và thế mạnh của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã và đang có nhiều đóng góp to lớn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và đề xuất, đóng góp nhiều luận cứ khoa học làm nền tảng cho các cuộc cải cách, đổi mới giáo dục. Trải qua hơn 60 năm đào tạo, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh đã công tác ở hầu hết các vùng, miền, địa phương trong cả nước, đáp ứng yêu cầu về nhân lực giáo viên các cấp học, bậc học.

Từ năm 2016, Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn là 1 trong 8 cơ sở giáo dục đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của cả nước; tham gia Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP); tham gia biên soạn các bộ sách giáo khoa theo chương trình mới... khẳng định vị thế của Trường trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Đội ngũ nhà giáo Trường Sư phạm uy tín, trách nhiệm với hơn 170 cán bộ giảng dạy, trong đó có 2 giáo sư, 29 phó giáo sư, 127 tiến sĩ. Mỗi ngành đào tạo đều được cập nhật chương trình giảng dạy, tài liệu học tập thường xuyên, ứng dụng tối đa công nghệ số phù hợp với xu thế của thời đại. Sinh viên của Trường luôn được tạo điều kiện để tham gia thực hành môn học; đi kiến tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm từ sớm.

Sứ mạng của Trường Đại học Vinh là “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo*

dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế". Tầm nhìn của Trường Đại học Vinh là *"trở thành đại học thông minh, xếp hạng top 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 đại học hàng đầu thế giới vào năm 2045"*. Để làm được điều này Nhà trường tập trung mở rộng quy mô cùng với nâng cao chất lượng đào tạo đang là mục tiêu ưu tiên hàng đầu. Bởi vậy, Nhà trường luôn tìm các biện pháp đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và cơ sở vật chất. Trường Đại học Vinh có nhiệm vụ thực hiện hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đóng góp cho sự phát triển giáo dục của địa phương đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện trong giáo dục.

Trên cơ sở Tầm nhìn, sứ mạng đó, Trường Sư phạm được thành lập với 12 khoa và 1 trung tâm gồm: Khoa Toán học, Khoa Vật Lý, Khoa Hóa học, Khoa Tin học, Khoa Ngữ Văn, Khoa Sinh học, Khoa Lịch Sử, Khoa Địa lí, Khoa Giáo dục chính trị, Khoa GD mầm non, Khoa GD tiểu học, Khoa Tâm lý - Giáo dục và Trung tâm Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm. Sứ mạng của Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh là *"đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, phục vụ cộng đồng, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực Bắc miền Trung và cả nước"*. Tầm nhìn của Trường Sư phạm là *"trường thuộc của Đại học Vinh, đến năm 2030 là Trường Sư phạm thông minh, trụ cột trong mạng lưới đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục của khu vực Bắc Trung bộ và cả nước"*.

Trong bối cảnh đó, việc mở ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí thuộc Trường Sư phạm là quá trình bổ sung đầy đủ các mã ngành đào tạo giáo viên, thực hiện mục tiêu *"cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ"*, phù hợp với chiến lược phát triển của Trường Đại học Vinh.

2.3. Sự phù hợp với chiến lược, quy hoạch, xu thế phát triển của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020 đã đề ra một số nhiệm vụ và giải pháp, trong đó yêu cầu: *"Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành,...*

hỗ trợ Nghệ An sớm trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...là trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ”; Quyết định số 197/2007/QĐ-TTg ngày 28/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020 khẳng định: “Xây dựng Nghệ An thành trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ. Đầu tư nâng cấp trường đại học Vinh trở thành trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế”. Với nội dung đó, việc đào tạo giáo viên phổ thông có chất lượng cao trở thành nhiệm vụ hàng đầu, là cơ sở để thúc đẩy tỉnh Nghệ An thực hiện thành công nhiệm vụ “trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao...là trung tâm giáo dục - đào tạo đại học vùng Bắc Trung Bộ”. Ngày 22/7/2022, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An đã ban hành quyết định số 2124/QĐ-UBND về việc phê duyệt Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và Đào tạo Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó, định hướng phát triển là “Huy động mọi nguồn lực, tập trung thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018...” với mục tiêu cụ thể là đến năm 2030 “100% giáo viên phổ thông đạt chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019”. Trong bối cảnh đó, việc bổ sung các mã ngành đào tạo giáo viên phổ thông trong đó có ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí, cung cấp nguồn nhân lực cho tỉnh là một yêu cầu bức thiết đối với Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh.

Nghệ An là một tỉnh lớn nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Khu vực Bắc Trung Bộ là một trong 7 vùng kinh tế của Việt Nam, bao gồm 6 tỉnh (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế) với diện tích 5.150.069 ha (chiếm 15,5% diện tích cả nước), dân số hơn 10 triệu người (chiếm 13% dân số cả nước). Nhu cầu nhân lực nói chung và đào tạo giáo viên nói riêng là rất lớn. Là trường đại học trọng điểm quốc gia, là 1 trong 8 trường Sư phạm chủ chốt trong cả nước, việc Trường Sư phạm – Trường Đại học Vinh mở mã ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí góp phần thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của vùng Bắc Trung Bộ, tạo cơ sở thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có ý nghĩa rất quan trọng. Chính vì vậy, việc đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí ở Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh có ý nghĩa to lớn cả về lý luận và thực tiễn hiện nay nhằm góp phần thực hiện những chủ trương, chính sách của Bộ giáo dục và Đào tạo và giải

quyết những vấn đề của thực tiễn giáo dục địa phương.

2.4. Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo trình độ Đại học ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí

Sau khi tiến hành khảo sát trực tiếp các 2 nhóm đối tượng là: 1. *CBQL từ các phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo, giáo viên, Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ Xã hội tại các trường THCS* và 2. *Học sinh*, tổng số phiếu phát ra và thu vào là: 348 phiếu, chúng tôi thu được kết quả như sau:

- Với nhóm đối tượng 1, 116 người gồm các CBQL từ các phòng, Sở GDĐT, GV, Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ Xã hội tại các trường THCS, số liệu cho thấy:

+ Có 26,7% rất đồng ý và 68% đồng ý Lịch sử và Địa lí là một ngành học hấp dẫn, có nhiều triển vọng. Tuy nhiên một thực trạng là số GV có thể đảm nhận dạy học môn Lịch sử- Địa lí chưa nhiều, với 35,3% rất đồng ý, 62,1% đồng ý.

+ Với câu hỏi: Ngành Lịch sử và Địa lí tạo cơ hội để người học tự đào tạo, phát triển các hướng nghiên cứu về các vấn đề lịch sử, Địa lí ở địa phương, kết quả thu được là 38% rất đồng ý, 60,3% đồng ý. 51,7% ý kiến được hỏi rất đồng ý, 44,9% đồng ý cho rằng Lịch sử và Địa lí là ngành học đòi hỏi giáo viên phải có những năng lực, phẩm chất đặc thù. 53,4% rất đồng ý và 44,8% ý kiến đồng ý về ý nghĩa của ngành học, Lịch sử và Địa lí là lĩnh vực giúp người học nghiên cứu về lịch sử, Địa lí khu vực và thế giới.

+ Với câu hỏi về môi trường học mà ngành học hứa hẹn mang lại, 54,3% đồng ý và 41,4% rất đồng ý rằng: Lịch sử và Địa lí là ngành học giúp học viên được trải nghiệm ở các môi trường học khác nhau. Các chuyên viên, giáo viên tại các cơ sở giáo dục, nhà trường THCS và THPT cũng đều ủng hộ nếu mà ngành Lịch sử- Địa lí được mở, 54,3% rất đồng ý; 40,5% đồng ý ở ý hỏi: Nếu mà ngành Lịch sử- Địa lí được mở, ông (bà) có sẵn sàng tham gia hoặc tạo điều kiện cho GV tham gia hay không?. 57,7% rất đồng ý, 37,1% đồng ý với kết luận: Đào tạo GV môn Lịch sử và Địa lí là nhu cầu cấp thiết để thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018.

+ Về cơ hội nghề nghiệp mà ngành Lịch sử và Địa lí mang lại... Ông/Bà đánh giá mức độ nhu cầu nhân lực cho các vị trí công việc dưới đây như thế nào?, % ngành nghề được chọn có cơ hội nhiều nhất là giáo viên Lịch sử và Địa lí, tiếp đến là hướng dẫn viên du lịch, sau đó là chuyên viên, nhà

ngiên cứu.

Các đối tượng được khảo sát là GV, chuyên viên, ban Giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn tổ Xã hội khẳng định đây là một ngành học mới mẻ, đáp ứng được nhu cầu thiếu hụt trầm trọng nguồn nhân lực trong lĩnh vực giảng dạy môn học Lịch sử và Địa lí ở các trường THPT trong xu thế tích hợp môn học, thực hiện CTGDPT2018. Ngoài cơ hội và năng lực giảng dạy, học viên tốt nghiệp mã ngành Lịch sử và Địa lí có thể thích ứng tốt và đảm nhận nhiều vị trí công việc khác nhau: nghiên cứu Lịch sử, Địa lí, hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến Địa lí - Lịch sử địa phương, quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.

- Chúng tôi đã tiến hành khảo sát đối với 232 học sinh THPT, ở các khối lớp 10,11 và 12. Trong đó, đặc biệt chú ý khảo sát để lắng nghe tiếng nói, nguyện vọng từ các em học sinh lớp 12 - là đối tượng HS cuối cấp, đang có nhu cầu tha thiết về nghề nghiệp. Qua đó xác nhận, nắm bắt lĩnh vực nghề nghiệp mà các em yêu thích, phù hợp năng lực, sở trường, hoàn cảnh của mình; các yếu tố quan tâm trong lựa chọn ngành học, người có ảnh hưởng nhiều đến quá trình lựa chọn nghề, mức độ cần thiết về việc tìm hiểu ngành Lịch sử và Địa lí của học sinh.

+ Với câu hỏi: Ở thời điểm hiện tại, lĩnh vực nghề mà bạn yêu thích và lựa chọn là gì? 46,9% các em chọn rất thích nghề giáo viên, 43,1% chọn thích nghề hướng dẫn viên du lịch, số còn lại chọn chuyên viên, nhà nghiên cứu với tỉ lệ thấp hơn. Theo các em, các yếu tố chọn nghề trong tương lai theo thứ tự quan trọng là: phù hợp năng lực- sở trường, cơ hội việc làm, thu nhập cao... Về nhận vật có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề của HS, người có ảnh hưởng nhất là bố mẹ với các định hướng từ gia đình, trong cuộc sống hàng ngày, chiếm 83%; tiếp đến là ảnh hưởng hình mẫu ngành nghề từ giáo viên, nhất là giáo viên Lịch sử và Địa lí của các em cũng như sự khích lệ từ các giáo viên. Sau cùng là sự ảnh hưởng từ bạn bè, từ các hình mẫu khác...

+ Về đánh giá mức độ cần thiết của ngành học Lịch sử và Địa lí đối với cơ hội việc làm và phát triển bản thân, 38,4 % chọn cần thiết, 43,9 % chọn rất cần thiết, 17,7 % chọn không cần thiết. Về mong muốn tìm hiểu nhu cầu nguồn nhân lực của ngành học Lịch sử và Địa lí trong thực tiễn, 54,7% chọn rất mong muốn; 42,2% chọn mong muốn; 3,1% chọn không mong muốn.

Công việc mà học sinh mong muốn nếu học ngành Lịch sử và Địa lí là: 40,1% chọn làm giáo viên; 12,1% chọn làm nhà nghiên cứu; 12,9% chọn làm chuyên viên và 35,3% chọn làm nghề hướng dẫn viên du lịch.

Như vậy, ở đối tượng học sinh THPT, với nhu cầu định hướng nghề nghiệp, các em cũng dành nhiều lựa chọn cho các ngành nghề có liên quan đến môn học Lịch sử và Địa lí. Trong đó, ưu tiên số 1 là mong muốn sau này có thể đảm nhận các công việc: dạy học, nghiên cứu Lịch sử, nghiên cứu Địa lí, hướng dẫn viên du lịch, chuyên viên...

Với kết quả khảo sát từ các bên liên quan, chúng tôi kết luận, việc mở mã ngành đào tạo Lịch sử- Địa lí trình độ đại học đáp ứng yêu cầu thực tiễn, kể cả nhu cầu tuyển dụng cũng như mong muốn của người học.

Chi tiết xem Phụ lục 8. Báo cáo khảo sát nhu cầu đào tạo.

Từ những nghiên cứu nhu cầu thị trường lao động, thực tiễn đào tạo trong nước và năng lực đào tạo, Trường Đại học Vinh kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí.

PHẦN III.
NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI NGÀNH ĐỀ XUẤT MỞ

3.1. Năng lực về đội ngũ

Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh hiện nay có 02 Khoa Lịch sử và Khoa Địa lí với 22 giảng viên cơ hữu tại khoa và 6 giảng viên kiêm nhiệm làm việc tại đơn vị khác trong trường đảm bảo đủ để vận hành CTĐT Lịch sử và Địa lí.

T T	Họ và tên Chức vụ hiện tại	Chức danh, học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú
1.	Lê Thế Cường Trưởng khoa Lịch sử	GVC. TS	Lịch sử thế giới	2004, Trường ĐH Vinh	
2.	Nguyễn Văn Tuấn Phó Trưởng khoa Lịch sử	GVC. TS	Lịch sử thế giới	2006, Trường ĐH Vinh	
3.	Mai Phương Ngọc Phó Trưởng khoa Lịch sử	GVC. TS	Lịch sử Việt Nam	2009, Trường ĐH Vinh	
4.	Nguyễn Quang Hồng	GVCC PGS.TS	Lịch sử Việt Nam	2003, Trường ĐH Vinh	
5.	Nguyễn Thị Duyên	GVC. TS	Lý luận và PPDH bộ môn Lịch sử	1996, Trường ĐH Vinh	
6.	Nguyễn Thị Hà	GVC. ThS	Lịch sử Việt Nam	1993, Trường ĐH Vinh	
7.	Dương Thanh Hải	GVC. TS	Lịch sử Việt Nam	2003, Trường ĐH Vinh	
8.	Mai Thị Thanh Nga	GVC.	Lịch sử Việt	2004, Trường	

T T	Họ và tên Chức vụ hiện tại	Chức danh, học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú
		TS	Nam	ĐH Vinh	
9.	Hoàng Thị Hải Yến	GVC. TS	Lịch sử thế giới	2004, Trường ĐH Vinh	
10.	Đặng Như Thương	GVC. TS	Lịch sử Việt Nam	2004, Trường ĐH Vinh	
11.	Tôn Nữ Hải Yến	GVC. TS	Lịch sử thế giới	2006, Trường ĐH Vinh	
12.	Phan Thị Cẩm Vân	GV. TS	Lịch sử thế giới	2009, Trường ĐH Vinh	
13.	Nguyễn Thị Trang Thanh Trưởng khoa Địa lí	GVCC PGS.TS	Địa lí học	2002, Trường ĐH Vinh	
14.	Nguyễn Thị Hoài Phó Trưởng khoa Địa lí	GVC. TS	Địa lí học	2004, Trường ĐH Vinh	
15.	Nguyễn Thị Việt Hà Phó Trưởng khoa Địa lí	GVC. TS	Lý luận và PPDH bộ môn Địa lí	2004, Trường ĐH Vinh	
16.	Phạm Vũ Chung	GVC. TS	Địa lí tự nhiên	2001, Trường ĐH Vinh	
17.	Võ Thị Vinh	GVC. TS	Lý luận và PPDH bộ môn Địa lí	2004, Trường ĐH Vinh	
18.	Lương Thị Thành Vinh	GVC. TS	Địa lí học	2004, Trường ĐH Vinh	
19.	Trần Thị Tuyền	GVCC PGS.TS	Địa lí học	2004, Trường ĐH Vinh	
20.	Nguyễn Văn Đông	GV. ThS	Địa lí tự	2004, Trường	

T T	Họ và tên Chức vụ hiện tại	Chức danh, học hàm, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Ghi chú
			nhiên	ĐH Vinh	
21.	Võ Thị Thu Hà	GV. ThS	Địa lí tự nhiên	2000, Trường ĐH Vinh	
22.	Hoàng Phan Hải Yến	GVCC PGS.TS	Địa lí học	2003, Trường ĐH Vinh	

Trong số 22 giảng viên cơ hữu tại khoa có cơ cấu như sau:

- ✓ Số giảng viên có học vị tiến sĩ trở lên: 19 người; chiếm 86,4%;
- ✓ Số giảng viên cao cấp, học hàm PGS trở lên: 4 người, chiếm 18,2%;
- ✓ Số giảng viên có chức danh giảng viên chính trở lên: 19 người; chiếm 86,4%;
- ✓ Số giảng viên có học vị thạc sĩ: 3 người; chiếm 13,6%;
- ✓ Số giảng viên ngành Sư phạm Lịch sử: 10 người; trong đó có 10 TS; tỷ lệ giảng viên ngành có trình độ TS trở lên là 11/11, chiếm 100%;
- ✓ Số giảng viên ngành Giáo dục học về Lý luận và Phương pháp dạy học Lịch sử: 2 người; trong đó có 01 TS; tỷ lệ giảng viên ngành có trình độ TS trở lên là 1/2, chiếm 50%;
- ✓ Số giảng viên ngành Sư phạm Địa lí: 8 người; trong đó có 5 TS; tỷ lệ giảng viên ngành có trình độ TS trở lên là 5/8, chiếm 62,5%;
- ✓ Số giảng viên ngành Giáo dục học về Lý luận và Phương pháp dạy học Địa lí: 2 người; trong đó có 02 TS; tỷ lệ giảng viên ngành có trình độ TS trở lên là 2/2, chiếm 100%;

Hiện nay, Trường Sư phạm có các giảng viên sư phạm chủ chốt về bộ môn Lịch sử, Địa lí, Lịch sử và Địa lí theo Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã thực hiện bồi dưỡng hàng ngàn giáo viên phổ thông 3 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh trong khuôn khổ Chương trình ETEP đủ năng lực để đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí.

Với số lượng giảng viên và cơ cấu trình độ chuyên môn như trên, đối chiếu với các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT, ngày 18/01/2022, đội ngũ giảng viên Trường Sư phạm (Khoa Lịch sử và Địa lí) đủ

điều kiện (cả về số lượng và chất lượng) để đăng ký mở ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí trình độ đại học.

Chi tiết tại Phụ lục 1: Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu; Phụ lục 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo, Phụ lục 12, Bằng cấp của đội ngũ giảng viên cơ hữu đính kèm;

3.2. Tiềm lực cơ sở vật chất, trang thiết bị và học liệu

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị: Trường Sư phạm được Trường Đại học Vinh trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ.

Về học liệu: Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào là thư viện lớn nhất khu vực Bắc miền Trung, là một tòa nhà 7 tầng với diện tích sàn gần 9.000 m² gồm không gian học tập tầng 1, 6 phòng học, 1 phòng xử án mô phỏng, 3 phòng máy tính, 8 kho sách và phòng đọc với gần 1.500 chỗ ngồi. Thư viện hiện nay có hệ thống mượn - trả sách tự động; hệ thống trả sách 24/7; hệ thống máy tính; phần mềm quản lý thư viện Kipos; máy scan - số hóa. Không gian học tập với đầy đủ các phương tiện hiện đại, máy tính kết nối mạng cho sinh viên tự học, đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO. Tài liệu gồm có 16.118 tên với 175.095 cuốn; 16.191 luận văn thạc sĩ và 4.652 luận án tiến sĩ. Thư viện số tại địa chỉ <http://thuvien.vinhuni.edu.vn/> cung cấp 21.021 tài liệu; trong đó tạp chí khoa học nước ngoài có thể truy cập cơ sở dữ liệu điện tử Proquest Center và các cơ sở dữ liệu điện tử khác có liên kết.

Chi tiết tại Phụ lục 6 Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và Phụ lục 7 Thư viện - Nguồn học liệu đính kèm;

3.3. Năng lực về CTĐT, NCKH và hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu lĩnh vực ngành đề xuất

Với đội ngũ giảng viên gồm 22 giảng viên, Trường Sư phạm (Khoa Lịch sử và Khoa Địa lí) có đủ năng lực tham gia đào tạo, đảm nhận các môn học thuộc chương trình đào tạo, tham gia nghiên cứu khoa học và hợp tác trong đào tạo và nghiên cứu khoa học lĩnh vực Sử học, Địa lí học, Lịch sử và Địa lí.

Về nghiên cứu khoa học, giảng viên, nhà khoa học thuộc Khoa Lịch sử và Khoa Địa lí đã chủ trì nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp:

- Cấp Bộ: 1 đề tài/Nhiệm vụ.

- Cấp tỉnh: 4 đề tài.
- Cấp Trường: 66 đề tài.

Đội ngũ giảng viên, nhà khoa học thuộc Khoa Lịch sử và Khoa Địa lí đã có nhiều công bố 256 công trình khoa học trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội thảo, sách và giáo trình trong nước, nước ngoài.

Công trình nghiên cứu của giảng viên Khoa Lịch sử và Khoa Địa lí được công bố trên các tạp chí thuộc lĩnh vực chuyên ngành trên các tạp chí có uy tín trong nước như tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Nghiên cứu Đông nam Á, Tạp chí các Khoa học về Trái Đất, tạp chí Địa lí Nhân văn, Giáo dục, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, tạp chí Khoa học giáo dục... và báo cáo tại các hội thảo khoa học thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

Chi tiết tại **Phụ lục 4: Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên cơ hữu ngành Lịch sử và Địa lí** (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu tại Phụ lục 13); **Phụ lục 5: Danh mục các công trình khoa học công bố của giảng viên cơ hữu ngành Lịch sử và Địa lí trong 5 năm gần nhất** (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố tại Phụ lục 14) và lý lịch khoa học tại Phụ lục 11 **đính kèm**.

3.4. Khả năng đảm bảo tài chính đầu tư cho phát triển ngành đề xuất mở

Về tài chính, hiện nay Trường Đại học Vinh đảm bảo các nguồn chi thường xuyên cho các hoạt động của Trường, của Khoa; khi ngành đào tạo đi vào hoạt động với học phí được cấp và các hoạt động hợp tác của ngành sẽ mang lại các nguồn thu, đảm bảo điều kiện cân đối các hoạt động của ngành nói riêng và của Nhà trường nói chung.

PHẦN IV.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NGÀNH ĐÀO TẠO ĐỀ XUẤT MỞ VÀ TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu mở ngành

Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh xin mở ngành Lịch sử và Địa lí có ý nghĩa to lớn, nhằm góp phần thực hiện những chủ trương, chính sách của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước;

Mặt khác, mở mã ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí đào tạo trình độ đại học là điều kiện để đội ngũ Giảng viên, cán bộ viên chức của Khoa và Nhà trường có thêm cơ hội phát triển năng lực chuyên môn trong đào tạo và nghiên cứu khoa học ở lĩnh vực này, đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường và cộng đồng.

4.2. Mục tiêu tuyển sinh và dự kiến quy mô tuyển sinh

Ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí tuyển sinh để đào tạo được nguồn nhân lực đội ngũ giáo viên dạy học môn Lịch sử và Địa lí cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước. Sinh viên theo học ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí có đầy đủ phẩm chất và năng lực để giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Ngoài ra, với các kiến thức tổng hợp được đào tạo, người học sau khi tốt nghiệp còn có thể đảm nhiệm các công việc nghiên cứu trong các cơ quan nghiên cứu về khoa học xã hội, khoa học giáo dục.

Dự kiến quy mô tuyển sinh trong 5 đến 10 năm tới: (nếu ngành được phép mở từ năm 2023):

Năm	2023	2024	2025	2026	2027	...	2032
Số lượng SV	50	65	80	95	100	100	100

Năm đầu tiên, 2023, ngành đăng ký tuyển sinh 50 sinh viên, từ năm 2024 trở đi, mỗi năm tăng khoảng 15 chỉ tiêu, từ năm 2027 trở đi ổn định quy mô tuyển sinh 100 sinh viên 1 năm.

4.3. Mục tiêu chất lượng và hiệu quả đào tạo

Ngành đào tạo khi được mở hoạt động có chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và có hiệu quả đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực xã hội và sự phát triển chung của Trường Đại học Vinh.

4.4. Tổng quan về Chương trình đào tạo

4.4.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo:	Sư phạm Lịch sử và Địa lí (History and Geography Teacher Education)
2.	Mã số ngành đào tạo:	7140249
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4.0 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Sư phạm Lịch sử và Địa lí
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ:	Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh
7.	Hình thức đào tạo:	Chính quy tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	4
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	16/5/2023
12.	Phiên bản:	Phiên bản 1

4.4.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí đào tạo nguồn nhân lực chất lượng có: kiến thức nền tảng khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục và khoa học bộ môn; Có năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông; Có khả năng nghiên cứu, sáng tạo để phát triển bản thân, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập quốc tế.	
Mục tiêu cụ thể: Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí có khả năng:	
PO1.	Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, kiến thức và kỹ năng chuyên sâu, kiến thức lập luận ngành vào lĩnh vực nghiên cứu, giáo dục và dạy học Lịch sử và Địa lí.
PO2.	Áp dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu, giáo dục, dạy học Lịch sử và Địa lí.
PO3:	Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác trong nghiên cứu, giáo dục, dạy học Lịch sử và Địa lí đáp ứng được yêu cầu của bối cảnh nghề nghiệp.
PO4:	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và phát triển chương trình môn học Lịch sử và Địa lí, các hoạt động nghiên cứu, giáo dục đáp ứng yêu

4.4.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Cử nhân Sư phạm Lịch sử và Địa lí có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- Giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí tại các trường phổ thông, phổ thông liên cấp và dạy nghề trong cả nước;
- Giảng dạy Lịch sử và Địa lí tại các trường đại học và cao đẳng trong cả nước nếu đáp ứng đầy đủ những yêu cầu về trình độ và năng lực cao hơn;
- Nghiên cứu tại các trung tâm khí tượng thủy văn, địa chính, khoa học xã hội và nhân văn, viện nghiên cứu giáo dục;
- Chuyên viên và quản lý tại các bộ phận ở các trường học, các cơ sở quản lý giáo dục, các cơ sở khác phù hợp với chuyên môn như du lịch, văn hóa...
- Học tập nâng cao trình độ cử cấp thạc sĩ, tiến sĩ ngành Lịch sử hoặc địa lí; học thêm tín chỉ về Địa lí, Lịch sử để nhận văn bằng 2 Đại học.

4.4.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

- Tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh tính tới thời điểm xác định trúng tuyển đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) bao gồm cả thí sinh tốt nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài đáp ứng các điều kiện tuyển sinh trong đề án tuyển sinh năm 2023 của Nhà trường.

Dựa trên chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng thí sinh nộp hồ sơ, tổ hợp các môn xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh Trường xác định điểm chuẩn đảm bảo chất lượng đầu vào nhưng không thấp hơn điểm sàn quy định của Bộ GD&ĐT.

Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo quy định của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp: (i) cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập; (ii) hoàn thành 126 tín chỉ của CTĐT; (iii) điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; (iv) có chứng chỉ Ngoại ngữ B1, tương đương trình độ bậc 3/6 theo tham chiếu Châu Âu; (v) có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng, Giáo dục thể chất;

(vi) hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường. Đối với những sinh viên tốt nghiệp sớm hoặc tốt nghiệp muộn phải có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp.

Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ vào các điều kiện công nhận tốt nghiệp để lập danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4.4.6. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí của Trường Đại học Vinh gồm:

- Tổng số tín chỉ 126 tín chỉ, trong đó:
 - + Khối kiến thức Chính trị, kinh tế, xã hội: 11 tín chỉ (8,7%);
 - + Khối kiến thức giáo dục đại cương: 21 tín chỉ (16,7%);
 - + Khối kiến thức nhóm ngành Sư phạm xã hội: 13 tín chỉ (10,3%);
 - + Khối kiến thức cơ sở ngành Lịch sử và Địa lí: 56 tín chỉ (44,4%);
 - + Khối kiến thức chuyên ngành: 17 tín chỉ (13,5%);
 - + Khóa luận và thực tập tốt nghiệp: 8 tín chỉ (6,4%).
- Thời gian đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí trong 4 năm.

(Chi tiết tại Phụ lục 9. Bản mô tả chương trình đào tạo đính kèm)

PHẦN V. GIẢI PHÁP VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN MỞ NGÀNH

5.1. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí, chúng tôi thực hiện theo các quy định hiện hành về xây dựng Chương trình đào tạo như:

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 04/2016/TT- BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học.

Sau khi có quyết định thành lập Tổ soạn thảo đề án, tổ đã tiến hành xây dựng dự thảo đề án và Chương trình đào tạo, có khảo sát các bên liên quan, các nội dung trong CTĐT theo các bước trong các quy định hiện hành.

Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí xây dựng theo CDIO, có căn cứ đối sánh với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, có lấy ý kiến các bên liên quan, có tham khảo chương trình ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí của các trường Đại học trong nước như: Trường Đại học Sư phạm Huế; Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng và các trường Đại học nước ngoài như:

University of Leeds, Queensland University, BriHam Young University; Florida Atlantic University; Old Dominion University; Saint Joseph's University; Thammasat University.

Sau khi hoàn thiện, Chương trình đào tạo được Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí thành lập theo Quyết định số 975/QĐ-ĐHV ngày 20/4/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh thông qua vào ngày 07/5/2023 và được Hiệu trưởng ban hành.

5.2. Xây dựng Đề án mở ngành

Trường Sư phạm trên cơ sở khảo sát nhu cầu đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh và các tỉnh thành lân cận đã xây dựng tờ trình đề nghị Trường Đại học Vinh phê duyệt chủ trương mở ngành Đào tạo Lịch sử và Địa lí.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Vinh đã đề xuất chủ trương lên Hội đồng Trường, được Hội đồng Trường đồng ý chủ trương. Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ soạn thảo Đề án mở ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí. Tổ soạn thảo đã :

- Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đồng thời đối sánh với chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo uy tín khác trong và ngoài nước.

- Triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo chương trình đào tạo đã được thông qua.

- Thu thập, hệ thống toàn bộ hồ sơ về văn bằng, chứng chỉ, lý lịch khoa học của đội ngũ nhân sự và điều kiện cơ sở vật chất của Nhà trường.

Sau khi cơ bản hoàn thành dự thảo đề án mở ngành, Hội đồng Khoa học Trường đã họp, rà soát và đề xuất Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư. Hội đồng họp vào ngày 7/5/2023 đánh giá Đạt và thông qua Chương trình đào tạo; Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ký Quyết định ban hành Chương trình Đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí. Ngày 17/5/2023, Hội đồng thẩm định Đề án mở ngành sư phạm Lịch sử và Địa lí đã họp, đánh giá Đề án đạt yêu cầu và đề nghị Trường Đại học Vinh trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành đào tạo trình độ đại học Sư phạm Lịch sử và Địa lí.

Nhóm chủ trì xây dựng đề án báo cáo đã thực hiện các bước đúng quy trình, trình tự, thủ tục mở ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí trình độ đại học

theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chi tiết, Phụ lục 10. Các văn bản, biên bản về xây dựng đề án đính kèm;

5.3. Đầu tư các điều kiện đảm bảo chất lượng

Hiện nay các điều kiện đảm bảo chất lượng mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí đáp ứng đủ theo Thông tư số 02/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong lộ trình nâng cao chất lượng đào tạo, Trường Sư phạm tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng theo kế hoạch phát triển chất lượng của Trường, nhằm đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí và các ngành đào tạo khác của Trường.

Về đội ngũ cơ hữu và thỉnh giảng hiện có, CTĐT Lịch sử và Địa lí đảm bảo tính ổn định về cán bộ giảng dạy đúng chuyên ngành ít nhất trong 20 năm tới trong trường hợp giữ nguyên đội ngũ như hiện nay. Nếu mở ngành trong năm 2023, Trường Sư phạm sẽ bổ sung vào kế hoạch tuyển dụng cán bộ ít nhất 2 người đến năm 2025, 2 người trong giai đoạn 2025 – 2030.

Về đầu tư cơ sở vật chất, bên cạnh cơ sở vật chất hiện có, Nhà trường sẽ đầu tư thêm về trang thiết bị, phòng học, cho thư viện các sách chuyên ngành liên quan đến Lịch sử và Địa lí; phòng thực hành sư phạm thực tế ảo; phòng thiết kế và xây dựng học liệu ngành Lịch sử và Địa lí.

Về tài chính, ngoài đầu tư của Nhà nước theo quy định, Nhà trường hỗ trợ thực hành, thực địa, thực tập và thực tế trên hiện trường Lịch sử và Địa lí... nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng thực hành nghề cho sinh viên. Nhà trường tiếp tục đầu tư các đề tài NCKH nâng cao năng lực cán bộ, phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO; hỗ trợ sinh viên NCKH và tìm kiếm việc làm.

5.4. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT

Chương trình đào tạo dự kiến được đánh giá, công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL chương trình sau 5 năm tính từ năm được mở ngành.

Nếu bắt đầu triển khai đào tạo năm 2023, Trường Sư phạm sẽ thực hiện điều chỉnh CTĐT ít nhất 2 năm 1 lần, thực hiện Tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT Lịch sử và Địa lí theo chu kỳ 5 năm 1 lần, lần đầu vào năm 2027. Việc rà soát CTĐT thực hiện theo quy định của Nhà trường, có đối sánh các CTĐT Lịch sử và Địa lí, lấy ý kiến bên liên quan: Giảng viên, Giáo viên, chuyên gia, cán bộ quản lý, sinh viên và cựu sinh viên. Nhà trường đảm bảo quy trình dạy học, kiểm tra đánh giá theo Chuẩn đầu ra đã cam kết.

PHẦN VI.

ĐÁNH GIÁ RỦI RO, GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO

6.1. Dự báo rủi ro khi mở ngành

Khi mở ngành đào tạo, có thể xuất hiện các bối cảnh tác động khách quan và chủ quan sau đây:

Về khách quan: các rủi ro khách quan của ngành về các yếu tố tình hình kinh tế, xã hội địa phương, tình hình dịch bệnh, tuyển sinh không đủ số lượng... nằm chung trong bối cảnh của Trường Đại học Vinh. Trường Sư phạm thực hiện theo kế hoạch, giải pháp chung của Trường Đại học Vinh.

Về chủ quan: các khả năng rủi ro về chủ quan của Khoa, của Trường Sư phạm, như: năng lực đội ngũ giảng viên, các mối quan hệ phát triển của khoa, khả năng truyền thông, điều kiện tài chính của Trường,..., không đảm bảo.

Các bối cảnh tác động trên có thể làm xuất hiện các loại hình rủi ro sau:

- Các rủi ro khách quan và chủ quan dẫn tới ảnh hưởng đến điều kiện đảm bảo chất lượng của ngành Lịch sử và Địa lí.

- Các rủi ro buộc phải đình chỉ hoạt động ngành Lịch sử.

6.2. Giải pháp phòng ngừa các rủi ro ảnh hưởng đến điều kiện đảm bảo chất lượng

Từ việc phân tích tình hình phát triển kinh tế - xã hội, dự báo những biến động khách quan và chủ quan, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo và dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở mã ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí, chúng tôi đề xuất các phương án, giải pháp phòng ngừa cụ thể như sau:

- Về năng lực đào tạo của đội ngũ giảng viên: yêu cầu mỗi giảng viên có kế hoạch riêng cho tự bồi dưỡng chuyên môn để đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình mới này; Có kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ và tuyển dụng bổ sung thêm các giảng viên có chuyên môn đảm bảo việc giảng dạy các khối kiến thức trong chương trình đào tạo.

- Về năng lực nghiên cứu: Trường Sư phạm kiện toàn nhóm nghiên cứu về Lịch sử và Địa lí; tăng cường những công trình nghiên cứu về Lịch sử, Địa lí, dạy học tích hợp Lịch sử và Địa lí, phục vụ cho đào tạo ngành;

- Về truyền thông: ngay sau khi được Nhà trường cho phép mở mã ngành, chúng tôi có kế hoạch, lộ trình quảng bá tuyển sinh, tăng cường công tác truyền thông tuyển sinh đến phụ huynh, học sinh các trường THPT trên địa bàn và cả nước. Giải thích được nhu cầu về nguồn nhân lực ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí, làm rõ các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với ngành sư phạm, để phụ huynh và học sinh thấy được thuận lợi trong việc chọn ngành nghề

- Về chăm sóc, hỗ trợ người học: Trường Sư phạm, Khoa Lịch sử, Khoa Địa lí vốn có truyền thống chăm sóc và hỗ trợ người học. Nhà trường và Khoa sẽ áp dụng những biện pháp phù hợp hơn trong tình hình mới để chăm sóc, hỗ trợ người học trong tuyển sinh, đào tạo và giới thiệu việc làm, phát triển nghề nghiệp,...

- Về tổ chức dạy học: Để linh hoạt trong việc chuyển đổi hình thức dạy và học (trực tiếp và trực tuyến), đòi hỏi Nhà trường cần phải nâng cấp và trang bị thêm cơ sở vật chất, tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho công tác giảng dạy trực tiếp và trực tuyến, nâng cao chất lượng việc dạy và học, nhằm nâng cao năng lực thích ứng với các tác động của thiên tai, dịch bệnh trong từng thời điểm cụ thể.

Chúng tôi cho rằng với truyền thống hơn 60 năm đào tạo giáo viên, Nhà trường có kinh nghiệm xử lý những rủi ro có thể xảy ra.

6.3. Giải pháp xử lý trường hợp rủi ro bị đình chỉ hoạt động

Đối với đội ngũ giảng viên: đội ngũ giảng viên Trường Sư phạm (Khoa Lịch sử và Khoa Địa lí) đa số là giảng viên đang giảng dạy ngành Sư phạm Lịch sử và Sư phạm Địa lí, dạy môn chung cho khối ngành KHXH, nên việc đình chỉ tuyển sinh của 1 ngành (nếu có) không ảnh hưởng nhiều đến định mức lao động, giờ dạy của giảng viên;

Đối với người học: Khi thiết kế chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí sẽ giao với ngành Sư phạm Lịch sử và Sư phạm Địa lí khoảng 60% học phần nên nếu tuyển sinh một vài năm đầu thấp thì sinh viên 3 ngành này có thể học chung với nhau đến hết 4 học kỳ đầu để tận dụng tối đa nguồn lực đào tạo của Nhà trường.

PHẦN VII. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

7.1. Cam kết chất lượng

Chúng tôi cam kết có chất lượng và hiệu quả đào tạo đáp ứng yêu cầu phát triển của Trường Đại học Vinh và đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí chất lượng cao của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

7.2. Cam kết điều kiện đảm bảo chất lượng

Cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành Lịch sử và Địa lí của trường hiện có hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu cơ bản của việc giảng dạy và nghiên cứu, học tập, thực hành của sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí. Trường sẽ tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho ngành đào tạo này, cam kết các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí và công bố toàn bộ nội dung đăng kí mở ngành trên website <http://vinhuni.edu.vn>.

Trường Đại học Vinh kính đề nghị, Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử và Địa lí trình độ đại học, hệ chính quy từ năm học 2023 - 2024.

Nghệ An, ngày tháng năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG SƯ PHẠM**

**TM. TỔ SOẠN THẢO
TỔ TRƯỞNG**

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

TS. Nguyễn Văn Tuấn

PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

TS. Hoàng Vĩnh Phú

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO ĐỀ ÁN

1. Phụ lục thông tin:

- Phụ lục 1. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận CTĐT Sư phạm Lịch sử và Địa lí
- Phụ lục 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí
- Phụ lục 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo
- Phụ lục 4: Danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên cơ hữu ngành Lịch sử và Địa lí (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu tại Phụ lục 13)
- Phụ lục 5: Danh mục các công trình khoa học công bố của giảng viên cơ hữu ngành Lịch sử và Địa lí trong 5 năm gần nhất (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố tại phụ lục 14)
- Phụ lục 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo.
- Phụ lục 7: Thư viện – Nguồn học liệu
- Phụ lục 8. Báo cáo khảo sát nhu cầu đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí.
- Phụ lục 9. Bản mô tả chương trình đào tạo.

2. Phụ lục minh chứng:

- Phụ lục 10: Các văn bản, biên bản về xây dựng đề án.
- Phụ lục 11: Lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên cơ hữu.
- Phụ lục 12: Bằng cấp của đội ngũ giảng viên cơ hữu.
- Phụ lục 13: Minh chứng đề tài khoa học các cấp của đội ngũ giảng viên cơ hữu.
- Phụ lục 14: Minh chứng các công trình khoa học đã công bố của đội ngũ giảng viên cơ hữu

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU
ĐẢM NHẬN CHƯƠNG TRÌNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

T T	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc quốc tịch, hộ chiếu	Chức danh khoa học, năm phong Ngạch Viên chức	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm giảng dạy	Số công trình khoa học đã công bố		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Nguyễn Quang Hồng 12/6/1964	4006400173 7, Việt Nam	PGS, 2010	TS, 2000	Lịch sử Việt Nam	15/09/2003		2996012 412	23	2	2	
2	Dương Thị Thanh Hải, 28/08/1978	187609319, Việt Nam	GVC, 2020	TS, Việt Nam, 2012	Lịch sử Việt Nam	01/04/2003		4402904 005661	20		5	
3	Mai Thị Thanh Nga 21/10/1979	0401790184 43, Việt Nam	GVC, 2020	TS, Việt Nam	Lịch sử Việt Nam	05/06/2004		2906003 407	19		1	
4	Mai Phương Ngọc 25/9/1984	187407084, Việt Nam	GVC	TS, Việt Nam, 2014	Lịch sử Việt Nam	02/03/2009		4018372 211	14		2	
5	Đặng Như Thường 12/12/1980	182213594, Việt Nam	GVC, 2020	TS, Việt Nam, 2014	Lịch sử Việt Nam	15/03/2006		2906003 428	17			

6	Lê Thế Cường 12/10/1979	182246693, Việt Nam	GVC, 2019	TS, Việt Nam, 2011	Lịch sử Thế giới	05/06/2004		2906003 348	19	10	3	
7	Nguyễn Văn Tuấn 06/06/1981	183265853, Việt Nam	GVC, 2018	TS, Trung Quốc, 2012	Lịch sử Thế giới	01/07/2006		2907004 356	17	10	2	
8	Hoàng Thị Hải Yến 1/11/2979	182291135, Việt Nam	GVC 2020	TS, Việt Nam, 2014	Lịch sử Thế giới	15/06/2006		2904003 172	17		2	
9	Tôn Nữ Hải Yến 16/2/1981	4018100274 2, Việt Nam	GVC 2020	TS, Việt Nam 2016	Lịch sử Thế giới	01/07/2006		2907004 363	17			
10	Phan Thị Cẩm Vân 8/6/1984	186206659, Việt Nam		TS, Việt Nam, 2019	Lịch sử Thế giới	03/11/2008		4009004 292	14		2	
11	Nguyễn Thị Hà 29/10/1969	1181523473 , Việt Nam	GVC, 2006	ThS, Việt Nam, 1997	Lịch sử Việt Nam	25/6/1997		2904005 659	30			
12	Nguyễn Thị Duyên	182020305, Việt Nam	GVC,	TS, Việt Nam, 2019	Khoa học Giáo dục	23/08/1996		2900003 529	23			
13	Nguyễn Thị Trang Thanh, 03/9/1974	185614437, Việt Nam	GVCC , 2018	TS, Việt Nam, 2012	Địa lí học	01/09/2002		2903003 131	21	1	8	
14	Nguyễn Thị Việt Hà, 11/9/1982	187756557, Việt Nam	GVC, 2018	TS, Việt Nam, 2016	Khoa học Giáo dục	15/10/2004		2906003 367	19		7	
15	Nguyễn Thị Hoài 01/5/1978	4017800224 1, Việt Nam	GVC, 2018	TS, Việt Nam, 2013	Địa lí học	15/10/2004		2906003 386	19	1	14	
16	Phạm Vũ Chung 20/3/1977	4207700095 6, Việt Nam	GVC	TS, Việt Nam, 2017	Địa lí Tài nguyên và Môi trường	04/2001		3000001 428	22		2	
17	Võ Thị Vinh 28/8/1977	4017700227 3, Việt Nam	GVC	TS, Việt Nam, 2016	Khoa học Giáo dục	01/09/2000		2906003 447	22		2	
18	Lương Thị Thành	118203796,	GVC	TS, Việt	Địa lí học	15/10/2004		2906003	19	1	5	

	Vinh, 04/04/1982	Việt Nam		Nam, 2012				446				
19	Trần Thị Tuyên 15/8/1982	182244369, Việt Nam	PGS, GVC, 2021	TS, Việt Nam	Địa lí tự nhiên	15/10/2004		2906003 441	19			
20	Nguyễn Văn Đông 24/01/1973	0400730017 52, Việt Nam	GV	ThS, Việt Nam 2003	Địa lí tự nhiên	10/02/2004		2906005 402	19			
21	Võ Thị Thu Hà 08/09/1976	182116074, Việt Nam	GV	ThS, Việt Nam 2006	Địa lí tự nhiên	01/09/1999		3301000 224	23			
22	Hoàng Phan Hải Yến, 07/06/1981	18739993, Việt Nam	GVC, 2021	TS, Việt Nam	Địa lí học	15/10/2003		2904005 710	20	1	5	

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2023

**TRƯỜNG SƯ PHẠM
HIỆU TRƯỞNG**

**PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

TS. Thiều Đình Phong

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 2:
DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, NHÀ KHOA HỌC THAM GIA GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỦA NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy khối kiến thức học phần cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành								
1	Nguyễn Thị Trang Thanh	Nhập môn ngành sư phạm	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu tham gia xây dựng, thực hiện CTĐT, chuyên môn chủ trì giảng dạy (Sau đây gọi là Giảng viên cơ hữu)
		Địa lí chính trị	Học kỳ 2, năm thứ 1			X		
		Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
		Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
2	Nguyễn Thị Hoài	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu
		Phát triển kinh tế biển	Học kỳ 7, năm thứ 4			X		
3	Nguyễn Thị	Nhập môn ngành sư phạm	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
	Việt Hà	Lý luận và phương pháp dạy học lịch sử và địa lý	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
		Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lý	Học kỳ 7, năm thứ 4			X		
4	Phạm Vũ Chung	Địa lý tự nhiên Việt Nam	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu
		Phát triển kinh tế biển	Học kỳ 7, năm thứ 4			X		
5	Võ Thị Vinh	Môi trường và phát triển bền vững	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu
		Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lý	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
		Thực hành dạy học lịch sử và địa lý	Học kỳ 7, năm thứ 4	X				
6	Lương Thị Thành Vinh	Địa lý châu Á, châu Âu	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				Giảng viên cơ hữu
7	Trần Thị Tuyền	Địa lý tự nhiên đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu
		Biến đổi khí hậu	Học kỳ 7, năm thứ 4			X		

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án	
				Bắt buộc		Tự chọn			
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến		
8	Nguyễn Văn Đông	Môi trường và phát triển bền vững	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu	
		Biến đổi khí hậu	Học kỳ 7, năm thứ 4			X			
		Địa lý châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực	Học kỳ 3, năm thứ 2	X					
		Địa lý châu Á, châu Âu	Học kỳ 4, năm thứ 3	X					
9	Võ Thị Thu Hà	Địa lý tự nhiên đại cương	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu	
10	Lê Thế Cường	Lịch sử văn minh thế giới	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu	
		Lịch sử thế giới cận – hiện đại	Học kỳ 4, năm thứ 2	X					
		Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á	Học kỳ 6 năm thứ 3	X					
		Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	Học kỳ 6 năm thứ 3			X			
11	Nguyễn Văn Tuấn	Lịch sử văn minh thế giới	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu	
		Lịch sử thế giới cận – hiện đại	Học kỳ 4 năm thứ 2	X					
		Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á	Học kỳ 6 năm thứ 3	X					
		Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	Học kỳ 6 năm thứ 3			X			
		Xây dựng văn hóa nhà trường	Học kỳ 3, năm thứ 2			X			

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
12	Nguyễn Quang Hồng	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 1			X		Giảng viên cơ hữu
		Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				
		Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	Học kỳ 6 năm thứ 3			X		
		Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam	Học kỳ 6 năm thứ 3			X		
13	Trần Vũ Tài	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	Học kỳ 2 năm thứ 1			X		Giảng viên tham gia thực hiện CTDDT
14	Mai Phương Ngọc	Nhập môn ngành sư phạm	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu
		Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				
		Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	Học kỳ 7 năm thứ 4	X				
		Xây dựng văn hóa nhà trường	Học kỳ 3, năm thứ 2			X		
15	Dương Thị	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	Học kỳ 5 năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
	Thanh Hải	Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam	Học kỳ 6 năm thứ 3			X		
		Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lý	Học kỳ 7 năm thứ 4	X				
16	Mai Thị Thanh Nga	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	Học kỳ 5 năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu
		Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	Học kỳ 7 năm thứ 4	X				
		Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lý	Học kỳ 7 năm thứ 4	X				
17	Hoàng Thị Hải Yến	Lịch sử văn minh thế giới	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu
		Lịch sử thế giới cổ - trung đại	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
		Lịch sử thế giới cận – hiện đại	Học kỳ 4 năm thứ 2	X				
		Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á	Học kỳ 6 năm thứ 3	X				
18	Đặng Như Thương	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu
		Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	Học kỳ 7, năm thứ 4			X		
19	Phan Thị Cẩm Vân	Lịch sử văn minh thế giới	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu
		Lịch sử thế giới cổ - trung đại	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				
		Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
20	Tôn Nữ Hải Yến	Lịch sử văn minh thế giới	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên cơ hữu
		Lịch sử thế giới cận – hiện đại	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				
		Lịch sử và văn hóa Đông Nam Á	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				
21	Đậu Đức Anh	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
		Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	Học kỳ 6 năm thứ 3			X		
22	Nguyễn Thị Duyên	Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lý	Học kỳ 6, năm thứ 3	X				Giảng viên cơ hữu
		Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí	Học kỳ 7 năm thứ 4	X				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
		Thiết kế tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí	Học kỳ 7 năm thứ 4			X		
		Công nghệ dạy học lịch sử và Địa lí	Học kỳ 7 năm thứ 4			X		
		Thực tập và đồ án tốt nghiệp	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				
		Xây dựng văn hóa nhà trường	Học kỳ 3, năm thứ 2			X		
23	Nguyễn Thị Hà	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	Học kỳ 7 năm thứ 4	X				Giảng viên cơ hữu
		Thực hành phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	Học kỳ 7 năm thứ 4	X				
		Bản đồ giáo khoa	Học kỳ 7 năm thứ 4			X		
		Thực tập và đồ án tốt nghiệp	Học kỳ 8, năm thứ 4	X				
		Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa Lí	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
Giảng viên tham gia giảng dạy khối kiến thức học phần đại cương, khối ngành, chuyên ngành								
23	Nguyễn Thái Sơn	Triết học Mác – Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
		Nhà nước và Pháp luật Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
24	Nguyễn Văn Sang	Triết học Mác – Lênin	Học kỳ 1, năm thứ 1	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
25	Hoàng Thị Nga	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Học kỳ 3, năm thứ 2			X		Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
26	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
27	Nguyễn Thị Thanh Trâm	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
28	Nguyễn Thị Diệp	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
29	Nguyễn Thị Mỹ Hương	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
30	Dương Thị Thanh Thanh	Tâm lý học	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
31	Lê Thục Anh	Tâm lý học	Học kỳ 2, năm thứ 1	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
32	Đặng Hoàng Oanh	Nghệ thuật học đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 1			X		Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
33	Hồ Thị Vân Anh	Nghệ thuật học đại cương	Học kỳ 2, năm thứ 1			X		Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
34	Trần Thị Ly Na	Tạo lập văn bản đa phương thức	Học kỳ 3, năm thứ 2			X		Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
35	Phan Văn Tuấn	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam	Học kỳ 2, Năm thứ 1			X		Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
36	Bùi Thị Cần	Nhà nước và Pháp luật Việt Nam	Học kỳ 2, năm thứ 1			X		Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
		Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	Học kỳ 3, năm thứ 2			X		
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				
37	Vũ Thị Phương Lê	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
38	Phạm Thị Thúy Hồng	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
38	Lê Thị Sao Chi	Tạo lập văn bản đa phương thức	Học kỳ 3, năm thứ 2			X		Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
39	Nguyễn Như An	Giáo dục học	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
40	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Giáo dục học	Học kỳ 3, năm thứ 2	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
41	Trần Thị Kim Oanh	Ứng dụng ICT trong giáo dục	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
42	Trần Xuân Sang	Ứng dụng ICT trong giáo dục	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
43	Lê Thị Tuyết Hanh	Tiếng Anh 1 Tiếng Anh 2	Học kỳ 4, năm thứ 2 Học kỳ 5, năm thứ 3	X X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
44	Lê Thái Bình	Tiếng Anh 1	Học kỳ 4, năm thứ 2	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
45	Trần Thị Phương Thảo	Tiếng Anh 2	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện CTĐT/ chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
46	Nguyễn Văn Trung	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT
47	Trần Cao Nguyên	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	Học kỳ 5, năm thứ 3	X				Giảng viên tham gia thực hiện CTĐT

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2023

**TRƯỜNG SƯ PHẠM
HIỆU TRƯỞNG**

**PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

TS. Thiều Đình Phong

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 3:
DANH SÁCH CÁN BỘ QUẢN LÝ CẤP KHOA ĐỐI VỚI NGÀNH ĐÀO TẠO DỰ KIẾN MỞ

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lê Thế Cường 12/10/1979 Trưởng khoa Lịch sử	Tiến sĩ, 2011	Lịch sử/Lịch sử thế giới	
2	Nguyễn Văn Tuấn 6/6/1981 Phó Trưởng khoa Lịch sử	Tiến sĩ, 2012	Lịch sử/Lịch sử thế giới	Phụ trách ngành
3	Nguyễn Thị Việt Hà 11/9/1982 Phó Trưởng khoa Địa lý	Tiến sĩ, 2016	Khoa học giáo dục/Lý luận và PPDH Địa lí	

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2023

**TRƯỜNG SƯ PHẠM
HIỆU TRƯỞNG**

**PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

TS. Thiều Đình Phong

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 4

DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIÁNG VIÊN CƠ HỮU NGÀNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu ở phụ lục 13)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
1.	T2007-07-05	Cơ sở	Đường lối cải cách chế độ sở hữu ở Trung Quốc từ 1978 đến 2002	Lê Thế Cường	2447/KH-TB ngày 22/11/2007	5/12/2007	Đạt	Lịch sử thế giới hiện đại	
2.	T2008-07-01	Cơ sở	Quan hệ Liên Xô - Ấn Độ về chính trị và quân sự những năm 70	Lê Thế Cường	2656/KH-TB ngày 25/11/2008	7/12/2008	Đạt	1.Lịch sử thế giới hiện đại; 2.Quan hệ quốc tế hiện đại	
3.	T2009-07-15	Cơ sở	Thái độ của các nước lớn đối với vấn đề Kashmir trong Chiến tranh lạnh	Lê Thế Cường	2884/ĐHV-KHTB ngày 25/11/2009	13/12/2009	Đạt	1.Lịch sử thế giới hiện đại; 2. Quan hệ quốc tế hiện đại	
4.	T2012-30	Cơ sở	Nâng cao chất lượng dạy học học phần Lịch sử văn minh thế giới trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh	Lê Thế Cường	2894/ĐHV-KHTB ngày 5/12/2012	24/12/2009	Đạt	1. Lịch sử văn minh thế giới.	

5.	33/2014/KHCN Tr-CB T2014-33 22/4/2014	Cơ sở	Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Quan hệ quốc tế thời cận đại trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Đại học Vinh	Nguyễn Văn Tuấn	4760/QĐ-ĐHV 1/12/2014	6/12/2014	Tốt	Hoàng Thị Hải Yến (Lịch sử văn minh thế giới; Lịch sử thế giới cận hiện đại; Đông Nam Á: Lịch sử và văn hoá)
6.	40/2017/KHCN Tr-CB T2017-40TĐ 28/4/2017	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học phần Lịch sử văn minh thế giới theo tiếp cận CDIO	Nguyễn Văn Tuấn	1310/ QĐ-ĐHV 9/1/2018	20/3/2017	Đạt	- Lê Thế Cường (Lịch sử văn minh thế giới; Lịch sử thế giới cận hiện đại; Đông Nam Á: Lịch sử và văn hoá; Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại) - Hoàng Thị Hải Yến (Lịch sử văn minh thế giới; Lịch sử thế giới cận hiện đại; Đông Nam Á: Lịch sử và văn hoá) - Tôn Nữ Hải Yến (Lịch sử văn minh thế giới; Lịch sử thế giới cận hiện đại; Đông Nam Á: Lịch sử và văn

								hoá) - Phan Thị Cẩm Vân (Lịch sử văn minh thế giới; Lịch sử thế giới cận hiện đại; Đông Nam Á: Lịch sử và văn hoá)	
7.	37/2013/HĐ-NCKHTr-CB 25/4/2013 T2013-37	Cơ sở	Cơ cấu xã hội làng xã vùng đồng bằng sông Mã thế kỉ XIX (qua trường hợp xã Hoàng Lộc, Hoàng Hoá, Thanh Hoá)	Mai Phương Ngọc	3900/ĐHV-KHTB ngày 02/12/2013	08/12/2013	08/12/2013	Tốt 1. Đặng Như Thường (Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam) 2. Dương Thị Thanh Hải (Lịch sử Việt Nam cận – hiện đại, Các cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam)	
8.	28/2021/KHCNTr-CB 28/5/2021 T2021-28TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu rà soát, cập nhật chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử theo tiếp cận CDIO	Mai Phương Ngọc	710/QĐ-ĐHV ngày 4/4/2022	19/4/2022	Đạt 19/4/2022	1. Nguyễn Thị Duyên (Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử - Địa lý, Công nghệ dạy học Lịch sử - Địa lý).	

								<p>2. Lê Thế Cường (Lịch sử thế giới cận hiện đại)</p> <p>3. Nguyễn Văn Tuấn (Lịch sử thế giới cận hiện đại)</p> <p>4. Nguyễn Quang Hồng (Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, các cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử).</p> <p>5. Nguyễn Thị Hà ((Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử -Địa lý, Bản đồ giáo khoa).</p> <p>6. Đặng Như Thường (Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam)</p> <p>7. Mai Thị Thanh Nga (Lịch sử Việt Nam cận hiện đại, Thực tế chuyên</p>	
--	--	--	--	--	--	--	--	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

								môn) 8. Phan Thị Cẩm Vân (Lịch sử thế giới cổ trung đại) 9. Hoàng Thị Hải Yến (Lịch sử thế giới cận hiện đại, Lịch sử văn minh thế giới) 10. Hắc Xuân Cảnh (Phương pháp luận sử học)	
9.	1254/QĐ-ĐHV.Mã số: T2014- 32	Cơ sở	Sử dụng di tích lịch sử cách mạng ở Đô Lương, Nghệ An trong dạy học Lịch sử	Nguyễn Thị Duyên	4760/QĐ-ĐHV	06/12/2014	Khá 06/12/2014	Nguyễn Thị Duyên (chủ nhiệm, thành viên) 1. Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lý 2. Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí 3. Thiết kế tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí 4. Công nghệ dạy học lịch sử và Địa lí 5. Thực tập và đồ án tốt nghiệp	

								6. Xây dựng văn hóa nhà trường Nguyễn Thị Hà (thành viên).	
10.	1572/QĐ-ĐHV. Mã số: T2019- 63 TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Sư phạm Lịch sử 4 theo tiếp cận CDIO	Nguyễn Thị Duyên	702/QĐ-ĐH, 31/03/2019	25/07/2020	Đạt 25/07/2020	Nguyễn Thị Duyên (chủ nhiệm, thành viên) Nguyễn Thị Hà (thành viên) 1. Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí. 2. Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí 3. Thực hành phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí 4. Bản đồ giáo khoa 5. Thực tập và đồ án tốt nghiệp	
11.	1147/QĐ-ĐHV, 24/04/2013	Cơ sở	Nâng cao hiệu quả dạy học học phần “Hệ	Nguyễn Thị Hà	3900/QĐ-ĐHV,	08/12/2013	Tốt 8/12/2013	Nguyễn Thị Hà: 1. Lý luận và	

	Mã số: T2013- 35		thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường Đại học Vinh” trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Vinh		02/12/2013			<p>phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí.</p> <p>2. Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí</p> <p>3. Thực hành phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí</p> <p>4. Bản đồ giáo khoa</p> <p>5. Thực tập và đồ án tốt nghiệp</p>	
12.	429/QĐHV, 21/04/2016 Mã số: T2016-29	Cơ sở	Tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên trong dạy học học phần Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Hà	1271/QĐ-ĐHV, 25/10/2016	8/12/2016	Khá 8/12/2016	<p>Nguyễn Thị Hà (Chủ nhiệm, thành viên)</p> <p>Nguyễn Thị Duyên (thành viên)</p> <p>1. Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lý</p> <p>2. Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí</p> <p>3. Thiết kế tư liệu</p>	

								<p>dạy học Lịch sử và Địa lí</p> <p>4. Công nghệ dạy học lịch sử và Địa lí</p> <p>5. Thực tập và đồ án tốt nghiệp</p> <p>6. Xây dựng văn hóa nhà trường</p>	
13.	T2007-07-19	Cơ sở	Kinh tế tiểu thủ công nghiệp vùng ven biển Nghệ An từ năm 1975 đến nay	Dương Thị Thanh Hải	2447/KH-TB-22/11/2007 của HT Trường ĐHV	8/12/2007	Đạt 8/12/2007	<p>1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại</p> <p>2. Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam Việt Nam</p> <p>3. Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lý</p>	
14.	07-04 HĐ-KHCN-TRg T2008-07-04	Cơ sở	Phong trào công nhân ở Nghệ Tĩnh giai đoạn 1919-1930	Dương Thị Thanh Hải	2656/KH-TB-25/11/2008 của HT Trường ĐHV	7/12/2008	Hoàn thành 7/12/2008	<p>1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại</p> <p>2. Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam Việt Nam</p> <p>3. Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lý</p>	

15.	07-20 HĐ-KHCN-TRg T2009-20	Cơ sở	Phong trào xuất dương ở Thanh Hóa 30 năm đầu thế kỷ XX	Dương Thị Thanh Hải	2844 DHV-KHTB-25/11/2009 của HTTrường ĐHV	13/12/2009	Đạt 13/12/2009	1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại 2. Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam Việt Nam 3. Thực tế chuyên môn Lịch sử
16.	29/2011 HĐ-KHCN-TRg T2011-29	Cơ sở	Phong trào đấu tranh của nông dân Bắc Trung Kỳ 30 năm đầu thế kỷ XX	Dương Thị Thanh Hải	3307/QĐ-DHV-28/11/2011	12/12/2011	Tốt 12/12/2011	1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại 2. Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam Việt Nam 3. Thực tế chuyên môn Lịch sử
17.	39/2017/KHCNTr-CB	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Tiến trình Lịch sử Việt Nam tiếp cận CDIO	Dương Thị Thanh Hải	1310/QĐ-ĐHV-T2017-39Đ	01/12/2017	Tốt 01/12/2017	Chủ nhiệm: Dương Thị Thanh Hải 1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại 2. Các cuộc cải cách, đổi mới trong lịch sử Việt Nam Việt Nam 3. Thực tế chuyên

								môn Lịch sử Các thành viên tham gia 1. Trần Viết Thu (Thư ký khoa học) 2. Nguyễn Quang Hồng (Thành viên thực hiện chính) 3. Mai Phương Ngọc (Thành viên thực hiện chính) 4. Đặng Như Thường (Thành viên thực hiện chính) 5. Mai Thị Thanh Nga (Thành viên thực hiện chính) 6. Trần Vũ Tài (Thành viên thực hiện chính)	
18.	T2006-07-18	Cơ sở	Tình hình công nghiệp chế biến ở các tỉnh Bắc Trung Kỳ từ 1897 đến 1945	Mai Thị Thanh Nga	QĐ số 2444/KH- TB ngày 25/11/2006	09/12/2006	Đạt	1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại 2. Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam 3. Thực tế chuyên	

								môn Lịch sử và Địa lý	
19.	T2007-07-17	Cơ sở	Hoạt động khai mỏ ở Bắc Trung Kỳ dưới thời Nguyễn (1802 - 1945)	Mai Thị Thanh Nga	QĐ số 2447/KH-TB ngày 22/11/2007	08/12/2007	Đạt	1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại 2. Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam 3. Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lý	
20.	T2008-07-14	Cơ sở	Công tác lưu giữ và khai thác nguồn sử liệu qua hai lần Bác Hồ về thăm quê hương Nghệ An	Mai Thị Thanh Nga	QĐ số 2656/KH-TB ngày 25/11/2008	07/12/2008	Đạt	1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại 2. Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam 3. Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lý	
21.	T2009-07-12	Cơ sở	Phan Đình Phùng với Khởi nghĩa Hương Khê trong Phong Trào Cần Vương	Mai Thị Thanh Nga	QĐ số 2844/KH-TB ngày 25/11/2009	14/12/2009	Đạt	1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại 2. Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	

								3. Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lý	
22.	T2014-31	Cơ sở	Công nghiệp khai mỏ ở Trung Kỳ thời Pháp thuộc (1897 - 1945)	Mai Thị Thanh Nga	QĐ số 4760/QĐ-ĐHV ngày 01/12/2014	06/12/2014	Đạt	1. Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại 2. Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam 3. Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lý	
23.	07-05/HĐ-KHCN-Trg; 1/3/2007;T2007-07-05	Cơ sở	Một số nhận xét về chính sách đối ngoại của Nhật Bản thời kì Minh Trị (1868-1912)	Hoàng Thị Hải Yến	2447/KH-TB, 22/11/2007	8/12/2007	Đạt	Hoàng Thị Hải Yến 1. Lịch sử thế giới cận đại	
24.	07-25/HĐ-KHCN-Trg; 18/3/2007;T2008-07-25	Cơ sở	Quan hệ giữa Nhật Bản với các nước phương Tây thời kì Minh Trị (1868-1912)	Hoàng Thị Hải Yến	2656/KH-TB, 25/11/2008	7/12/2008	Đạt	Hoàng Thị Hải Yến 1. Lịch sử thế giới cận đại	
25.	07/18/HĐ-KHCN-Trg;14/4/2009; T2009-018	Cơ sở	Vai trò của Minh Trị Thiên hoàng đối với công cuộc duy tân ở Nhật Bản (1868 – 1912)	Hoàng Thị Hải Yến	2844/ĐHV-KHTB, 25/11/2009	14/12/2009	Đạt	Hoàng Thị Hải Yến 1. Lịch sử thế giới cận đại	
26.	30/2015/HĐ-KHCNTr-CB; 22/4/2015;T2015-30	Cơ sở	Quan hệ an ninh-chính trị giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ từ	Hoàng Thị Hải Yến	4441/QĐ-ĐHV, 25/11/2015	6/12/2015	Đạt	Hoàng Thị Hải Yến 1. Lịch sử thế giới	

			năm 1874 đến năm 1905.					cận đại	
27.	545/KH-TB Mã số: T2009-07-16	Cơ sở	Các cuộc cải cách trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	Đặng Như Thường	2844 ĐHV-KHTB 25/11/2009	13/12/2009	Hoàn thành 13/12/2009	Đặng Như Thường (chủ nhiệm, thành viên) - Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại - Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam - Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo Việt Nam	
28.	1147/QĐ-ĐHV. Mã số: T2013- 33	Cơ sở	Tình hình ruộng đất huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thời Nguyễn (1802 - 1884)	Đặng Như Thường	3900/QĐ-ĐH, 02/12/2013	08/12/2013	Tốt 08/12/2013	Đặng Như Thường (chủ nhiệm, thành viên) - Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại - Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam - Quá trình xác lập chủ quyền biển đảo Việt Nam	
29.	T2007-07-11	Cơ sở	Quan điểm của các nước lớn (Mỹ, Nga, Trung Quốc) trong việc giải quyết vấn đề Triều Tiên	Tôn Nữ Hải Yến	QĐ 2447/KH-TB Ngày 22/11/2007	8/12/2007	Đạt	Tôn Nữ Hải Yến - Lịch sử thế giới hiện đại	

30.	T2008-07-26	Cơ sở	Quá trình xâm lược Triều Tiên của Nhật Bản và Phong trào đấu tranh của nhân dân Triều Tiên (1930-1945)	Tôn Nữ Hải Yến	QĐ 2556/KH- TB Ngày 25/12/2008	7/12/2008	Đạt	Tôn Nữ Hải Yến - Lịch sử thế giới hiện đại	
31.	T2009-07-19	Cơ sở	Cuộc cải cách ở Venezuela dưới thời Hugo Chavez	Tôn Nữ Hải Yến	QĐ 2844/ĐHV KH-TB Ngày 25/11/2009	13/7/2009	Đạt	Tôn Nữ Hải Yến - Lịch sử thế giới hiện đại	
32.	T2016-31	Cơ sở	Nâng cao chất lượng giảng dạy học phần Tổng quan du lịch Đông Nam Á cho sinh viên ngành Việt Nam học theo Hệ thống tín chỉ	Tôn Nữ Hải Yến	QĐ 1261/ QĐ ĐHV Ngày 25/10/2016	25/10/2016	Đạt	Tôn Nữ Hải Yến - Lịch sử thế giới hiện đại	
33.	718/QĐ/ĐHV, 9/4/2019, T2019 – 60TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Sư phạm Lịch sử 1 theo tiếp cận CDIO	Phan Thị Cẩm Vân	3493/QĐ- ĐHV, 20/12/2019	15/7/2020	Đạt 15/7/2020	Nguyễn Thị Hương (Lịch sử thế giới cổ - trung đại), Hoàng Thị Hải Yến (Lịch sử thế giới cận đại), Nguyễn Văn Tuấn (Lịch sử thế giới cận đại), Lê Thế Cường (Lịch sử thế giới hiện đại),	

								Tôn Nữ Hải Yến (Lịch sử thế giới hiện đại)	
34.	17/3/2006; T2006-15-03	Cơ sở	Tổ chức lãnh thổ công nghiệp tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Trang Thanh	2444/KH-TB; 25/11/2006	12/12/2006	Đạt 12/12/2006	Không có thành viên	
35.	01/3/2007; T2007-15-03	Cơ sở	Thực trạng chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Trang Thanh	2447/KH-TB; 22/11/2007	13/12/2007	Đạt 13/12/2007	Không có thành viên	
36.	Số 12-08/HĐ-KHCN-Trg 18/3/2008; T2008-12-08	Cơ sở	Thực trạng phát triển kinh tế trang trại tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Trang Thanh	2656/KH-TB; 25/11/2008	12/12/2008	Đạt 12/12/2008	Không có thành viên	
37.	Số 12-08/HĐ-KHCN-Trg 14/4/2009; T2009-12-08	Cơ sở	Thực trạng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Trang Thanh	2844/KH-TB; 25/11/2009	11/12/2009	Tốt 11/12/2009	Không có thành viên	
38.	Số 58/HĐ-KHCN-Trg 29/3/2010; T2010-58	Cơ sở	Thực trạng phát triển kinh tế trang trại ở miền Tây tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Trang Thanh	2878/KH-TB; 22/11/2010	13/12/2010	Tốt 13/12/2010	Không có thành viên	
39.	28/6/2010; SPHN-10-596NCS	Cơ sở	Cơ sở lí luận về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	Nguyễn Thị Trang Thanh	770/QĐ-ĐHSPHN; 10/3/2011	17/3/2011	Xuất sắc 17/3/2011	Không có thành viên	
40.	04/2015/KHCNTr-CB; 22/4/2015;	Cơ sở	Một số giải pháp thúc đẩy sự liên kết bền	Nguyễn Thị Trang Thanh	4441/QĐ-ĐHV;	16/12/2015	Tốt 16/12/2015	Không có thành viên	

	T2015-04		vững trong sản xuất chè ở Nghệ An	Thanh	25/11/2015				
41.	4497/QĐ-UBND; 05/10/2015	Tỉnh	Nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị thích hợp cho sản phẩm chè Nghệ An nhằm tăng giá trị cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế	Nguyễn Thị Trang Thanh	175/QĐ-HĐKH; 29/6/2017	04/7/2017	Khá 04/7/2017	Nguyễn Thị Hoài (Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam; Phát triển kinh tế biên); Hoàng Phan Hải Yên (Địa lí châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực)	
42.	18/2016/KHCNTĐ; 16/6/2016; T2016-18TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Quản lí đất đai tiếp cận CDIO	Nguyễn Thị Trang Thanh	1445/QĐ-ĐHV; 06/12/2016	20/12/2016	Khá 20/12/2016	Nguyễn Thị Hoài (Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam; Phát triển kinh tế biên); Lương Thị Thành Vinh (Địa lí châu Á, châu Âu)	
43.	152/QĐ-ĐHV; 28/02/2017; 2017-07TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tiếp cận CDIO	Nguyễn Thị Trang Thanh	25/QĐ-ĐHV; 09/01/2018	10/3/2018	Đạt 10/3/2018	Nguyễn Thị Hoài (Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam; Phát triển kinh tế biên); Lương Thị Thành Vinh (Địa lí châu Á, châu Âu)	

44.	35/2016/KHCNTĐ, ngày 16/6/2016	Cơ sở (trọng điểm)	Nghiên cứu xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành sư phạm Địa lí tiếp cận CDIO	Nguyễn Thị Hoài	1445/QĐ- ĐHV 06/12/2016	01/03/2017	Đạt 01/03/2017	Phạm Vũ Chung (Địa lý tự nhiên Việt Nam) Nguyễn Văn Đông (Địa lý tự nhiên đại cương 2) Võ Thị Thu Hà (Địa lý tự nhiên đại cương 1) Nguyễn Thị Hoài (Địa lí KT-XH Việt Nam) Lương Thị Thành Vinh (Địa lí KT- XH thế giới 1; Bản đồ và Hệ thống thông tin địa lý (GIS)) Hoàng Phan Hải Yến (Phương pháp nghiên cứu ngành Địa lí; Địa lí KT- XH thế giới 1) Nguyễn Thị Việt Hà (Lý luận và phương pháp dạy học Địa lý) Võ Thị Vinh (Phân tích chương	
-----	-----------------------------------	--------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------	-------------------------------	------------	-------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

								trình SGK và tập giảng)	
45.	Số 1211/HĐ-KHCN-Trg 14/4/2009 T2009-12-11	Cơ sở	Xây dựng hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan cho chương trình, SGK địa lý lớp 12 - Ban nâng cao	Nguyễn Thị Việt Hà	2844/ĐHV-KHTB 25/11/2009	11/12/2009	Đạt 11/12/2009	Nguyễn Thị Việt Hà (Nhập môn ngành Sư phạm; Lý luận và PPDH Lịch sử & Địa lí)	
46.	Số 61/KHCN-Trg 29/03/2010 T2010-61	Cơ sở	Tổ chức dạy học theo dự án nhằm phát huy tính tích cực học tập của sinh viên trong học phần "Môi trường và con người" ở trường Đại học Vinh	Nguyễn Thị Việt Hà	2878/ĐHV-KHTB 22/11/2010	13/12/2010	Tốt 13/12/2010	Nguyễn Thị Việt Hà (Nhập môn ngành Sư phạm; Lý luận và PPDH Lịch sử & Địa lí)	
47.	Số 1245/QĐ-ĐHV 21/04/2014 T2014-06	Cơ sở	Giáo dục biến đổi khí hậu cho sinh viên sư phạm Địa lý – trường Đại học Vinh thông qua các hoạt động dạy học	Nguyễn Thị Việt Hà	4760/QĐ-ĐHV 01/12/2014	13/12/2014	Tốt 13/12/2014	Nguyễn Thị Việt Hà (Nhập môn ngành Sư phạm; Lý luận và PPDH Lịch sử & Địa lí)	
48.	Số 178/QĐ-ĐHV 09/04/2019 T2019-55TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Phương pháp	Nguyễn Thị Việt Hà	702/QĐ-ĐHV 31/03/2020	17/07/2020	Đạt 17/07/2020	Nguyễn Thị Việt Hà (Nhập môn ngành Sư phạm; Lý luận và PPDH Lịch sử & Địa lí) Võ Thị Vinh-thành viên (Phát	

			dạy học Địa lí tiếp cận CDIO					triển chương trình môn Lịch sử và Địa lý; Thực hành Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lý; Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lý)
49.	Số 11275/QĐ-ĐHV 21/05/2021 T2021-27TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lí tiếp cận CDIO	Nguyễn Thị Việt Hà	710/QĐ-ĐHV 04/04/2022	19/04/2022	Đạt 17/07/2020	Nguyễn Thị Việt Hà (Nhập môn ngành Sư phạm; Lý luận và PPDH Lịch sử & Địa lí) Võ Thị Vinh-thành viên (Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lý; Thực hành Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lý; Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lý); Nguyễn Thị Tram Thanh (Địa lí chính trị; Địa lý kinh tế - xã hội đại

								<p>cương; Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam)</p> <p>Nguyễn Thị Hoài (Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam; Phát triển kinh tế biển)</p> <p>Lương Thị Thành Vinh (Địa lý châu Á, châu Âu)</p> <p>Hoàng Phan Hải Yên (Địa lý kinh tế xã hội đại cương)</p> <p>Phạm Vũ Chung (Địa lý tự nhiên Việt Nam; Phát triển kinh tế biển)</p> <p>Nguyễn Văn Đông (Môi trường và phát triển bền vững; Biến đổi khí hậu; Địa lý châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương và châu Nam Cực)</p> <p>Võ Thị Thu Hà (Địa lý tự nhiên</p>
--	--	--	--	--	--	--	--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

								đại cương)	
50.	T2016-04	Cơ sở	Nâng cao chất lượng dạy và học học phần “Quản lý sử dụng đất” trên cơ sở tiếp cận thực tiễn địa phương.	Đào Khang	Số 1261/QĐ-ĐHV, ngày 25/10/2016	2016	Đạt	Phạm Vũ Chung	
51.	814/HĐ-KHCN ngày 14/01/2016	Cấp tỉnh	Đánh giá đất đai phục vụ triển khai quy hoạch các loại cây ăn quả có múi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.	Đào Khang	Số 202/QĐ-HĐKH ngày 25/10/2018	2018	Đạt	Phạm Vũ Chung	
52.	Số 718/QĐ-ĐHV, ngày 09/4/2019	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức học phần Địa lí tự nhiên Việt Nam tiếp cận CDIO	Phạm Vũ Chung	Số 3493/QĐ-HĐKH ngày 20/12/2019	2019	Đạt	Nguyễn Văn Đông, Nguyễn Thị Hoài	
53.	Số 1572a/QĐ-ĐHV, ngày 01/07/2019	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Địa lí tự nhiên tiếp cận CDIO	Phạm Vũ Chung	Số 702/QĐ-HĐKH ngày 31/3/2020	2020	Đạt	Nguyễn Văn Đông, Võ Thị Thu Hà	
54.	251/QĐ-ĐHV 10/4/2018 T2018-46TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Quản lý Tài	Võ Thị Vinh	484/QĐ-ĐHV 12/03/2019	15/07/2019	Đạt 15/07/2019	Trần Thị Tuyền (Quy hoạch bảo vệ MT) Đậu Khắc Tài	

			nguyên và Môi trường					(QLTNMT dựa vào cộng đồng) Nguyễn Thị Thúy Hà (Thanh tra, kiểm toán TNMT) Hoàng Thị Thủy (Truyền thông môi trường)	
55.	12-01/HĐ-KHCN-Trg; T2008-12-01	Cơ sở	Nghiên cứu điều kiện Địa lý tự nhiên và đề xuất hướng phát triển cây vải thiều trên đất dốc ở huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Trần Thị Tuyền	2625/KH-TB, ngày 25/11/2008	20/12/2008	Khá 20/12/2008	Không có thành viên	
56.	57/HĐ-KHCN-Trg; T2010-57	Cơ sở	Vận dụng mô hình mất đất phổ dụng vào việc đánh giá xói mòn đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất bền vững bằng công nghệ GIS tại lưu vực sông Hiếu, tỉnh Nghệ An	Trần Thị Tuyền	2878/KH-TB, ngày 22/11/2010	12/12/2010	Tốt 12/12/2010	Không có thành viên	
57.	51/2011/HĐ-KHCN-Trg; T2011-51	Cơ sở	Đánh giá đất đai phục vụ quy hoạch sử dụng bền vững đất nông lâm nghiệp ở huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An	Trần Thị Tuyền	3307/QĐ-ĐHV, ngày 28/11/2011	6/12/2011	Đạt 6/12/2011	Không có thành viên	

58.	17/2016/KHCNTĐ; T2016-03	Cơ sở	Nâng cao chất lượng dạy và học học phần “Quy hoạch môi trường” trên cơ sở tiếp cận thực tiễn	Trần Thị Tuyền	1261/QĐ-ĐHV, ngày 25/10/2016	07-12-2016	Xếp loại: Tốt 07-12-2016	Không có thành viên	
59.	T2017-06TD; Trường Đại học Vinh	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường tiếp cận CDIO	Trần Thị Tuyền	25/QĐ-ĐHV, ngày 09/1/2018	09/3/2018	Ngày 09/3/2018 Xếp loại: Khá	Không có thành viên	
60.	T2018-08-01; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An	Tỉnh	Đánh giá đất đai phục vụ triển khai quy hoạch phát triển cây ăn quả có múi tỉnh Nghệ An	CNĐT: Đào Khang;	202/QĐ-HĐKH; ngày 25/10/2018	01/11/2018	Ngày 01/11/2018 Xếp loại: Đạt	TKĐT: Trần Thị Tuyền	
61.	HĐ số 08/2021/HĐ/NCKH; B-2021-TDV-08	Bộ	Nghiên cứu mô hình nuôi tôm kết hợp phục hồi rừng ngập mặn phù hợp với điều kiện khu vực Bắc Trung Bộ	Trần Thị Tuyền	2936/QĐ-ĐHV ngày 22/11/2022	13/12/2022	13/12/2022 Xếp loại: Đạt	Không có thành viên	
62.	251/QĐ-ĐHV 10/4/2018 T2018-42TĐ	Cơ sở	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và	Nguyễn Văn Đông	1235/QĐ-ĐHV 20/12/2018	19/7/2019	Đạt 19/7/2019	Trần Thị Tuyền (Địa lí tự nhiên đại cương1) Đậu Khắc Tài (Ban đồ học) Nguyễn Thị Việt	

			đánh giá khôi kiên thức quản lí tài nguyên và môi trường I theo tiếp cận CDIO					Hà (PP dạy học Địa lí) Phan Thị Quỳnh Nga (Công nghệ xử lí MT) Hoang Thị Thủy (Cơ sở Quản lí Tài nguyên và môi trường)	
63.	1147/QĐ-ĐHV 24/4/2013 T2013-04	Cơ sở	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất của các nông hộ sau khi thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa ở huyện Thanh Chương, Nghệ An	Nguyễn Văn Đông	3900/QĐ-ĐHV 2/12/2013	11/12/2013	Đạt 11/12/2013	Võ Thị Thu Hà (Địa lí tự nhiên đại cương 2) Đậu Khắc Tài (Bản đồ học) Lương Thị Thành Vinh (Địa lí kinh tế xã hội)	
64.	7435/QĐ-UBND 29/12/2014	Tỉnh Nghệ An	Nghiên cứu đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình kinh tế góp phần giảm nghèo theo hướng bền vững cho các xã bãi ngang ven biển và miền núi tỉnh Nghệ An	Hoàng Phan Hải Yên	273/QĐ-SKHCN 18/8/2016	27/8/2016	Khá 27/8/2016	1. TS. Nguyễn Thị Trang Thanh (Địa lí kinh tế - xã hội) 2. GVC.ThS. Hồ Thị Thanh Vân (Địa lí kinh tế - xã hội) 3. ThS. Đậu Quang Vinh (Lịch sử) 4. TS. Nguyễn Công Thành	

								(Nông nghiệp) 5. TS. Nguyễn Thị Hoài (Địa lí kinh tế - xã hội) 6. TS. Trần Thị Tuyên (Địa lí tự nhiên) 7. TS. Nguyễn Thị Minh Phượng (Kinh tế) 8. TS. Lương Thị Thành Vinh (Địa lí kinh tế - xã hội)	
65.	08/2017/KHCNTr-CB 28/4/2017	Trường Đại học Vinh	Nghiên cứu đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần Địa lí học đại cương tiếp cận CDIO	Hoàng Phan Hải Yên	25/QĐ-ĐHV 09/01/2018	05/3/2018	Đạt 05/3/2018	1. ThS. Võ Thị Vinh (Giáo dục học) 2. PGS.TS. Đào Khang (Địa lí tự nhiên) 3. ThS. Phạm Vũ Chung (Địa lí tự nhiên)	
66.	57/2019/KHCNTr-CB 19/7/2019	Trường Đại học Vinh	Nghiên cứu đổi mới nội dung phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá khối kiến thức Địa lí Kinh tế - xã hội theo tiếp cận CDIO	Hoàng Phan Hải Yên	702/QĐ-ĐHV 31/3/2020	25/7/2020	Đạt 25/7/2020	1. TS. Lương Thị Thành Vinh (Địa lí kinh tế - xã hội) 2. PGS.TS. Nguyễn Thị Trang Thanh (Địa lí kinh tế - xã hội)	

								3. TS. Nguyễn Thị Hoài (Địa lí kinh tế - xã hội)	
--	--	--	--	--	--	--	--	--------------------------------------------------------	--

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2023

**TRƯỜNG SƯ PHẠM
HIỆU TRƯỞNG**

**P.KHOA HỌC & HTQT
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

PGS.TS. Mai Văn Chung

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 5.
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG BỐ CỦA GIẢNG VIÊN CƠ HỮU
NGÀNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ TRONG 5 NĂM GẦN NHẤT
(kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối
của công trình công bố tại Phụ lục 14).

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Bùi Văn Hào (Chủ biên), Lê Thế Cường, Trần Vũ Tài, Nguyễn Văn Tuấn, (2018), <i>Giáo trình Tôn giáo học đại cương</i> , NXB Đại học Vinh.	Sách
2.	Lê Thế Cường, Phan Thị Châu (2020), <i>Hợp tác An ninh quốc phòng giữa Ấn Độ và Myanmar từ năm 1991 đến năm 2008</i> , Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh, 1859-2228.	Bài báo
3.	Hoàng Thị Mai Hương, Lê Thế Cường (2022) <i>Tác động của Chiến tranh Triều Tiên 1950 - 1953 đến Nhật Bản và Quan hệ Nhật Mỹ giai đoạn 1951 - 1960</i> . Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh.	Bài báo
4.	Lê Thế Cường, (2021), <i>Phát triển Chương trình đào tạo giáo viên phổ thông môn Lịch sử theo định hướng tiếp cận năng lực ở Trường Đại học Vinh</i> , Hội thảo khoa học quốc tế: Phát triển Chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực, NXB Đại học Vinh.	Bài báo
5.	Le The Cuong, Luong Van Thanh (2023), <i>Assistance of the Germany Democratic Republic in the reconstruction of Vinh City, Nghe An Province from 1973 to 1980</i> , Journal of Science, Vinh University, Vol. 51, No. 4B/2022, pp. 23-35.	Bài báo
6.	Lê Thế Cường (2023), <i>Cần nhìn nhận, đánh giá lại vai trò của Khúc Thừa Mỹ và nguyên nhân mất nước vào năm 930</i> , in trong Chuyên khảo “ <i>Công cuộc trung hưng của họ Khúc cuối thế kỷ IX, đầu thế kỷ X trong Lịch sử dân tộc Việt Nam</i> ”, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.	Bài báo
7.	Bùi Văn Hào, Lê Thế Cường, Trần Vũ Tài, Nguyễn Văn Tuấn (2018), <i>Giáo trình Tôn giáo học đại cương</i> , Nhà xuất bản Đại học Vinh, Nghệ An	Sách

8.	Phạm Ngọc Tân, Nguyễn Văn Tuấn, Hoàng Thị Hải Yến (2020), <i>Giáo trình Lịch sử thế giới cận đại</i> , Nhà xuất bản Đại học Vinh, Nghệ An	Sách
9.	Nguyễn Văn Tuấn (2017), ' <i>Hợp tác giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản ở Trung Quốc (1924-1927): Một số biểu hiện trên lĩnh vực chính trị</i> ', <i>Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc</i> , số 6, tháng 6, trang 16-26	Bài báo
10.	Nguyễn Văn Tuấn (2018), ' <i>Learning the Ho Chi Minh's personality through the relationship between he and Chinese revolutionists during his stay in Paris and Guangzhou</i> ', SOCIAL PEDAGOGY WITH THE CARE FOR A HUMAN BEING (in Vietnamese research) Zielona Góra, trang 116-126	Bài báo
11.	Nguyễn Văn Tuấn (2019), ' <i>Tìm hiểu chủ trương "học tập nước Nga" của Tôn Trung Sơn</i> ', <i>Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc</i> , số 6, tháng 6, trang 59-69	Bài báo
12.	Nguyễn Văn Tuấn (2020), ' <i>Vấn đề Sơn Đông tại Hội nghị Véc xai và ảnh hưởng của nó đối với phong trào Ngũ Tứ</i> ', <i>Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc</i> , số 6, tháng 6, trang 48-59	Bài báo
13.	Nguyễn Văn Tuấn (2020), ' <i>"Vấn đề Trung Quốc" tại Hội nghị Vécxai – Oa sinh ton</i> , <i>Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh</i> , số 6, tháng 6, trang 110-116	Bài báo
14.	Nguyễn Văn Tuấn (2021), ' <i>Hợp tác trên lĩnh vực quân sự giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản ở Trung Quốc (1924-1927)</i> ', <i>Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc</i> , số 6, tháng 6, trang 57-60	Bài báo
15.	Mai Phương Ngọc (2017), Làng xã và sự học - nghiên cứu từ trường hợp làng khoa bảng Hoàng Lộc (huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa), Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia "30 năm đổi mới ở Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn", NXB Đại học Huế.	Sách
16.	Đồng tác giả (2017), <i>Tiến trình lịch sử Việt Nam</i> (Sách giáo trình), NXB Đại học Vinh, Nghệ An, 2017.	Sách
17.	Mai Phương Ngọc, Phạm Thị Kim Loan (2018), <i>Đóng góp của nhân dân Nghệ An, Hà Tĩnh trong khởi nghĩa Lam Sơn</i> , <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Văn hoá, thể thao và Du lịch Thanh Hoá, số 02 (03), T6-2018.	Bài báo
18.	Nguyễn Quang Hồng, Mai Phương Ngọc, Nguyễn Thị Hương (2018), <i>Buddhism in the cultural and spiritual life of people in Nghe region</i> , SOCIAL PEDAGOGY WITH THE CARE FOR A HUMAN BEING (in Vietnamese	Bài báo

	research), Zielona Góra 2018, page 103-112.	
19.	Mai Phương Ngọc, Dương Thị Thanh Hải, Nguyễn Quang Hồng, Nguyễn Thị Hương (2018), <i>The role of the village community and lineage in education: research of Hoang Loc commune, Hoang Hoa district, Thanh Hoa province (from the 15th century to the beginning of the 20th century)</i> , SOCIAL PEDAGOGY WITH THE CARE FOR A HUMAN BEING (in Vietnamese research), Zielona Góra 2018, page 227-240.	Bài báo
20.	Dương Thị Thanh Hải, Mai Phương Ngọc, Dương Thị Kim Oanh (2019), <i>Phan Boi Chau and the "Dong Du movement" in Nord - AnNam in the early 20th century</i> , Journal of Science Vinh university, 2/2019	Bài báo
21.	Hồ Sĩ Huỳ, Mai Phương Ngọc (2019), <i>Đền Cờn trong câu đối và thơ cổ</i> , Tạp chí Khoa học và công nghệ Nghệ An, số 04/2019.	Bài báo
22.	Huy Huyền, Mai Phương Ngọc (2019), <i>Ảnh hưởng của Phật giáo đối với trí thức phong kiến Đại Việt</i> , Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn Nghệ An, số 04/2019.	Bài báo
23.	Mai Phương Ngọc (Đồng tác giả) (2019), <i>Lịch sử Việt Nam cổ trung đại</i> (Sách giáo trình), NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	Sách
24.	Mai Phương Ngọc (Đồng tác giả) (2019), <i>Lịch sử Đảng bộ xã Ea Knuéc (1989-2020)</i> (Sách giáo trình), Nxb Khoa học xã hội, 2019.	Sách
25.	Mai Phương Ngọc (Đồng tác giả) (2019), <i>Một hướng tiếp cận lịch sử họ Hồ Việt Nam</i> (Sách tham khảo), Nxb Đại học Quốc gia TP.Hồ Chí Minh.	Sách
26.	Mai Phương Ngọc, Nguyễn Thái Thắng (2020), <i>Sử dụng câu hỏi theo định hướng phát triển năng lực trong giảng dạy cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử</i> , Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế "Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực", NXB Đại học Vinh.	Sách
27.	Mai Phương Ngọc (2020), <i>Giáo dục và khoa cử nho học Nghệ An - những đóng góp đối với lịch sử dân tộc</i> , Hội thảo Khoa học Quốc gia "990 năm danh xưng Nghệ An", Nghệ An.	Bài báo

28.	Mai Phương Ngọc (Đồng tác giả), <i>Quá trình thâm nhập giáo dục Pháp Việt vào Nghệ An từ năm 1899 đến năm 1919</i> , Hội thảo quốc tế ICCE 2021 “Giáo dục tân học ở các nước Đông Á và Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX”, Huế, Việt Nam.	Bài báo
29.	Mai Phương Ngọc (Đồng tác giả), <i>Chùa Am Các</i> (Sách tham khảo), Nxb Thanh Hoá, 2021	Sách
30.	Mai Phương Ngọc, Lương Thị Hoa (2022), <i>Vài nét về tình hình công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện Như Xuân (tỉnh Thanh Hoá) giai đoạn 1997-2018</i> , Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Vinh, số 1/2022. Tập 51.	Bài báo
31.	Nguyễn Quang Hồng, <i>Giáo trình: Tiến trình Lịch sử Việt Nam</i> , NXB Nghệ An, 2018	Sách
32.	Nguyễn Quang Hồng, <i>Giáo trình: Lịch sử Việt Nam Cổ - Trung đại</i> , NXB Đại học Vinh. 2019	Sách
33.	Nguyễn Quang Hồng, <i>Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Kỳ Sơn (1961 -2021)</i> , NXB Nghệ An, 2021	Sách
34.	Nguyễn Quang Hồng (2019), Phật giáo Nghệ An thời Lý – Trần, Bài đăng trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: <i>Nghệ An 990 năm hình thành và phát triển</i> , tr52 -61,	Bài báo
35.	Nguyễn Quang Hồng (2019), Tín ngưỡng thờ Uy Minh Vương Lý Nhật Quang của cộng đồng cư dân xứ Nghệ, Bài đăng trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: <i>Nghệ An 990 năm hình thành và phát triển</i> , tr43 -51	Bài báo
36.	Nguyễn Quang Hồng (2020), Quá trình ký kết, thực thi hiệp định xây dựng lại thành phố Vinh sau chiến tranh(1973 -1980, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số(6(530)-,2020, tr53 -61	Bài báo
37.	Nguyễn Quang Hồng (2021), Quá trình phục hưng Phật giáo trên địa bàn hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh trong 20 năm đầu thế kỷ XX, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số((540),2021, tr3 -12.	Bài báo
38.	Nguyễn Quang Hồng (2021), Ảnh hưởng của Giáo dục Tân học đối với đời sống của thị dân thành phố Vinh – Bến Thủy từ cuối thế kỷ XIX đến năm 1945, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế Văn hoá và giáo dục lần thứ II(ICCE2021) <i>Giáo dục Tân học ở Đông Á và Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX</i> , tr601 -607.	Bài báo
39.	Nguyễn Thị Duyên (Chủ biên), Hoàng Thị Hải Yến (2016), Sách tham khảo, ‘ <i>Phong tục, tập quán Việt Nam</i> ’, xuất bản lần 1, 7/2016, NXB Lao động, Hà Nội.	Sách

40.	Trần Viết Thụ chủ biên, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Duyên (2018), ' <i>Giáo trình Lý luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung)</i> ', xuất bản lần 1, 5/2018, NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	Sách
41.	Trần Vũ Tài (Chủ biên), Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Quang Hồng, Phạm Tiến Đông, Mai Thị Thanh Nga, Bùi Minh Thuận, Võ Thị Hoài Thương, Đặng Như Thường (2020), ' <i>Địa chí huyện Kỳ Sơn</i> ', xuất bản lần 1, 7/2020, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.	Sách
42.	Trần Vũ Tài (Chủ biên), Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Quang Hồng, Đặng Như Thường, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Trung, Đậu Đức Anh (2022), ' <i>Lịch sử Đảng bộ huyện Nam Đàn (1930 -2020)</i> ', xuất bản lần 1, 5/2022, NXB Nghệ An.	Sách
43.	Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Thị Hà (2018), ' <i>Ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo đối với phong tục thờ cúng tổ tiên ở Việt Nam</i> ', Hội thảo: <i>Việt Nam - châu Á: những mối quan hệ lịch sử, văn hóa và văn học</i> , 10/2018, trang 55-61, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.	Bài báo
44.	Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Thị Hà (2020), ' <i>Thiết kế kế hoạch dạy học chủ đề “cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỉ XX” tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học phân môn lịch sử ở trường trung học cơ sở</i> ', Kỷ yếu hội thảo khoa học: <i>Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực</i> , 5/2020, Nhà xuất bản Đại học Vinh, trang 29-41, Nghệ An.	Bài báo
45.	Nguyễn Thị Duyên, Phan Thị Anh (2020), ' <i>Đền ông Hoàng Mười ở Hưng Thịnh, Hưng Nguyên, Nghệ An - điểm du lịch tâm linh xứ Nghệ</i> ', Hội thảo: <i>Nghệ An - 999 năm hình thành và phát triển</i> , 11/2020, Nghệ An.	Bài báo
46.	Nguyễn Thị Duyên (2021), ' <i>Tổ chức hoạt động trải nghiệm tại di tích lịch sử ở địa phương nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh Trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An (Qua ví dụ hoạt động trải nghiệm tại di tích Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An)</i> ', Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: <i>Proceedings international conference on competency-based curriculum development and continuous professional development for teachers and education managers</i> , 12/2021, trang 197-205, NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	Bài báo
47.	Nguyễn Thị Việt Hà, Trần Thị Tuyền, Nguyễn Thị Duyên, Võ Thị Vinh (2021), ' <i>Proposing some instructions</i>	Bài báo

	for the design of learning materials to develop spatial thinking for students through History and Geography in Viet Nam school', Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: <i>Proceedings international conference on competency-based curriculum development and continuous professional development for teachers and education managers</i> , 12/2021, trang 413- 420, NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	
48.	Nguyễn Thị Việt Hà, Võ Thị Vinh, Nguyễn Thị Duyên (2021), 'The design of learning materials to develop spatial thinking for students through Geography in Viet Nam school', <i>Journal of Positive Psychology & Wellbeing</i> (Tạp chí Tâm lý Tích cực & Sức khỏe; ISSN 2587-0130), 5/2021, trang 1727 -1734.	Bài báo
49.	Nguyễn Thị Duyên, Tôn Nữ Hải Yến (2022), 'Khai thác địa danh, vết tích liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn tại huyện Quỳnh Hợp (tỉnh Nghệ An) để giáo dục thế hệ trẻ', Kỷ yếu hội thảo khoa học: <i>Dấu tích khởi nghĩa Lam Sơn trên đất Quỳnh Hợp - Thực trạng, bảo tồn và phát huy</i> , trang 76-84, Quỳnh Hợp, Nghệ An.	Bài báo
50.	Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Thị Hà (2022), Khai thác di tích lịch sử tại Tây Nguyên qua dạy học dự án trong môn Lịch sử ở trường THPT, Hội thảo KH quốc gia: <i>Khai thác giá trị các di tích lịch sử văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên</i> , Viện KHXH vùng Tây Nguyên, 11/2022, trang 52-55, Đắk Lắk.	Bài báo
51.	Nguyễn Thị Duyên (2022), 'Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong phong tục tang ma của người H Mông ở Kỳ Sơn, Nghệ An', Kỷ yếu hội thảo khoa học: <i>Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ An- bảo vệ và phát huy giá trị</i> , 12/2023, trang 317- 326, Nghệ An.	Bài báo
52.	Trần Viết Thụ chủ biên, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Duyên (2018), " <i>Giáo trình Lý luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung)</i> ", Nhà xuất bản Đại học Vinh.	Sách
53.	ThS. Nguyễn Thị Hà (2017), " <i>Vài nét về tín ngưỡng thờ thần cây của người Ba-Na ở Tây Nguyên</i> ", Kỷ yếu hội thảo "Phát triển xã hội vùng Tây Nguyên: Những vấn đề lý luận và thực tiễn", Tây Nguyên, trang 266-271.	Bài báo
54.	Nguyễn Thị Hà (2017), " <i>Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm lịch sử Trường Đại học Vinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông</i> ", Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh, Tập 46/Số3B, trang 44-50.	Bài báo
55.	Nguyễn Thị Hà, Phan Thị Cẩm Vân (2018), " <i>Hợp tác giáo dục Liên bang Nga - Việt Nam (2001-2015)</i> ", Tạp	Bài báo

	chí khoa học Trường Đại học Vinh, Tập 47/Số3B, trang 46-54.	
56.	Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Thị Hà (2020), “ <i>Thiết kế kế hoạch dạy học chủ đề “cách mạng khoa học kỹ thuật thế kỉ xx” tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học phân môn lịch sử ở trường trung học cơ sở</i> ”, Kỷ yếu hội thảo khoa học phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực, Nhà xuất bản Đại học Vinh, trang 29-41.	Bài báo
57.	Nguyễn Thị Hà (2020), “ <i>Dấu ấn Nghệ An trong Khởi nghĩa Lam Sơn</i> ”, UBND Tỉnh Nghệ An, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Khoa học xã hội và nhân văn: Nghệ An 990 hình thành và phát triển, trang 79-86.	Bài báo
58.	Nguyễn Thị Hà (2021), “ <i>Đào tạo giáo viên theo hướng tiếp cận năng lực nghề nghiệp thông qua sự phối hợp giữa trường sư phạm và trường phổ thông (Kinh nghiệm từ thực tiễn trường Đại học Vinh)</i> ”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Proceedings international conference on competency-based curriculum development and continuous professional development for teachers and education managers, trang 110-116.	Bài báo
59.	Nguyễn Thị Hà (2021), “ <i>Tăng cường quản lý phát triển lễ hội cầu ngư ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Quản lý phát triển xã hội ở các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên</i> ”, trang 351-364.	Bài báo
60.	ThS. Nguyễn Thị Hà, PGS.TS. Bùi Văn Hào (2022), “ <i>Hoạt động của nghĩa quân Lam Sơn trên vùng đất Quỳnh Hợp (Tỉnh Nghệ An)</i> ”, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Dấu tích khởi nghĩa Lam sơn trên đất Quỳnh Hợp - Thực trạng, bảo tồn và phát huy, trang 21-26.	Bài báo
61.	TS. Nguyễn Thị Duyên, ThS. Nguyễn Thị Hà (2022), “ <i>Khai thác di tích lịch sử tại Tây Nguyên qua dạy học dự án trong môn Lịch sử ở trường Trung học phổ thông</i> ”, Hội thảo KH quốc gia: Khai thác giá trị các di tích lịch sử văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên, Viện KHXH vùng Tây Nguyên, 11/2022, trang 52- 55, Đắk Lắk.	Bài báo
62.	PGS.TS. Bùi Văn Hào, ThS. Nguyễn Thị Hà (2022), “ <i>Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực Việt Nam - Lào từ năm 2011 đến năm 2020</i> ”, Hội thảo quốc gia quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào những giá trị kết tinh và phát triển, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, trang 123-129.	Bài báo

63.	Dương Thị Thanh Hải (Đồng tác giả) (2018), <i>Ảnh hưởng các mạng thánng Mười Nga đối với phong trào cách mạng ở Nghệ An trong những năm 20 của thế kỷ XX, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Cách mạng thánng Mười Nga - Tầm vóc lịch sử, giá trị thời đại, bài học đối với cách mạng Việt Nam và tỉnh Nghệ An hiện nay</i> , NXB Nghệ An, 2018	Bài báo
64.	Trần Vũ Tài, Dương Thanh Hải, Đặng Như Thường, Mai Thị Thanh Nga, Mai Phương Ngọc, Nguyễn Quang Hồng (2018), <i>Giáo trình Tiến trình lịch sử Việt Nam</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản Đại học Vinh.	Sách
65.	Mai Phương Ngọc, Dương Thị Thanh Hải, Nguyễn Quang Hồng, Nguyễn Thị Hương (2018), <i>The role of the village community and lineage in education: research of Hoang Loc commune, Hoang Hoa district, Thanh Hoa province (from the 15th century to the beginning of the 20th century)</i> , SOCIAL PEDAGOGY WITH THE CARE FOR A HUMAN BEING (in Vietnamese research), Zielona Góra 2018, page 227-240.	Bài báo
66.	Dương Thị Thanh Hải (Đồng tác giả) (2019), <i>Lịch sử Đảng bộ xã Ea Knuéc (1989-2020)</i> (Sách giáo trình), Nxb Khoa học xã hội, 2019.	Bài báo
67.	Dương Thị Thanh Hải (2019), <i>Góp bàn về phong trào Đông Du ở Nghệ - Tĩnh đầu thế kỷ XX – Qua một số tài liệu của chính quyền thực dân Pháp</i> , <i>Tạp chí Lịch sử Đảng</i> , số 3- 2019	Bài báo
68.	Dương Thị Thanh Hải, Mai Phương Ngọc, Dương Thị Kim Oanh (2019), <i>Phan Boi Chau and the "Dong Du movement" in Nord - AnNam in the early 20th century</i> , <i>Journal of Science Vinh university</i> , 2/2019	Bài báo
69.	<i>Giáo dục Pháp – Việt ở Bắc Trung Kỳ 30 năm đầu thế kỷ XX, Hội thảo KH Quốc tế ICCE 2020 “Giáo dục Pháp – Việt cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX”</i> . NXB Đại học Huế.	Bài báo
70.	Dương Thị Thanh Hải (Đồng tác giả), <i>Quá trình thâm nhập giáo dục Pháp Việt vào Nghệ An từ năm 1899 đến năm 1919</i> , Hội thảo quốc tế ICCE 2021 “Giáo dục tân học ở các nước Đông Á và Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX”, Huế, Việt Nam.	Bài báo
71.	Mai Thị Thanh Nga (2017), <i>Công nghiệp Trung Kỳ thời thuộc địa (1884 - 1945)</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội	Sách

72.	Mai Thị Thanh Nga, Nguyễn Trọng Văn (2017), ‘Vấn đề dân quyền trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu’, <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế “Chi sỹ Phan Bội Châu - Bác sỹ Asaba Sakitaro và quan hệ hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản”</i> , UBND tỉnh Nghệ An, Trường Đại học KHXH và NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghệ An, 12/2017, trang 166-173.	Sách
73.	Trần Vũ Tài, Dương Thanh Hải, Đặng Như Thường, Mai Thị Thanh Nga, Mai Phương Ngọc, Nguyễn Quang Hồng (2018), <i>Giáo trình Tiến trình lịch sử Việt Nam</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản Đại học Vinh.	Sách
74.	Mai Thị Thanh Nga, Dau Duc Anh (2018), <i>Local employees in industrial estates of French capitalists in Trung Ky (Central Vietnam) in the Colonial phase, Social pedagogy with the care for a human being (in Vietnamese research)</i> , Department of Social Pedagogy, University of Zielona Góra. Printed in Vietnam by University of Vinh.	Bài báo
75.	Mai Thị Thanh Nga, Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Duy Thụy (2019), <i>Lịch sử Đảng bộ xã Hòa Tiến (1977 – 2015)</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản KHXH, Hà Nội.	Sách
76.	Trần Vũ Tài, Mai Thị Thanh Nga, Võ Thị Hoài Thương, Bùi Minh Thuận (2020), <i>Địa chí Kỳ Sơn</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.	Sách
77.	Trần Vũ Tài, Mai Thị Thanh Nga, Tôn Nữ Hải Yến, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Quang Hồng (2021), <i>Lịch sử Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An (1946 - 2021)</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản Nghệ An	Sách
78.	Đậu Đức Anh, Mai Thị Thanh Nga, Dương Thị Thanh Hải, Mai Phương Ngọc (2021), ‘Quá trình thâm nhập giáo dục Pháp Việt vào Nghệ An từ năm 1899 đến năm 1919’, <i>Hội thảo quốc tế ICCE 2021 “Giáo dục tân học ở các nước Đông Á và Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến cuối thế kỷ XX”</i> , Huế, Việt Nam.	Bài báo
79.	Nguyễn Tiến Lực (chủ biên), Hoàng Thị Hải Yến (thành viên tham gia) (2019), <i>Những bài học từ Minh Trị Duy Tân</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, TP Hồ Chí Minh.	Sách
80.	Hoàng Thị Hải Yến (2020), <i>Quan hệ an ninh – chính trị Nhật Bản – Mỹ (1874 – 1931)</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh.	Sách

81.	Phạm Ngọc Tân (chủ biên), Nguyễn Văn Tuấn, Hoàng Thị Hải Yến (2021), <i>Giáo trình Lịch sử thế giới cận đại</i> , xuất bản lần 1, Nhà xuất bản Đại học Vinh, Nghệ An.	Sách
82.	Hoàng Thị Hải Yến (2017), ‘ <i>Đặc điểm của quan hệ an ninh-chính trị Nhật-Mỹ giai đoạn 1874-1931</i> ’, <i>Tạp chí Châu Mỹ ngày nay</i> , số 10 (235), trang 33-45	Bài báo
83.	Hoàng Thị Hải Yến (2018), ‘ <i>Hợp tác Mỹ-Nhật trong Chiến tranh Trung-Nhật (1894-1895)</i> ’, <i>Tạp chí Lịch sử quân sự</i> , số 12, Trang 67-74	Bài báo
84.	Hoàng Thị Hải Yến (2020), ‘ <i>Học sinh Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đầu thế kỉ XX</i> ’, <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học “Trường Quốc học Vinh-THPT Huỳnh Thúc Kháng (1920-2020)- Mái trường thế kỉ. Điểm tựa và khát vọng</i> ’, Nghệ An, 11/2020, Nhà xuất bản Nghệ An, trang 106-116	Bài báo
85.	Hoàng Thị Hải Yến, Đặng Thị Kim Hoa (2021), ‘ <i>Hướng dẫn giáo viên sử dụng âm nhạc, phim tư liệu qua dạy học lịch sử Việt nam giai đoạn 1954-1975 (Chương trình lịch sử lớp 12) nhằm phát triển tư duy nhận thức và tư duy lịch sử cho học sinh trung học phổ thông</i> ’, <i>Kỷ yếu hội thảo quốc tế Phát triển chương trình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ theo hướng tiếp cận năng lực</i> , Nghệ An, 11/2021, Nhà xuất bản Đại học Vinh, trang 373-383	Bài báo
86.	Trần Vũ Tài (Chủ biên), Nguyễn Trọng Văn, Nguyễn Quang Hồng, Đặng Như Thường, Mai Phương Ngọc, Mai Thị Thanh Nga, Dương Thị Thanh Hải (2017), “ <i>Giáo trình Tiến trình Lịch sử Việt Nam</i> ”, xuất bản lần 1, 12/2017, NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	Sách
87.	Nguyễn Quang Hồng (Chủ biên), Mai Phương Ngọc, Đặng Như Thường (2019), “ <i>Giáo trình Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại</i> ”, xuất bản lần 1, 08/2019, NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	Sách
88.	Hồ Duy Diễm, Hồ Minh Châu, Hồ Bá Thâm, Hồ Minh Hiệu, Hồ Cảnh Sơn (Đồng chủ biên) và các tác giả, Sách tham khảo, <i>Một hướng tiếp cận Lịch sử họ Hồ Việt Nam</i> , xuất bản lần 1, 11/2019, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.	Sách
89.	Trần Vũ Tài (Chủ biên), Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Quang Hồng, Phạm Tiến Đông, Mai Thị Thanh Nga, Bùi	Sách

	Minh Thuận, Võ Thị Hoài Thương, Đặng Như Thường (2020), “ <i>Địa chí huyện Kỳ Sơn</i> ”, xuất bản lần 1, 7/2020, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.	
90.	Nguyễn Đại Đồng, Thích Thọ Lạc (Đồng chủ biên), Nguyễn Quang Hồng, Đinh Văn Viễn, Đặng Như Thường (2021), <i>Lịch sử Phật giáo Nghệ An</i> , xuất bản lần 1, 11/2021, NXB Tôn giáo, Hà Nội.	Sách
91.	Nguyễn Quang Hồng (Chủ biên), Thích Chiếu Tuệ, Thích Chánh Thành, Đặng Như Thường, Nguyễn Văn Tuấn (2022), <i>Lược sử Phật giáo Hà Tĩnh</i> , xuất bản lần 1, Quý II năm 2022, NXB Nghệ An, Nghệ An.	Sách
92.	Trần Vũ Tài (Chủ biên), Nguyễn Thị Duyên, Nguyễn Quang Hồng, Đặng Như Thường, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Văn Trung, Đậu Đức Anh (2022), <i>Lịch sử Đảng bộ huyện Nam Đàn (1930 - 2020)</i> , xuất bản lần 1, 5/2022, NXB Nghệ An, Nghệ An.	Sách
93.	Đặng Như Thường (2017), Phật giáo ở Chân Lộc (Nghệ An) thế kỷ XIX và một số dấu ấn hiện nay, <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại”</i> , Viện Trần Nhân Tông - Đại học Quốc gia Hà Nội và Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tr.525 - 537.	Bài báo
94.	Đặng Như Thường, Phan Thị Cẩm Vân (2018), Tổ chức hoạt động nhóm trong dạy học tiến trình Lịch sử Việt Nam ở Trường Đại học Vinh, <i>Hội thảo Khoa học Quốc gia “Đổi mới dạy học Lịch sử ở trường phổ thông theo định hướng tiếp cận năng lực”</i> , Trường Đại học Vinh, Nghệ An, tr.200 - 208.	Bài báo
95.	Đặng Như Thường (2019), Nghề dệt thổ cẩm của người Thái Kỳ Sơn (Nghệ An) thực trạng và một số giải pháp, <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học “Văn hóa thổ cẩm các dân tộc Việt Nam”</i> , Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Hà Nội, tr.274 - 281.	Bài báo
96.	Đặng Như Thường (2019), Xây dựng cơ sở dữ liệu trong nghiên cứu ruộng đất tỉnh Nghệ An thời Nguyễn, <i>Hội thảo khoa học “Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển bền vững tỉnh Nghệ An và vùng duyên hải Bắc Trung Bộ”</i> , Viện Thông tin khoa học Xã hội, Nghệ An, tr.11 - 22.	Bài báo
97.	Đặng Như Thường (2019), Một số giải pháp nhằm khai thác tài nguyên tự nhiên trong phát triển bền vững du lịch sinh thái tại tỉnh Tuyên Quang, <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế “Du lịch Lâm Bình, Tuyên Quang, tiềm năng, thực</i>	Bài báo

	<i>trạng và giải pháp</i> ”, xuất bản lần 1, 10/2019, Trường Đại học Tân Trào, NXB Khoa học và Kỹ Thuật, tr.828 - 838.	
98.	Đặng Như Thường (2019), Từ sử liệu xưa đến dấu ấn hiện nay về cuộc khởi nghĩa Dương Thanh, <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Khởi nghĩa Dương Thanh trong lịch sử đấu tranh chống Bắc thuộc của dân tộc Việt Nam”</i> , UBND tỉnh Nghệ An, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội đồng họ Dương Việt Nam, Nghệ An, tr.223 - 233.	Bài báo
99.	Đặng Như Thường, Võ Thị Hưng (2019), Họ Dương với công cuộc khai cơ lập làng ở vùng Diễn - Yên - Quỳnh, <i>Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Khởi nghĩa Dương Thanh trong lịch sử đấu tranh chống Bắc thuộc của dân tộc Việt Nam”</i> , UBND tỉnh Nghệ An, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hội đồng họ Dương Việt Nam, Nghệ An, tr.262 - 272.	Bài báo
100.	Đặng Như Thường (2020), Thay đổi địa giới hành chính Nghệ An từ thế kỷ X - XXI, <i>Hội thảo Khoa học “Nghệ An 990 năm hình thành và phát triển”</i> , UBND tỉnh Nghệ An, Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Nghệ An, tr.390 - 401.	Bài báo
101.	Đặng Như Thường, Hoàng Thị Mỹ Hạnh (2020), Đóng góp của một số dòng họ tiêu biểu trên lĩnh vực khai cơ lập làng ở vùng ven biển Nghệ An, <i>Hội thảo Khoa học “Nghệ An 990 năm hình thành và phát triển”</i> , UBND tỉnh Nghệ An, Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Nghệ An, tr.369 - 378.	Bài báo
102.	Đặng Như Thường (2020), Giá trị văn hóa trong lễ hội tế trâu của người Ma Coong ở Quảng Bình, <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học “Vấn đề bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay”</i> , Viện Nghiên cứu Văn hóa, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sơn La, tr.594 - 601.	Bài báo
103.	Đặng Như Thường (2020), Nghiên cứu di chỉ khảo cổ học Làng Vạc trong mối tương quan với các di chỉ thuộc thời đại đồ đá trên địa bàn Nghệ An, <i>Hội thảo khoa học “Di tích khảo cổ học Làng Vạc, giá trị Lịch sử - Văn hóa”</i> , Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch Nghệ An, Nghệ An, tr.147 - 156.	Bài báo

104.	Đặng Như Thường, Phan Thị Cẩm Vân, Nguyễn Thị Việt Hà (2020), Sử dụng di chỉ Làng Vạc trong giảng dạy mô Lịch sử ở các trường phổ thông trên địa bàn Nghệ An, <i>Hội thảo khoa học “Di tích khảo cổ học Làng Vạc, giá trị Lịch sử - Văn hóa”</i> , Sở Văn hóa Thể thao & Du lịch Nghệ An, Nghệ An, tr.307 - 315.	Bài báo
105.	Đặng Như Thường (2022), Sử dụng hệ thống các di sản liên quan đến khởi nghĩa Lam Sơn trong dạy học tại các trường phổ thông trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp, <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học “Dấu tích khởi nghĩa Lam Sơn trên đất Quỳnh Hợp - Thực trạng, bảo tồn và phát huy”</i> , Huyện Quỳnh Hợp, Hội Khoa học Lịch sử Nghệ An, Nghệ An, tr.115 - 122.	Bài báo
106.	Đặng Như Thường (2022), Hợp tác đào tạo nguồn nhân lực giữa Trường Đại học Vinh với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, <i>Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào”</i> , Trường Đại học Tây Bắc, NXB Khoa học và Kỹ thuật, tr.182 - 190.	Bài báo
107.	Đặng Như Thường (2022), Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trong phát triển du lịch bền vững (Nghiên cứu trường hợp dân tộc M’ông tại huyện Lắk - tỉnh Đắk Lắk), <i>Hội thảo KH quốc gia “Khai thác giá trị các di tích lịch sử văn hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên”</i> , Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội vùng Tây Nguyên, Đắk Lắk, tr.158 -162.	Bài báo
108.	Đặng Như Thường (2022), Bảo tồn và phát huy âm nhạc dân gian của người Thái Quỳnh Châu, Nghệ An trong bối cảnh đương đại, <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học “Di sản văn hóa phi vật thể Nghệ An - bảo vệ và phát huy giá trị”</i> , UBND tỉnh Nghệ An, Sở Văn hóa và thể thao, Nghệ An, tr.287 - 296.	Bài báo
109.	Đặng Như Thường (2023), Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các dân tộc Dao trong phát triển du lịch bền vững trong bối cảnh hiện nay (Nghiên cứu trường hợp dân tộc Dao ở bản Tả Phìn, xã Tả Phìn, Thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai), <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học “Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc Dao trong mối quan hệ với phát triển du lịch bền vững”</i> , Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch - Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia, Hà Nội, tr.326 - 337.	Bài báo
110.	Tôn Nữ Hải Yến, Nguyễn Văn Tuấn (2018), Cộng đồng người Hoa ở Singapore :Lịch sử và hiện tại, <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học “Việt Nam, châu Á: Những mối quan hệ Lịch sử, văn hóa và văn học”</i> , Viện hàn lâm khoa học xã	Bài báo

	hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Đại học Duy Tân 2018	
111.	Ton Nu Hai Yen (2019)(Viết chung cùng Đinh Trung Thành, Nguyễn Thị Mỹ Hương, Lữ Quang Ngời, <i>Policy of social security policy in Vietnam</i> (Thực thi chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam), <i>European Journal of Law and Political Sciences № 1–2 2019</i> .	Bài báo
112.	Ton Nu Hai Yen (2019), <i>Ho Chi Minh and the United stase prior to 1945</i> (Hồ Chí minh và nước Mỹ trước năm 1945), <i>European Journal of Humanities and Social Sciences № 3 2019</i>	Bài báo
113.	Ton Nu Hai Yen (2019), <i>The Chinese comunity during the development process of Singapore</i> (Cộng đồng người Hoa trong quá trình phát triển của Singapore), <i>Journal of Science Vinh University series B : Social Sciences and Humanities (Vol 48 – № 2)</i>	Bài báo
114.	Nguyen Thi Le Vinh, Dinh Trung Thanh, Vu Thi Phuong Le, Nguyen Phan Thu Hang, Ton Nu Hai Yen. (2021). FREE AND OPEN INDO – PACIFIC STRATEGY: IMPACTS ON VIETNAM. <i>PalArch’s Journal of Archaeology of Egypt/Egyptology</i> , 18(7), 469-479. Retrieved from https://archives.palarch.nl/index.php/jae/article/view/7755 (ISSN: 1567-214X - Scopus Q3 H-INDEX 1)	Bài báo
115.	Tôn Nữ Hải Yến, Nguyễn Thị Duyên (2022) Khai thác địa danh, vết tích liên quan đến Khởi Nghĩa Lam Sơn tại huyện Quỳnh Hợp(Tỉnh Nghệ An)để giáo dục thế hệ trẻ, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Dấu tích Khởi nghĩa Lam Sơn trên đất Quỳnh Hợp, thực trạng bảo tồn và phát huy	Bài báo
116.	Tôn Nữ Hải Yến, Quan hệ thương mại Việt Nam Nhật Bản (2008-2020), Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh	Bài báo
117.	Đinh Trung Thành , Duong Van Dan , Nguyen Thi My Huong , Vu Thi Phuong Le , Phan Van Tuan , Nguyen Thoai Linh, Tran Mai Uoc , Ton Nu Hai Yen, (2022), <i>Ho Chi Minh’s thought about people with Vietnam’s Ethnic Polycy today</i> , <i>International Journal of Early Childhood Special Education (INT-JECSE)</i> ISSN: 1308-5581 Vol 14, Issue 03 2022	Bài báo
118.	Phan Thị Cẩm Vân (2022), <i>Quan hệ chính trị, kinh tế Liên bang Nga - Việt Nam (2001-2015)</i> , xuất bản lần 1,	Sách

	Nhà xuất bản Đại học Vinh, Nghệ An	
119.	Phan Thị Cẩm Vân (2017), ' <i>Việt Nam và Liên bang Nga tăng cường hợp tác về du lịch</i> ', <i>Tạp chí Việt Nam hội nhập</i> , Số 10, kỳ 3/tháng 7, trang 19-21.	Bài báo
120.	Nguyễn Thị Hà, Phan Thị Cẩm Vân (2018), ' <i>Hợp tác giáo dục Liên bang Nga - Việt Nam (2001 - 2015)</i> ', <i>Tạp chí Khoa học Đại học Vinh</i> , số 3B, tập 47, trang 46-54	Bài báo
121.	Phan Thị Cẩm Vân (2018), ' <i>Quan hệ hợp tác đầu tư giữa Liên bang Nga và Việt Nam giai đoạn 2001 – 2015</i> ', <i>Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á</i> , số 11, tháng 11, trang 83-90	Bài báo
122.	Phan Thị Cẩm Vân (2017), ' <i>Nguyễn Ái Quốc đến với tư tưởng Cách mạng Tháng Mười Nga và cội nguồn quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Liên bang Nga</i> ', <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học: Kỷ niệm 100 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (1917 – 2017)</i> , Huế, 11/2017, trang 351-363.	Bài báo
123.	Đặng Như Thường, Phan Thị Cẩm Vân (2018), ' <i>Tổ chức hoạt động nhóm trong dạy học Tiến trình Lịch sử Việt Nam ở trường Đại học Vinh</i> ', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đổi mới dạy học lịch sử ở trường phổ thông theo định hướng tiếp cận năng lực</i> , Nghệ An, 2018, trang 200-208	Bài báo
124.	Phan Thị Cẩm Vân (2020), ' <i>Một số dấu ấn về Quang Trung - Nguyễn Huệ trên đất Nghệ An xưa và nay</i> ', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nghệ An 990 năm hình thành và phát triển</i> , Nghệ An, 11/2020, trang 104-111	Bài báo
125.	Phan Thị Cẩm Vân, Đặng Như Thường, Nguyễn Thị Việt Hà (2020), ' <i>Sử dụng di chỉ làng Vạc trong việc giảng dạy môn Lịch sử ở các trường phổ thông trên địa bàn Nghệ An</i> ', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Di tích khảo cổ học Làng Vạc giá trị lịch sử - văn hóa</i> , Nghệ An, 12/2020, trang 307-314	Bài báo
126.	Phan Thị Cẩm Vân, Đỗ Mạnh Hùng (2022), ' <i>Quan hệ hợp tác giữa tỉnh Quảng Bình (Việt Nam) và hai tỉnh Khăm Muộn và Savannakhet (Lào) trên lĩnh vực chính trị, an ninh - quốc phòng trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI</i> ', <i>Kỷ yếu Hội thảo quốc gia: Quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào những giá trị kết tinh và phát triển</i> , Sơn La, 9/2022, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật, trang 272-281	Bài báo
127.	Nguyễn Hồng Vinh, Phan Thị Cẩm Vân (2022), ' <i>Một số giải pháp nhằm đảm bảo công bằng xã hội đối với</i>	Bài báo

	đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên (Nghiên cứu trường hợp người Ê Đê, M' Nông ở huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông)', <i>Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Khai thác giá trị các di tích lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển kinh tế xã hội vùng Tây Nguyên</i> , Đắk Lắk, 11/2022, trang 172-175	
128.	Nguyễn Thị Trang Thanh, Trần Thị Tuyền, Hoàng Phan Hải Yên, Nguyễn Thị Hoài (2018), <i>Development of farm economy in Nghe An province</i> , Hanoi National University of Education, Journal of science, Volume 63, Issue 7, pp. 114-125	Bài báo
129.	Nguyễn Thị Trang Thanh, Trần Duy Vĩnh, Nguyễn Thị Hoài (2019), “ <i>Một số giải pháp giảm nghèo ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An</i> ”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XI “Khoa học Địa lí Việt Nam phục vụ phát triển bền vững trong thời kì cách mạng công nghiệp 4.0”, Thừa Thiên Huế, tháng 9/2019, NXB Thanh niên, Hà Nội, trang 853-862.	Bài báo
130.	Nguyễn Thị Trang Thanh, Lại Văn Mạnh, Trần Thị Tuyền (2020), <i>Mô hình sinh kế bền vững ở xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An</i> . Hanoi National University of Education, Journal of science, Social Sciences, Volume 65, Issue 5, pp. 59-73.	Bài báo
131.	Nguyễn Thị Trang Thanh (2020), <i>Thiết kế kế hoạch dạy học môn Lịch sử và Địa lí cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018</i> , Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh, Tập 49 - 2B/2020, trang 106-116.	Bài báo
132.	Hoàng Phan Hải Yên, Lương Thị Thành Vinh, Trần Thị Tuyền, Nguyễn Thị Trang Thanh, Nguyễn Thị Hoài, Nguyễn Trần Tuấn (2020), <i>Develop Sustainable Livelihoods for Fishermen in the North Central Region of Vietnam - Case Study for Nghe An Province</i> . Journal of Agricultural Studies ISSN 2166-0379, p.227-236.	Bài báo
133.	Nguyễn Thị Trang Thanh, Hoàng Phan Hải Yên (2021) “ <i>Thực trạng nghèo đa chiều ở khu vực miền núi tỉnh Nghệ An</i> ”, Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XII “Khoa học Địa lí Việt Nam phục vụ phát triển kinh tế xanh và đảm bảo an ninh quốc phòng”, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9/2021, NXB Thanh niên, Hà Nội, trang 450-459	Bài báo
134.	Nguyễn Thị Trang Thanh (2021), <i>Sử dụng sách giáo khoa trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018</i> , Đặc san Khoa học Xã hội và Nhân văn, Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An. Số 08/2021, trang 10-16	Bài báo

135.	Nguyễn Thị Kim Phụng, Nguyễn Thị Trang Thanh (2022), <i>Phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở tỉnh Bình Phước</i> . Tạp chí Khí tượng Thủy văn, 2022, 737, 63-74; doi:10.36335/VNJHM.2022(737), trang 63-74	Bài báo
136.	Nguyễn Thị Trang Thanh, Nguyễn Thị Thu Hiền, Hoàng Phan Hải Yến, 2022. <i>Phát triển nông nghiệp ở thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An</i> . Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XIII “Khoa học Địa lí Việt Nam với sử dụng hợp lí, phục hồi tài nguyên và phát triển kinh tế tuần hoàn”, Hà Nội, tháng 11/2022, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, trang 478-488.	Bài báo
137.	T.T.T. Nguyen, P.H.Y. Hoang, T.A. Dang (2022), <i>Climate variability induced drought across the coastal fringes of the Mekong Delta, Viet Nam</i> . Mausam, 73, 3 (July 2022), 525-536; SCIE, Q3; 0252-9416; p.525-536.	Bài báo
138.	Le My Dung, Nguyen Thi Trang Thanh, Hoang Phan Hai Yen, Luong Thi Thanh Vinh, Nguyen Thi Hoai, Pham Vu Chung (2022). <i>Potential of low-salinity water utilization for watering the coast cultivation areas in the context of global warming</i> . Research on crop 2348-7542; Scopus, Q3; p.473-479	Bài báo
139.	Nghiêm Đình Vỳ, Lê Thông (đồng chủ biên), Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Trang Thanh, Nguyễn Trọng Đức (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí tiểu học</i> , lần 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	Sách
140.	Nguyễn Thị Trang Thanh (chủ biên), Lương Thị Thành Vinh, Nguyễn Thị Hoài, Trần Thị Tuyền, Hoàng Phan Hải Yến (2018), <i>Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</i> , lần 1, NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	Sách
141.	Phạm Hồng Tung (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Trang Thanh (2019), <i>Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới</i> , lần 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	Sách
142.	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lê Mỹ Dung (2022), <i>Địa lí lớp 10</i> , lần 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	Sách
143.	Lê Thông (Tổng Chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Nguyễn Quyết Chiến, Vũ Thị Mai Hương, Nguyễn Thị Trang Thanh (2022), <i>Chuyên đề học tập Địa lí lớp 10</i> , lần 1, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.	Sách
144.	Nguyễn Thị Trang Thanh (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoài, Lương Thị Thành Vinh, Hoàng Phan Hải Yến (2022), <i>Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam</i> , lần 1, NXB Đại học Vinh, Nghệ An.	Sách

145.	Nguyễn Thị Hoài (2017), <i>Thu hút đầu tư phát triển công nghiệp tỉnh Nghệ An: thực trạng và giải pháp</i> . Tạp chí Khoa học trường đại học Sư phạm Hà Nội, Volume 62, số 11/2017, TR187-199	Bài báo
146.	Nguyễn Thị Hoài (2018), <i>The labour force for developing the tourism in Nghe An province, Viet Nam</i> . Tạp chí Khoa học trường đại học Sư phạm Hà Nội, số 11/2018, tr152-161.	Bài báo
147.	Nguyễn Thị Hoài (2019), <i>International experience of sustainable tourism development and the lessons for Viet Nam</i> . HNUE JOURNAL OF SCIENCE - Social Sciences, 2019, Volume 64, Issue 11, pp. 126-134.	Bài báo
148.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2020), <i>Develop Sustainable Livelihoods for Fishermen in the North Central</i> . Journal of Agricultural Studies ISSN 2166-0379 2020, Vol. 8, No. 1. P227-246	Bài báo
149.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2020), <i>Effect of Chemical Characteristics of Soil on Orange Productivity: A Case Study of Nghe An Province, Vietnam</i>	Bài báo
150.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2021), <i>Assessing climate risk to cassava (Manihot esculenta) yield based on rainfed</i> . RESEARCH ON CROPS journal Vol. 22, No. 1 (March) 2021: 202-207	Bài báo
151.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2022), <i>An intergrated approach of GIS – AHP – MCE methods for the selection of suitable sites for the shrimp farming and mangrove development – A case study of the coastal area of Vietnam</i> . Sains Tanah – Jonal of Soil Science and Agroclimatology, 19(1), 2022, 99-110	Bài báo
152.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2022), <i>Phát triển khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lu, tỉnh Bình Phước trong thời kỳ hội nhập</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XIII, Hà Nội 2022, quyển 1, trang 468-476	Bài báo
153.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2022), <i>Phát triển du lịch cộng đồng huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XIII, Hà Nội 2022, quyển 1, trang 682-689	Bài báo
154.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2022), <i>Đánh giá tài nguyên du lịch phục vụ phát triển du lịch huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu</i> . Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ XIII, Hà Nội 2022, quyển 2, trang 447-456	Bài báo
155.	Nguyễn Thị Hoài (2016), <i>Tổ chức lãnh thổ kinh tế: Một số vấn đề lý luận, thực tiễn và ứng dụng cho tỉnh Nghệ An</i> . Sách chuyên khảo, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.	Sách

156.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2017), <i>Địa lí du lịch: cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam</i> , NXB Giáo dục Việt Nam	Sách
157.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2018), <i>Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội</i> , NXB đại học Vinh.	Sách
158.	Nguyễn Thị Hoài và cs (2022), <i>Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam</i> , NXB đại học Vinh.	Sách
159.	Nguyen Thi Trang Thanh, Tran Thi Tuyen, T, Hoang Phan Hai Yen and Nguyen Thi Hoai, <i>A multidimensional approach to poverty research (practical in the mountainous areas of Nghe An, Viet Nam. The 7th international Conference on Sciences and Social Sciences 2017 (Thailand). The 7th, P.692 – 702.</i>	Bài báo
160.	Nguyễn Thị Việt Hà (2017), <i>Global citizenship education in the context of industrial revolution 4.0</i> , Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Phát triển năng lực cán bộ quản lý giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, trang 429 - 436, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.	Bài báo
161.	Nguyễn Thị Việt Hà (2018), <i>Phát triển năng lực dạy học tích hợp cho sinh viên địa lý theo quan điểm sư phạm tương tác</i> , Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 10, trang 1558 - 156, NXB khoa học tự nhiên và công nghệ, Đà Nẵng	Bài báo
162.	Nguyễn Thị Việt Hà (2018), Lê Tiên Lưu, Nguyễn Thành Nam (2018), <i>Giáo dục biển đảo thông qua môn Địa lý ở các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i> , Tạp chí Dạy và học ngày nay, số 11-2018.	Bài báo
163.	Nguyễn Thị Việt Hà (2019), <i>Mô hình năng lực nghề nghiệp của sinh viên sư phạm trong đào tạo giáo viên Địa lý theo tiếp cận CDIO</i> , Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 11, trang 1180 - 1188, NXB Thanh niên	Bài báo
164.	Nguyễn Thị Việt Hà (2020), <i>Định hướng dạy học tích hợp theo chủ đề trong môn học Lịch sử và Địa lí – Chương trình GDPT 2018</i> , Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Phát triển chương trình, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo tiếp cận năng lực”, NXB Đại học Vinh	Bài báo
165.	Hoang Phan Hai Yen, Nguyen Thi Viet Ha, Binh Thai Pham; Indra Prakash, Lai Van Manh, Nguyen Thi Thuy Dung, Phan Bui Quoc Manh, Tran Thi Tuyen (2020), <i>Ecosystem Services in Mountainous Area: A Case Study</i>	Bài báo

	<i>of Nghe an, Vietnam</i> , Indian Journal of Ecology (2020) 47(1): 109-116, Manuscript Number: 2968 NAAS Rating: 4.96	
166.	Nguyen Thi Hoai, Takahashi Kazuya, Hoang Thi Thuy, Nguyen Thi Thuy Ha, Nguyen Thi Trang Thanh, <i>Nguyen Thi Viet Ha</i> , Tran Thi Tuyen (2020), Effect of chemical characteristics of soil orange productivity: A Case of Nghe an province, Vietnam, Indian Journal of Ecology (2020) 47(3): 607-613, Manuscript Number: 3052, NAAS Rating: 4.96	Bài báo
167.	Tran Thi Tuyen, <i>Nguyen Thi Viet Ha</i> , Nguyen Thi Trang Thanh, Vo Thi Vinh (2021), <i>INNOVATIONS IN SEED AND CROP MANAGEMENT by Indigenous Groups in Nghean province, Vietnam (Chapter 19 in Farmer Innovations and Best Practices by Shifting Cultivators in Asia-Pacific)</i> . CABI publishing 2021. ISBN: 978-180-062-009-4.	Bài báo
168.	Nguyen Thi Viet Ha, Vo Thi Vinh, Nguyen Thi Duyen (2021), <i>The design of learning materials to develop spatial thinking for students through geography in Vietnam school</i> , Journal of Positive Psychology & Wellbeing http://journalppw.com 2021, Vol. 5, No. 4, 1727 – 1734 ISSN 2587-0130.	Bài báo
169.	Trần Thị Tuyền, Nguyễn Thị Việt Hà (2022), <i>Crop management on swidden farming by Indigeous groups in mountainuos of Nghe An provice, Vietnam</i> , Processding of the 5th ASIAN Conference on Geography (ACG5), Thai Nguyen University Publishing House. ISBN:978-604-350-127-8	Bài báo
170.	Tuyen Thi Tran, Kazuya Takahashi,*, Hiroaki Nishikawa, Viet Ha Thi Nguyen, Thuy Thi Hoang, Thuy Ha Thi Nguyen, Tai Khac Dau, Vinh Thi Vo and Du Dinh Chan (2023), <i>Evaluation of Mangrove Ecosystem Importance for Local Livelihoods in Different Landscapes: A Case Study of the Hau and Hoang Mai River Estuaries in Nghe An, North-Central Vietnam</i> , Sustainability2023,15,3843. https:// doi.org/10.3390/su15043843	Bài báo
171.	Nguyễn Thị Việt Hà, Lương Thị Hảo (2023), <i>Quy trình thiết kế tư liệu học tập hỗ trợ tổ chức dạy học các chuyên đề học tập địa lý lớp 10 – Chương trình giáo dục phổ thông 2018</i> , Tạp chí thiết bị giáo dục, 2023.	Bài báo
172.	Đào Khang, Trần Thị Tuyền, Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lương Thị Thành Vinh (2014), <i>Địa lý Nghệ An</i> , tập 1 (trong bộ Nghệ An toàn chí), NXB Thông tin và truyền thông.	Sách

173.	Nguyễn Quốc Hồng, Đào Khang, Nguyễn Thị Việt Hà và nnk (2015), <i>Địa chí thành phố Vinh</i> , NXB Thông tin và truyền thông.	Sách
174.	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (Chủ biên), Lê Mỹ Dung, Nguyễn Trọng Đức, Nguyễn Việt Hà, Trương Thị Mai Liên, Bùi Thị Nhiệm (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Địa lý trung học phổ thông</i> , NXB Đại học Sư phạm.	Sách
175.	Luong Thị Thành Vinh (chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Võ Thị Vinh, Phạm Vũ Chung, <i>Biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội</i> , NXB Đại học Vinh, 2020.	Sách
176.	Trần Thị Tuyền, Nguyễn Thị Việt Hà (2023), <i>Quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu</i> , NXB Đại học Vinh.	Sách
177.	Đào Khang, Phạm Vũ Chung (2014), <i>Những biểu hiện ban đầu của biến đổi khí hậu khu vực ven biển Nghệ An</i> . Tạp chí Khoa học công nghệ Nghệ An, ISSN 1859-1949, số 6/2014. Trang 24-30	Bài báo
178.	Phạm Vũ Chung (2017), <i>Thực trạng và giải pháp sử dụng đất nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu</i> . Tạp chí Khoa học - Đại học Huế, ISSN 1859-1388. Tập 126, Số 7A 2017, Tr 249-259.	Bài báo
179.	Phạm Vũ Chung (2017), <i>Phân tích mối quan hệ giữa biến động sử dụng đất và biến đổi của một số yếu tố khí hậu, thiên tai tại tỉnh Hà Tĩnh</i> . Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Khoa học Tự nhiên, ISSN 2354-1059, số 62/2017, trang 191-197.	Bài báo
180.	Đào Khang, Phạm Vũ Chung và nnk (2018), <i>Đánh giá đất đai phục vụ triển khai quy hoạch các loại cây ăn quả có múi trên địa bàn tỉnh Nghệ An</i> . Tạp chí KH-CN Nghệ An, số 11/2018, trang 15 - 20.	Bài báo
181.	Phạm Vũ Chung, Võ Trọng Hoàng (2017), <i>Biến động sử dụng đất trồng lúa tại tỉnh Hà Tĩnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu</i> . Hội nghị Khoa học địa lý lần thứ 9. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, quyển 1. Trang 527-525	Bài báo
182.	Bùi Thị Thủy, Phạm Vũ Chung (2019), <i>Tác động của hoạt động khai thác đá vôi tới đời sống kinh tế - xã hội người dân xã Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình</i> . Hội thảo khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XI năm 2019 (Quyển 1), NXB Thanh Niên, TT Huế tháng 4/2019, trang 760 - 767.	Bài báo
183.	Le My Dung, Nguyen Thi Trang Thanh, Hoang Phan Hai Yen, Luong Thi Thanh Vinh, Nguyen Thi Hoai, Pham	Bài báo

	Vu Chung, 2022. <i>Potential of low-salinity water utilization for watering the coast cultivation areas in the context of global warming</i> . Research on crop 2348-7542; Scopus, Q3; p.473-479; https://doi.org/10.54302/mausam.v73i3.5373	
184.	Phạm Vũ Chung (chủ biên) và nnk (2019), Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất. NXB Đại học Vinh, 2019.	Sách
185.	Lương Thị Thành Vinh (chủ biên), Phạm Vũ Chung và nnk (2019), Giáo trình Biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội. NXB đại học Vinh, 2019.	Sách
186.	Võ Thị Vinh (2017), “Dạy học về biến đổi khí hậu trong môn Địa lí”, <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế: Toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững</i> , 28/4/2017, Nhà xuất bản: Bach khoa Publishing House, Trường Đại học Hà Tĩnh. Trang 29 (đăng tóm tắt)	Bài báo
187.	Võ Thị Vinh (2018), “Biện pháp phát triển tư duy phản biện giúp học sinh giải quyết vấn đề trong dạy học địa lí 12”, <i>Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế</i> , 8/2018, Nhà xuất bản Đại học SPHN, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, trang 196 - 205	Bài báo
188.	Võ Thị Vinh (2019), “Thiết kế các tình huống trong dạy học địa lí THPT nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn”. <i>Kỷ yếu Hội nghị Địa lí toàn quốc lần thứ 11</i> , 4/2019, Nhà xuất bản ĐHSP Huế, trang 1063 - 1073	Bài báo
189.	Võ Thị Vinh (2021), “tổ chức dạy học tích hợp giáo dục giảm thiểu rác thải nhựa trong môn Địa lí cấp THPT theo chương trình phổ thông 2018”, <i>Kỷ yếu Hội nghị Địa lí lần thứ 12</i> , 12/2022, Nhà xuất bản Thanh niên, trang 550 -560	Bài báo
190.	Nguyễn Thị Hà Ngân, Võ Thị Vinh (2022), “Giáo dục bảo vệ môi trường cho HS Trường THPT Dân tộc nội trú số 2 Nghệ An thông qua một số dự án Stem”, <i>Kỷ yếu Hội nghị Địa lí lần thứ 13</i> , 11/2022, Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ, trang 925 - 935	Bài báo
191.	Lương Thị Thành Vinh, Trần Đình Du, Vũ Văn Lương (2019), <i>Hệ thống thông tin địa lí (GIS) và ứng dụng trong địa lí</i> , Nhà xuất bản Đại học Vinh	Bài báo

192.	Lương Thị Thành Vinh, Nguyễn Thị Việt Hà, Võ Thị Vinh, Phạm Vũ Chung (2020), <i>Biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội</i> , Nhà xuất bản Đại học Vinh	Bài báo
193.	Lương Thị Thành Vinh (2022), <i>Truyền thông biến đổi khí hậu</i> , Nhà xuất bản Đại học Vinh	Bài báo
194.	Lương Thị Thành Vinh, Hoàng Thị Tình (2017), “ <i>Ứng dụng GIS để thành lập bản đồ đánh giá sức hút thửa đất theo nhu cầu mua đất ở của người dân cho địa bàn phường Lê Mao, Thành phố Vinh</i> ”, Journal of science of HNUE, Social Sci.,2017,Vol.62,Iss. 7,pp.173-181	Bài báo
195.	Lương Thị Thành Vinh, Lương Thị Thành Nam (2020), <i>Hiện trạng phát triển công nghiệp Nghệ An</i> , Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội (JOURNAL OF SCIENCE OF HNUE, DOI: 10.18173/2354-1067.2020-0020 Social Sci.,2020,Vol.65,Iss. 2,pp.162-172)	Bài báo
196.	Lương Thị Thành Vinh, Lê Thị Huyền (2020), “ <i>Đánh giá nguồn lao động phục vụ phát triển kinh tế thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An</i> ”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội (JOURNAL OF SCIENCE OF HNUE, DOI: 10.18173/2354-1067.2020-0060	Bài báo
197.	Lương Thị Thành Vinh (chủ biên), Phạm Vũ Chung và nnk (2019), <i>Giáo trình Biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội</i> . NXB đại học Vinh, 2019.	Sách
198.	Trần Thị Tuyen, Trần Thị Tý, <i>Nghiên cứu tri thức bản địa của người Thái trong quản lí, sử dụng tài nguyên rừng tại KBTTN Pù Hoạt, Nghệ An</i> , Kỷ yếu Hội thảo Thái học toàn quốc. Nghệ An, 2017.	Bài báo
199.	Trần Thị Tuyền, T <i>Đánh giá đất đai cho phát triển cây cam với sự trợ giúp của GIS và AHP</i> . Tạp chí khoa học Đại học sư phạm Hà Nội, số 63, 2018.	Bài báo
200.	Trần Thị Tuyền, T Lại Văn Mạnh, Thái Thị Nường, <i>Đặc điểm phân mảnh cảnh quan rừng lưu vực sông Lam</i> , Tạp chí khoa học Trường Đại học Vinh, tập 47, số 2A/2018.	Bài báo
201.	Trần Thị Tuyền, T <i>Xác định chỉ số biến đổi nhân sinh cảnh quan miền núi (trường hợp nghiên cứu tại huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An)</i> , Kỷ yếu Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ 10, 2018.	Bài báo
202.	Trần Thị Tuyền, T, Lại Văn Mạnh, H.T.M. Chiến, N.T.Q.T.Trang, N.T.P.Thúy, <i>Đánh giá hiệu quả sử dụng đất</i>	Bài báo

	xã Hưng Hòa, Thành phố Vinh. Tạp chí Địa lý nhân văn, số 2, tháng 6/2018.	
203.	Trần Thị Tuyền, T, <i>Đánh giá hiệu quả kinh tế cây Cam ở tỉnh Nghệ An</i> , Kỉ yếu Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ 10, 2018.	Bài báo
204.	Nguyen Thi Trang Thanh, Tran Thi Tuyen, T, Hoang Phan Hai Yen and Nguyen Thi Hoai, <i>Development of farm economy in Nghe An province</i> , HNUE JOURNAL OF SCIENCE, 2018, Volume 63, Issue 7, pp. 126-136 (DOI: 10.18173/2354-1067.2018-0057).	Bài báo
205.	Tran Thi Tuyen, T, Hoang Phan Hai Yen and Nguyen Thi Trang Thanh, <i>Management agricultural land uses of Thai people in the West of Nghe An province, Vietnam</i> , 2018, Volume 63, Issue 7, pp. 126-136.	Bài báo
206.	Trần Thị Tuyền, T, <i>Xác định trọng số các nhân tố ảnh hưởng và phân cấp nguy cơ cháy rừng tại Vườn Quốc gia Pù Mát, tỉnh Nghệ An</i> . Tạp chí Khoa học Trường Đại học sư phạm Hà Nội; ISSN: 1859-2228. Tập 64, Tr.5.146-156, 2019	Bài báo
207.	Trần Thị Tuyền, T, <i>Đánh giá thích nghi đất đai cho phát triển nông nghiệp bằng GIS và AHP (Trường hợp nghiên cứu tại xã Yên Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An)</i> , Kỉ yếu Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ 11, tháng 4, 2019, NXB Thanh niên.	Bài báo
208.	Trần Thị Tuyền, T, Nguyễn Thị Thúy Hà, <i>Đặc điểm đất đai vùng quy hoạch trồng cây ăn quả có múi tỉnh Nghệ An</i> . Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ 11, tháng 4, 2019, NXB Thanh niên.	Bài báo
209.	Lại Văn Mạnh, Trần Thị Tuyền, T, Nguyễn Thị Trang Thanh và nnk, <i>Thực trạng và phát huy vai trò của vốn tự nhiên trong phát triển kinh tế xanh cấp xã lưu vực sông Lam</i> . Kỉ yếu Hội nghị KH toàn quốc 2019 “Sinh học biển và phát triển bền vững”. NXB KHTN&CN; ISBN: 978-604-9822-66-7. Tập 1, Tr.858 - 872	Bài báo
210.	Tran Thi Tuyen, T, <i>Determining forest carbon sequestration capacity by remote sensing - GIS combined with quick measurement method (case study in the Que Phong district, Nghe An province)</i> . HNUE Journal of Sciences; ISSN: 2354-1067. Vol.61, 11/2019 EN, P.145 – 154, 2019	Bài báo
211.	Tran Thi Tuyen, T, Kazuya Takahashi, <i>Relationship between mangrove vegetation and topography</i> ,	Bài báo

	hydrological regime in Hung Hoa, Vinh City, Nghe An (EME). Science and technical Hydro – Meteorological Journal;ISSN: 2525-2208. No.2, 186 – 192, 2019.	
212.	Phong Tung Nguyen, Tran Thi Tuyen, T*, Ataollah Shirzadi, Binh Thai Pham, Himan Shahabi, Ebrahim Omidvar, Ata Amini, Heresh Entezami, Indra Prakash, Tran Van Phong, Thao Ba Vu, Tran Thanh, Lee Saro and Dieu Tien Bui, <i>Development of a Novel Hybrid Intelligence Approach for Landslide Spatial Prediction</i> . Applied Sciences 2019, 2824; doi:10.3390/app9142824; SCI (Impact Factor: 2.217 (2018); Link: https://www.mdpi.com/2076-3417/9/14/2824/pdf .	Bài báo
213.	Tran Thi Tuyen, T, Hoang Phan Hai Yen, Hoang Thi Thuy, Nguyen Thi Trang Thanh, Nguyen Kim Quoc, Indra Prakash and Binh Thai Pham. <i>Agricultural Land Suitability Analysis for Yen Khe Hills (NgheAn, Vietnam) using Analytic Hierarchy Process (AHP) Combined with Geographic Information Systems (GIS)</i> . Indian Journal of Ecology (2019) 46(3); Scopus Q4; http://indianecologicalsociety.com/society/indian-journal-ecology/?yr=2019&issue=Issue%203&volume=Volume%2045 .	Bài báo
214.	Nguyễn Thị Trang Thanh, Lại Văn Mạnh, Trần Thị Tuyền, T, <i>Mô hình sinh kế bền vững ở xã Môn Sơn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An</i> . Tạp chí Khoa học Trường Đại học sư phạm Hà Nội, ISSN: 2354-1067. Tập 65, Tr. 84-92.2020.	Bài báo
215.	Trần Thị Tuyền, T, <i>Xây dựng Bản đồ hệ sinh thái lưu vực sông Lam</i> , Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;ISSN: 2354-1067. Tập 65, Tr.84-92. 2020.	Bài báo
216.	Nguyễn Xuân Khoa, Ông Vĩnh An, Ngô Dương Hiệp, Trần Thị Tuyền, T. <i>Dẫn liệu về thành phần loài cá ở Khe Lang thuộc lưu vực sông Trai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An</i> . Tạp chí khoa học, Trường Đại học Vinh; ISSN:1859 - 2228. Tập 48 - Số 4A/2019, tr. 52-59. 2020.	Bài báo
217.	Trần Thị Tuyền, T, Bùi Thị Hồng Nguyên, Võ Thị Loan, <i>Đánh giá thực trạng và đề xuất mô hình nuôi tôm bền vững tại huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An</i> . Kỷ yếu Hội nghị KH Trái Đất-Mô- Môi trường bền vững lần thứ III, NXB Khoa học Tự nhiên và công nghệ, ISBN: 978-604-9985-67-6. Tr.304 – 311.	Bài báo

218.	Kazuya Takahashi, Tran Thi Tuyen, T, Nguyen Huu Hien, Nguyen Thuy Thi Ha, <i>Species composition, habitat structure and sedimentation in a Sonneratia caseolaris stand at the Lam River estuary, Vietnam</i> , Fundamental and Applied Agriculture (Manuscript Number: FAA-2019-12-080).	Bài báo
219.	Binh Thai Pham, Tran Van Phong, Chongchong Qi, Nadhir Al-Ansari, Ata Amini, Lanh Si Ho, Tran Thi Tuyen, T, Hoang Phan Hai Yen, Hai-Bang Ly, Indra Prakash and Dieu Tien Bui, <i>A Comparative Study of Kernel Logistic Regression, Radial Basis Function Classifier, Multinomial Naïve Bayes, and Logistic Model Tree for Flash Flood Susceptibility Mapping</i> , Water 2020, 12, 239; doi:10.3390/w12010239. SCIE, Q1, IF: 2,72.	Bài báo
220.	Hoang Phan Hai Yen, Nguyen Thi Viet Ha, Binh Thai Pham; Indra Prakash, Lai Van Manh, Nguyen Thi Thuy Dung, Phan Bui Quoc Manh, Tran Thi Tuyen, T*, <i>Ecosystem Services in Mountainous Area: A Case Study of Nghe an, Vietnam</i> , Indian Journal of Ecology (2020) 47(1): 109-116. Scopus Q4.	Bài báo
221.	Binh Thai Pham; Indra Prakash, Tran Thi Tuyen, T, et al., Performance Evaluation of Machine Learning Methods for Forest Fire Modeling and Prediction, Symmetry 2020, SCI, Q2, <u>Vo.12</u> , <u>Issue 6</u> .	Bài báo
222.	Nguyen Thi Hoai, Hoang Thi Thuy, Nguyen Thi Thuy Ha, Takahashi Kazuya, Nguyen Thi Trang Thanh, Hoang Phan Hai Yen, Nguyen Thi Viet Ha, Nguyen Nam Thanh, Vo Thi Thu Ha, Phan Thi Quynh Nga, Hoang Anh The, Binh Thai Pham, Indra Prakash, Tran Thi Tuyen, T*, Effect of Chemical Characteristics of Soil on Orange Productivity: A Case Study of Nghe An Province, Vietnam. Indian Journal of Ecology (2020) 47(3): 607-613	Bài báo
223.	Tran Thi Tuyen, T, Kazuya Takahashi, Population dynamics of a Sonneratia caseolaris stand in the Lam River estuary of Vietnam: a restoration perspective, Landscape and Ecological Engineering, Vo.17, pages 1–9 (2021).	Bài báo
224.	Tran Thi Tuyen, T, et al., Improved flood susceptibility mapping using a best first decision tree integrated with ensemble learning techniques, Geoscience Frontiers, Vo.12 (2021) 101105, SCI, Q1; IF: 1.54.	Bài báo
225.	Tran Thi Tuyen, T, et al., Mapping Forest fire susceptibility using spatially explicit ensemble models based on the locally weighted learning algorithm, Ecological Informatics 63 (2021) 101292.	Bài báo
226.	Tuyen Thi Tran, T, Viet Ha Thi Nguyen, Crop management on swidden farming by Indigenous groups in mountain of Nghe An province, Vietnam, The 5 th Asian Conference on Geography. P.341-350 (proceedings of	Bài báo

	the 5 th Asian Conference on Geography, ISBN: 978-604-350-127-8)	
227.	Tran, Tuyen Thi, T, Kazuya Takahashi, Hiroaki Nishikawa, Viet Ha Thi Nguyen, Thuy Thi Hoang, Thuy Ha Thi Nguyen, Tai Khac Dau, Vinh Thi Vo, and Du Dinh Tran. 2023. "Evaluation of Mangrove Ecosystem Importance for Local Livelihoods in Different Landscapes: A Case Study of the Hau and Hoang Mai River Estuaries in Nghe An, North-Central Vietnam" <i>Sustainability</i> 15, no. 4: 3843. https://doi.org/10.3390/su15043843	Bài báo
228.	Đào Khang, Trần Thị Tuyền, T, Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Trang Thanh, Lương Thị Thành Vinh (2014), <i>Địa lý Nghệ An</i> , tập 1 (trong bộ Nghệ An toàn chí), NXB Thông tin và truyền thông, 2014.	Sách
229.	Nguyễn Quốc Hồng, Đào Khang, Trần Thị Tuyền, T, Nguyễn Thị Việt Hà và nnk, <i>Địa chỉ thành phố Vinh</i> , NXB Thông tin và truyền thông, 2015.	Sách
230.	Trần Văn Thúc (chủ biên), Trần Thị Tuyền, T, và NNK, 2011, <i>Địa chỉ huyện Quỳnh Châu tỉnh Nghệ An</i> , Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011.	Sách
231.	Trần Thị Tuyền, T, Cảnh quan miền núi cho phát triển nông lâm nghiệp (sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Đại học KTQD, Hà Nội, năm 2016.	Sách
232.	Nguyễn Thị Trang Thanh (chủ biên), Hoàng Phan Hải Yến, Nguyễn Thị Hoài, Trần Thị Tuyền, T, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, NXB Đại học Vinh, 2018.	Sách
233.	Trần Thị Tuyền, T (chủ biên), Nguyễn Thị Trang Thanh, Hoàng Phan Hải Yến, Phan Thị Quỳnh Nga, Quy hoạch bảo vệ môi trường, NXB Đại học Vinh, 2018.	Sách
234.	Trần Thị Tuyền, T (chủ biên), Đậu Khắc Tài, Lại Văn Mạnh, Hoàng Anh Thế, Nguyễn Thị Thúy Hà, Hoàng Thị Thủy, Cơ sở Quản lý tài nguyên và môi trường, NXB Đại học Vinh, 2020.	Sách
235.	Takahashi K., Tran T. (2022). Study on Stand Structure of Secondary Mangrove Forest: <i>Sonneratia caseolaris-Aegiceras corniculatum</i> Stand for Introducing Silvofishery Systems to Shrimp Culture Ponds. In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) <i>Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 2.</i>	Sách

	Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-030-81443-4_30 .	
236.	Tuyen T.T.T, Thuy H.T. (2022). Assessing Flash Flood Risks Based on Analytic Hierarchy Process (AHP) and Geographic Information System (GIS): A Case Study of Hieu Catchment (Nghe An, Vietnam). In: Nguyen A.T., Hens L. (eds) Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol.2. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-030-81443-4_50 .	Sách
237.	Tuyen Thi Tran, T, Viet Ha Thi Nguyen, Trang Thanh Thi Nguyen, Vinh Thi Vo, Farmer Innovations and Best Practices by Shifting Cultivators in Asia-Pacific. Chapter 19 in the III. C. CABI publishing, ISBN: 978-180-062-009-4	Sách
238.	Trần Thị Tuyên, T, Nguyễn Thị Việt Hà, Quản lí rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, NXB Đại học Vinh, 2022	Sách
239.	Nguyễn Văn Đông, ‘Dạy học tích hợp giáo dục phát triển bền vững qua nội dung một số bài trong sách giáo khoa địa lí lớp 8’, Giáo chức Việt Nam, số 172, tháng 8/2021, trang 62 – 65	Bài báo
240.	Nguyễn Văn Đông, ‘Một số vấn đề quản lí rừng bằng chứng chỉ rừng ở Việt Nam’, Giáo chức Việt Nam, số 126, tháng 10/2017, trang 9 – 11	Bài báo
241.	Nguyễn Văn Đông (2022), ‘Xây dựng một số mô hình canh tác nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững ở huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An’. Giáo chức Việt Nam, số 187, tháng 11/2022, trang 86 - 88	Bài báo
242.	Nguyễn Nam Thành, Nguyễn Văn Đông, ‘Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Vinh’, Thiết bị Giáo dục, Số 148, kì I, tháng 7/2017, trang 42-44.	Bài báo
243.	Võ Thị Thu Hà (2017) <i>Xây dựng mô hình HTX quản lí, thu gom và xử lí chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Anh Sơn, Nghệ An</i> . Rừng và Môi trường	Bài báo
244.	Võ Thị Thu Hà (2017) <i>Giải pháp điều tiết giá trị tăng thêm từ đất không do người sử dụng mang lại</i> . Tạp chí Giáo chức Việt Nam	Bài báo
245.	Võ Thị Thu Hà (2019) <i>Sinh kế cộng đồng của dân cư xã Môn Sơn, huyện Con Cuông tỉnh Nghệ an</i>	Bài báo

246.	Võ Thị Thu Hà (2021) <i>Đổi mới quá trình đào tạo giáo viên sư phạm Địa lí ở Trường Đại học Vinh theo định hướng Đổi mới quá trình đào tạo giáo viên sư phạm Địa lí ở Trường Đại học Vinh theo định hướng phát triển bền vững g phát triển bền vững. Thiết bị Giáo dục</i>	Bài báo
247.	Võ Thị Thu Hà (2022) <i>Nghiên cứu sự phát triển kinh tế giai đoạn 2010 – 2020 của huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An, phục vụ giảng dạy học phần địa lí địa phương. Thiết bị Giáo dục Số 277 T11 trang 125 - 127</i>	Bài báo
248.	Võ Thị Thu Hà (2022) <i>Nghiên cứu hiện trạng và đề xuất giải pháp, nhằm quản lí phục hồi và bảo vệ rừng tại huyện Nghi Lộc Nghệ An trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Khoa học Địa lí Việt Nam. Quyển 2 trang 242 - 254</i>	Bài báo
249.	Võ Thị Thu Hà (2022) <i>Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp bảo vệ rừng tại huyện Nghi Lộc, Nghệ An trong bối cảnh biến đổi khí hậu phục vụ giảng dạy bộ môn Quản lí đất đai. Thiết bị Giáo dục Số đặc biệt T10 trang 287 - 289</i>	Bài báo
250.	Võ Thị Thu Hà, Nguyễn Văn Đông, ‘ <i>Nghiên cứu sự phát triển kinh tế giai đoạn 2010 – 2020 của huyện Diễn Châu tỉnh Nghệ An, phục vụ giảng dạy học phần địa lí địa phương</i> ’, Thiết bị Giáo dục, Số 277, kì 2, tháng 11/2022 trang 125-127	Bài báo
251.	Hoàng Phan Hải Yến. (2017). <i>Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở tỉnh Nghệ An. Kỉ yếu Hội Thảo Khoa học quốc tế. Hải Phòng, 2017. Trang 158-167</i>	Bài báo
252.	Hoàng Phan Hải Yến. (2017). <i>Thực trạng khai thác hải sản vùng bờ tỉnh Nghệ An và giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác. Tạp chí khoa học, Đại học Huế, 2017. Trang 170-180</i>	Bài báo
253.	Hoàng Phan Hải Yến. (2018). <i>Resources and livelihood status of coastal fishing workers in Nghe An province, Viet Nam. Tạp chí khoa học trường ĐHSB Hà Nội, 2018. Trang 224-237</i>	Bài báo
254.	Hoàng Phan Hải Yến. (2018). <i>Thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nguồn nhân lực KHCN tỉnh Nghệ An. Kỉ yếu Hội thảo EME của Hội đồng chức danh GS cấp Nhà nước. Hà Nội, 2018. Trang 212-220</i>	Bài báo
255.	Hoàng Phan Hải Yến. (2018). <i>Thực trạng và giải pháp phát triển các loại hình nghề nghiệp cho cộng đồng ngư dân khai thác ven bờ ở vùng biển tỉnh Nghệ An. Kỉ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý Toàn quốc lần thứ X, 2018. Trang 268-274</i>	Bài báo

256.	Hoàng Phan Hải Yến. (2020). <i>Xây dựng nông thôn mới tại các thôn bản gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi tỉnh Nghệ An</i> . Tạp chí khoa học trường ĐHSP Hà Nội, 2020. Tập 65, tập 5, Trang 74-83	Bài báo
------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2023

**TRƯỜNG SƯ PHẠM
HIỆU TRƯỞNG**

**P.KHOA HỌC & HTQT
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

PGS.TS. Mai Văn Chung

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 6
CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

1. Phòng học, giảng đường

TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	10	3600	Tất cả các môn học	Dựa vào số lượng sinh viên, đặc thù học phần, Nhà trường sẽ bố trí phòng học có số lượng chỗ thích hợp
2	Phòng học từ 100 đến 200 chỗ	36	7200	Tất cả các môn học	
3	Phòng học từ 50 đến 100 chỗ	85	11050	Tất cả các môn học	
4	Phòng học dưới 50 chỗ	155	11625	Tất cả các môn học	
5	Phòng học đa phương tiện	16	2400	Tất cả các môn học	
6	Phòng làm việc của GS, PGS, giảng viên cơ hữu	14	294		GS và PGS làm việc tất cả các ngày trong tuần
Tổng			36169		

2. Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
		Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	- Ampli, loa - Máy chiếu	131 131	Tất cả các môn học
2	Giảng đường	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi	4 4 4 4	Tất cả các môn học

TT	Loại phòng học	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
		Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
		- Tủ điều khiển	2	
3	Phòng học đa phương tiện	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	62 42 42 3 1	Tất cả các môn học
4	Phòng học ngoại ngữ	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Đầu đĩa - Tai nghe - Máy chủ	6 300 6 6 300 6	Các học phần Ngoại ngữ
5	Phòng làm việc phòng, ban, văn phòng khoa,...)	- Đầy đủ các thiết bị văn phòng		
6	Phòng thực hành, thí nghiệm	- Đầy đủ các thiết bị, máy móc phục vụ thực hành, thí nghiệm		Các học phần Thực hành thí nghiệm

3. Ký túc xá

Ký túc xá sinh viên của Trường có 3 nhà 5 tầng cơ sở 1 với tổng 168 phòng ở, tổng diện tích 5.040 m² sử dụng có khả năng đáp ứng được 1104 chỗ ở với diện tích bình quân 3,2 m²/1 chỗ ở. Ký túc xá sinh viên cơ sở 2 có 1 nhà 5 tầng và ký túc xá Hưng Bình.

Toàn bộ nhà ký túc xá sinh viên là nhà vĩnh cửu, khép kín, đảm bảo điện, nước; riêng các phòng dành cho chuyên gia, lưu học sinh đều có lắp máy điều hoà nhiệt độ, tắm nóng lạnh, tivi và các trang bị nội thất tốt, phù hợp. Khuôn viên khu ký túc xá đẹp, rộng rãi, có hệ thống căng tin, nhà ăn tập thể, sân vận động,... Một số phòng được bố trí làm câu lạc bộ cho sinh viên. Hiện tại, Trường đang sử dụng định mức nơi ở như sau: sinh viên Việt Nam: 8 sinh viên/1 phòng, lưu học sinh nước ngoài: 4 sinh viên/1 phòng, học viên Sau Đại học nước ngoài: 2 học viên/1 phòng.

4. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao - y tế

Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá – thể thao- y tế gồm có: 01 nhà tập đa chức năng đúng tiêu chuẩn, 4 sân bóng chuyền, 1 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn, một nơi sinh hoạt cho câu lạc bộ tennis, và nhiều vị trí đặt bàn bóng bàn phục vụ cho cán bộ, sinh viên với tổng diện tích 13.496m²; trạm Y tế với 8 phòng khám, điều trị với tổng diện tích 240 m²; sân khấu trong nhà với 450 chỗ ngồi, 1 sân khấu ngoài trời có khả năng bố trí 3000 chỗ ngồi.

5. Thư viện

Thư viện có tổng diện tích khuôn viên trên 4.000 m², nằm trên mặt tiền quốc lộ 1A. Tòa nhà thư viện gồm 7 tầng, tổng diện tích sử dụng trên 9.000 m², sức chứa trên 1.500 độc giả. Trong đó diện tích các phòng:

TT	Tên chủng loại	Số lượng	Diện tích sử dụng	Ghi chú
1	Kho báo, tạp chí + Kho LA + Kho CN + Kho KT	01	67 m ²	Tầng 6
2	Kho sách KHTN – KT	01	67 m ²	Tầng 5
3	Kho sách ngoại văn	01	60 m ²	Tầng 5
4	Kho sách KHXH – NV	01	67 m ²	Tầng 4
5	Kho sách tổng hợp 3	01	67 m ²	Tầng 3
6	Kho sách tổng hợp 2	01	67 m ²	Tầng 2
7	Kho sách Giáo trình	01	67 m ²	Tầng 1
8	Kho sách cơ sở II	01	100 m ²	Cơ sở II
9	Phòng đọc cán bộ	04	60 m ²	Tầng 4
10	Phòng đọc học sinh – sinh viên	07	1122 m ²	Tầng 2 đến tầng 6 + cơ sở II
11	Phòng máy tính (261 máy)	05	508 m ²	Tầng 1 đến tầng 4 + cơ sở II
12	Phòng làm việc + phòng họp	05	300 m ²	Tầng 1 đến tầng 4
13	Hội trường	01	187 m ²	Tầng 7
14	Phòng học	10	580 m ²	Tầng 4 đến tầng 7

- Số chỗ ngồi: 1.500 chỗ ngồi

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: Hiện nay, các phòng Internet, phòng tra cứu tài liệu phục vụ bạn đọc miễn phí tra cứu OPAC, tìm tin, khai thác tài nguyên số của thư viện, sử dụng phần mềm học tiếng anh LANGMASTER. Có 261 máy vi tính nối mạng phục vụ tra cứu cho học sinh, sinh viên, học viên.

- Phần mềm quản lý thư viện: ILIB 4.0, nhà cung cấp: CMC.

- Thư viện điện tử: triển khai tra cứu tài liệu của Thư viện trên mạng Internet qua hệ thống tra cứu trực tuyến OPAC (hàng ngày có từ 500 đến 1800 người online trên trang Web. thư viện Đại học Vinh và đến sử dụng các phòng máy thư viện).

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2023

**TRƯỜNG SƯ PHẠM
HIỆU TRƯỞNG**

**P.QUẢN TRỊ & ĐẦU TƯ
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng ThS. Trần Đình Luân GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 7
THƯ VIỆN - NGUỒN HỌC LIỆU

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Bài giảng Nhập môn ngành Sư phạm (Lưu hành nội bộ)	Nguyễn Thị Trang Thanh, Hoàng Tăng Đức, Thái Thị Hồng Lam, Nguyễn Tiến Dũng, Trần Huyền Trang, Nguyễn Thị Xuân Quỳnh, Ngô Thị N Như Thơ, Nguyễn Thị Quỳnh Anh,	Trường Đại học Vinh 2021, Việt Nam	6	Nhập môn ngành sư phạm	1	
2.	Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo 2018, Việt Nam	8	Nhập môn ngành sư phạm	1	
3.	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Ban hành theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018, Việt Nam	5	Nhập môn ngành sư phạm	1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
4.	Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020, Việt Nam	5	Nhập môn ngành sư phạm	1	
5.	Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới	Nguyễn Công Khanh (chủ biên),	Nxb Đại học Vinh, 2016.	10	Lịch sử văn minh thế giới	1	
6.	Lịch sử văn minh thế giới,	Vũ Dương Ninh	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.	10	Lịch sử văn minh thế giới	1	
7.	Almanach, Những nền văn minh thế giới	Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội	Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1995.	5	Lịch sử văn minh thế giới	1	
8.	Giao lưu và tiếp xúc văn minh trong lịch sử nhân loại	Ngô Minh Oanh	Đại học sư phạm T.P. Hồ Chí Minh, 2008	10	Lịch sử văn minh thế giới	1	
9.	Lịch sử văn minh thế giới	Lê Phụng Hoàng (chủ biên)	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008	5	Lịch sử văn minh thế giới	1	
10.	Môi trường và phát triển bền vững	Lê Văn Khoa	Nhà XB Giáo dục Việt Nam 2013	10	Môi trường và phát triển bền vững	1	
11.	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	Trần Đức Tuấn	NXB Đại học sư	10	Môi trường và	1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
			phạm TPHCM 2019		phát triển bền vững		
12.	Quản lí môi trường cho sự phát triển bền vững	Lưu Đức Hải	NXB ĐH Quốc Gia HN 2014	10	Môi trường và phát triển bền vững	1	
13.	Môi trường và giáo dục bảo vệ môi trường	Lê Văn Khoa	NXB Giáo dục Việt Nam 2018	4	Môi trường và phát triển bền vững	1	
14.	Cơ sở quản lí tài nguyên và môi trường	Trần Thị Tuyền	NXB Đại học Vinh 2020	10	Môi trường và phát triển bền vững	1	
15.	Địa lí tự nhiên đại cương 1	Nguyễn Trọng Hiếu	NXBĐHSPHN 2015	8	Địa lí tự nhiên đại cương	1	
16.	Địa lí tự nhiên đại cương 2	Hoàng Ngọc Oanh	NXBĐHSPHN 2010	8	Địa lí tự nhiên đại cương	1	
17.	Địa lí tự nhiên đại cương 3	Nguyễn Kim Chương	NXBĐHSPHN 2015	8	Địa lí tự nhiên đại cương	1	
18.	Cơ sở địa lí tự nhiên	Nguyễn Vi Dân	NXBĐHQGHN 2010	10	Địa lí tự nhiên đại cương	1	
19.	Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	10	Triết học Mác - Lênin	1	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
20.	Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2006	10	Triết học Mác - Lênin	1	
21.	Cơ sở văn hóa Việt Nam,	Chu Xuân Diên	Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2002	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
22.	Cơ sở văn hóa Việt Nam,	Trần Quốc Vượng chủ biên, Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Chí Bền, Lâm Mỹ Dung, Trần Thúy Anh,	Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2020	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
23.	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Tái bản năm 1992	3	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
24.	Việt Nam phong tục,	Phan Kế Bính	Nxb Kim Đồng, 2002	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
25.	Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2004	10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
26.	Bản sắc Văn hóa vùng ở Việt Nam	Ngô Đức Thịnh	Nxb Đại học Quốc gia, 2017	6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
27.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác -	Bộ Giáo dục và Đào	Nxb Chính trị	10	Kinh tế chính trị	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
	Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị),	tạo	Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021		Mác - Lênin		
28.	Hướng dẫn học môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin	PGS.TS Phạm Quang Phan, PGS.TS Vũ Anh Tuấn, TS Tô Đức Hạnh (Đồng chủ biên)	Nxb Thống kê, 2005	6	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
29.	110 câu hỏi và bài tập Kinh tế chính trị Mác- Lênin	PGS.TS An Như Hải (Chủ biên),	Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2014	10	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
30.	Nguyễn Gia Phú, Lịch sử thế giới cổ đại	Lương Ninh	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999	10	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	2	
31.	Lịch sử thế giới trung đại	Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Anh, Đỗ Đình Hằng, Trần Văn La	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999	11	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	2	
32.	Lịch sử thế giới cổ đại, tập I, xã hội cổ đại phương Đông	Chiêm Tế	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1971	10	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	2	
33.	Lịch sử thế giới cổ đại, tập II, xã hội cổ đại phương Tây	Chiêm Tế	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1971	12	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	2	
34.	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	Nghiêm Đình Vỹ (Chủ biên)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, 2013	10	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	2	
35.	Giáo trình Tâm lý học	Phan Quốc Lâm (Chủ	Nxb Đại học Vinh,	15	Tâm lý học	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
		biên)	2018				
36.	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	Lê Văn Hồng,	Nxb ĐHQG Hà Nội, 2001.	6	Tâm lý học	2	
37.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003	10	Tâm lý học	2	
38.	Địa lí kinh tế xã hội đại cương	Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông	NXBĐHSPHN 2005	10	Địa lí kinh tế xã hội đại cương	2	
39.	Bài giảng Địa lí kinh tế xã hội đại cương	Nguyễn Trang Thanh	Trường Đại học Vinh 2021	10	Địa lí kinh tế xã hội đại cương	2	
40.	Cơ sở địa lí kinh tế xã hội tập 1	Vũ Thị Hương	NXBĐHSPHN 2021	5	Địa lí kinh tế xã hội đại cương	2	
41.	Địa lí dịch vụ Tập 1,2	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ	NXBĐHSPHN 2011	10	Địa lí kinh tế xã hội đại cương	2	
42.	Địa lí kinh tế xã hội đại cương	Lê Văn Trường	NXBCTQG 2005	5	Địa lí kinh tế xã hội đại cương	2	
43.	Introduction to Geography Chapter 8 Political Geography. Fifth edition	Arthur Getis, Jerome Fellman	Wm.C.BrownPublishers	7	Địa lí chính trị	2	Tự chọn 1
44.	Bài giảng Địa lí chính trị (Lưu hành nội bộ)	Nguyễn Thị Trang Thanh	Trường Đại học Vinh 2021	10	Địa lí chính trị	2	
45.	Human Geography – people, place and culture. Chapter 9. Political	Erin H. Fouberg, Alexander B.Murphy,	Ninth Edition, 2015	3	Địa lí chính trị	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
	Geography	H.J.de Blij					
46.	Giáo trình quan hệ chính trị quốc tế	Dương Xuân Ngọc, Luu Văn An	Nxb Chính trị Quốc gia Hà nội, 2008	10	Địa lí chính trị	2	
47.	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	Ông Thị Đan Thanh	Nxb Đại học Sư phạm, 2007	10	Địa lí chính trị	2	
48.	Những tù nhân của Địa lí	Tim Marshall	Nxb Hội Nhà văn	9	Địa lí chính trị	2	
49.	Các bài giảng về tư tưởng phương Đông	Trần Đình Hượu	Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2007.	10	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	
50.	Đông Phương triết học cương yếu	Lý Minh Tuấn	Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005.	10	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	
51.	Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại	Doãn Chính,	Nxb Chính trị Quốc gia, 2010	10	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	
52.	Phương Đông và phương Tây	N. Konrat,	Nxb Giáo Dục, 1997.	5	Lịch sử tư tưởng phương	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
					Đông và Việt Nam		
53.	Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay,	Nguyễn Tài Thư (chủ biên)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.	10	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	
54.	Lịch sử triết học phương Đông (5 tập)	Nguyễn Đăng Thục,	Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.	25	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	
55.	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	Nguyễn Minh Tường	Nxb Khoa học Xã hội, 2012.	10	Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam	2	
56.	Nghệ thuật học	Đỗ Văn Khang	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.	8	Nghệ thuật học đại cương	2	
57.	Nghệ thuật và vật lí,	Leonard Shlain;	Nxb Tri thức	5	Nghệ thuật học đại cương	2	
58.	Câu chuyện nghệ thuật	E.H.Gombrich,	Nxb Văn nghệ TP HCM, 1998.	10	Nghệ thuật học đại cương	2	
59.	Ghi chú về nghệ thuật	Nguyễn Quân,	Nxb Trẻ, 2008.	10	Nghệ thuật học đại cương	2	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
60.	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam	Lê Minh Tâm & Vũ Thị Nga	Nhà xuất bản Công an Nhân dân 2017.	9	Nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	
61.	Giáo trình Lịch sử Nhà nước và Pháp luật Thế giới	Nguyễn Minh Tuấn	Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật, 2021	10	Nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	
62.	Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật	Vũ Trọng Lâm,	Nxb Chính trị QGST, Hà Nội, 2020	10	Nhà nước và pháp luật Việt Nam	2	
63.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học,	Bộ Giáo dục và đào tạo	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	9	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	
64.	Hỏi – đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nxb Chính trị quốc gia, 2016	10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	
65.	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hoàng Chí Bảo, Dương Xuân Ngọc, Đỗ Thị Thạch, Bùi Ngọc Lan	Nxb Đại học Sư phạm, 2021	10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
66.	Giáo dục học	Phạm Minh Hùng, Nguyễn Thị Hương, Thái Văn Thành	Nxb Đại học Vinh, 2016	5	Giáo dục học	3	
67.	Ứng xử sư phạm	Trịnh Trúc Lâm - Nguyễn Văn Hộ	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007	8	Giáo dục học	3	
68.	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong nhà trường phổ thông	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Nxb Đại học quốc gia Hà nội, 2011	10	Giáo dục học	3	
69.	Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông	Hà Nhật Thăng	Nxb Giáo dục 2005	10	Giáo dục học	3	
70.	Giáo trình Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Nguyễn Quang Hồng (chủ biên) Mai Phương Ngọc, Đặng Như Thường	NXB Đại học Vinh, 2019	10	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3	
71.	Đại cương Lịch sử Việt Nam tập 1	Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997.	10	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3	
72.	Lịch sử Việt Nam, tập 1	Phan Huy Lê (Chủ biên),	Nxb Quốc gia Hà Nội, 2012.	10	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3	
73.	Địa lí các châu lục tập 1,2	Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh	NXBĐHSPHN 2013	10	Địa lí Châu Á, Châu Âu	3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
74.	Giáo trình Địa lí KTXH Châu Âu và Liên Bang Nga	Ông Thị Đan Thanh	NXBĐHSPHN 2012	14	Địa lí Châu Á, Châu Âu	3	
75.	Địa lí tự nhiên các lục địa Tập 1,2	Nguyễn Phi Hạnh	NXBĐHSPHN 2012	10	Địa lí Châu Á, Châu Âu	3	
76.	Giáo trình Địa lí KTXH thế giới 2	Thân Thị Huyền	NXBĐHTN 2015	15	Địa lí Châu Á, Châu Âu	3	
77.	Thực hành văn bản tiếng Việt	Nguyễn Hoài Nguyên	Nxb Đại học Vinh, Nghệ An, 2003	10	Tạo lập văn bản đa phương thức	3	
78.	Giáo trình tiếng Việt thực hành	Hoàng Kim Ngọc (chủ biên)	Nxb Đại học Quốc gia, 2021	10	Tạo lập văn bản đa phương thức	3	
79.	Văn bản và liên kết trong tiếng Việt,	Diệp Quang Ban	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2018	12	Tạo lập văn bản đa phương thức	3	
80.	Lý thuyết và thực hành văn bản tiếng Việt	Phan Mậu Cảnh	Nxb ĐHQG, Hà Nội, 2008	10	Tạo lập văn bản đa phương thức	3	
81.	Phong cách học tiếng Việt,	Đinh Trọng Lạc	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999.	20	Tạo lập văn bản đa phương thức	3	
82.	Kỹ thuật soạn thảo văn bản và trình bày văn bản,	Vương Thị Kim Thanh	Nxb Trẻ, Hà Nội, 2009	10	Tạo lập văn bản đa phương thức	3	
83.	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông	Nguyễn Thị Liên (Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội -	11	Tổ chức hoạt động trải	3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
			2016.		nghiệm, hướng nghịệp		
84.	Chương trình giáo dục Hoạt động trải nghịệp – Chương trình giáo dục phổ thông mới	Bộ Giáo dục và đào tạo, năm	Bộ Giáo dục và đào tạo, năm 2018.	10	Tổ chức hoạt động trải nghịệp, hướng nghịệp	3	
85.	Lý luận dạy học bộ môn Giáo dục công dân trung học phổ thông	Phạm Thị Bình – Hoàng Thị Nga,	Tập bài giảng, Đại học Vinh, 2018.	6	Tổ chức hoạt động trải nghịệp, hướng nghịệp	3	
86.	Mô đun 06: “Xây dựng văn hóa nhà trường Trung học phổ thông”	Bộ GD và ĐT	Chương trình Etep, Trường Đại học Vinh, 2020	10	Xây dựng văn hóa nhà trường THPT	3	
87.	Giáo trình văn hóa tổ chức (vận dụng vào phân tích VHNT)	Nguyễn Vũ Bích Hiền (chủ biên), Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Xuân Thanh,	Nxb Đại học Sư phạm, 2017.	7	Xây dựng văn hóa nhà trường THPT	3	
88.	Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT, Quy định quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở GDPT, cơ sở giáo dục thường xuyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2019	10	Xây dựng văn hóa nhà trường THPT	3	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
89.	Xây dựng văn hoá nhà trường phổ thông: Lý thuyết và thực hành	Lê Thị Ngọc Thuý,	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018.	10	Xây dựng văn hóa nhà trường THPT	3	
90.	Lịch sử thế giới cận đại	Phạm Ngọc Tân, Nguyễn Văn Tuấn, Hoàng Thị Hải Yến	NXB Đại học Vinh, 2020.	8	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
91.	Lịch sử thế giới cận đại,	Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
92.	Giáo trình Lịch sử thế giới hiện đại Quyển 1,	Đỗ Thanh Bình (Chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học sư phạm 2008	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
93.	Giáo trình lịch sử thế giới hiện đại Quyển 2	Trần Thị Vinh (Chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học sư phạm 2016	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
94.	Lịch sử Thế giới cận đại, tập 3	Lưu Tô Xương, Quang Nhân Hồng, Hàn Thừa Văn (chủ biên),	Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 2002.	20	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
95.	Lịch sử cận đại Trung Quốc	Nguyễn Huy Quý	Nxb Giáo dục, 2002	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
96.	Lịch sử Nhật Bản	Phan Ngọc Liên (Chủ biên),	Nxb Văn hoá thông tin, 1995	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
97.	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945-2000)	Trần Nam Tiên (Chủ biên),	Nxb Giáo dục, 2008	6	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
98.	Chủ nghĩa tư bản: Lịch sử thăng trầm 120 năm (1900-2020)	Trần Thị Vinh	Nhà xuất bản Chính trị, 2021	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
99.	Mô hình phát triển Bắc Âu	Đình Công Tuấn	Nxb Từ điển bách khoa 2011	8	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
100.	Tìm hiểu lịch sử cách mạng Cu Ba	Phạm Xuân Nam	Nxb KHXH, 2002	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
101.	Lịch sử hiện đại Trung Quốc	Nguyễn Huy Quý	Nxb Chính trị quốc gia, 2004	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
102.	Con đường cứu nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á	Đỗ Thanh Bình (Chủ biên),	Nxb Đại học Quốc gia Hà nội	10	Lịch sử thế giới cận - hiện đại	4	
103.	Tin học ứng dụng	Trần Xuân Sang, Nguyễn Thị Uyên, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Ngọc Hiếu	Nxb Đại học Vinh, 2019	15	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	
104.	Các ứng dụng cơ bản của MS-OFFICE	Lê Văn Minh	Nxb Đại học Vinh, 2016	10	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
105.	Giáo trình hướng dẫn sử dụng Word	Microsoft Vietnam,	Microsoft Vietnam,2019	10	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	
106.	Giáo trình hướng dẫn sử dụng Power Point 2019.	Microsoft Vietnam	Microsoft Vietnam 2019	6	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	
107.	Hệ điều hành Windows 7.	Microsoft	Microsoft	10	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	
108.	Microsoft, Office 2019.	Microsoft	Microsoft, 2019.	8	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	
109.	Using ICTs and Blended Learning in Transforming TVET	Colin Latchem	UNESCO and COMMONWEAL TH OF LEARNING, 2017.	10	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	
110.	Internet and Computing Core Certification Computing Fundamentals Study Guide	Ciprian Adrian Rusen	Sybex, 2015.	8	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	
111.	Tài liệu bồi dưỡng Mô đun 9 “Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông”.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	10	Ứng dụng ICT trong giáo dục	4	
112.	Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH	Bộ Giáo dục và Đào	Bộ Giáo dục và	5	Ứng dụng ICT	4	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
	ngày 18 tháng 12 năm 2020.	tạo	Đào tạo, 2020		trong giáo dục		
113.	Life Pre-intermediate.	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P.	Asia ELT/School, 2015	10	Tiếng Anh 1	4	
114.	Life Elementary	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P.	Asia ELT/School, 2015	10	Tiếng Anh 1	4	
115.	Life Intermediate	[2] Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P.	Asia ELT/School, 2015	10	Tiếng Anh 1	4	
116.	Giáo trình Lịch sử Việt Nam cận đại (1858 - 1945)	Đậu Đức Anh, Dương Thị Thanh Hải, Mai Thị Thanh Nga	Nxb Đại học Vinh, 2023	20	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	5	
117.	Lịch sử Việt Nam 1975 đến nay (Những vấn đề lý luận và thực tiễn)	Trần Bá Đệ	Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1997.	20	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	5	
118.	Giáo trình Tiến trình lịch sử Việt Nam	Trần Vũ Tài	Nxb Đại học Vinh, 2019	10	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	5	
119.	Hồ Chí Minh Toàn tập,	Nxb Chính trị Quốc gia	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, 1996.	10	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
120.	Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 - 1954 (2 tập)	Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam	Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, 1995.	12	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	5	
121.	Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, (tập 1,2)	Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam	Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991.	10	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	5	
122.	Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa	Yoshiharu Tsuboi	Nxb Trí thức, 2018	8	Lịch sử Việt Nam cận - hiện đại	5	
123.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dùng cho sinh viên đại học cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021	10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	
124.	Hồ Chí Minh, Toàn tập (15 tập) NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà nội – 2011	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà nội - 2011	3 bộ	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	
125.	Hồ Chí Minh toàn tập, đĩa CDROM 15 tập	Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật	Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2015	10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	
126.	Hồ Chí Minh – Tinh hoa và khí phách của dân tộc	Phạm Văn Đồng	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2012	10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
127.	Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh	Hoàng Chí Bảo	Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội, 2011	10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	5	
128.	Lý luận dạy học Địa lí đại cương	Đặng Văn Đức	Nxb Đại học sư phạm, 2004	10	Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	5	
129.	Lý luận dạy học lịch sử (Những vấn đề chung)	Trần Viết Thụ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Nguyễn Thị Duyên,	Nxb Đại học Vinh, 2018.	10	Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	5	
130.	Lý luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học	Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường,	Nxb Đại học Sư phạm, 2014	5	Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	5	
131.	Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực	Đặng Văn Đức và nnk,	Nxb Đại học sư phạm, 2004	10	Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	5	
132.	Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường	Phan Trọng Ngo,	Nxb Đại học sư phạm, 2005.	6	Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí và Địa lí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
133.	Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh, Quyển 2 Khoa học xã hội	Trần Thị Thanh Thủy (Chủ biên)	Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2015	8	Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	5	
134.	Cẩm nang phương pháp sư phạm	Nguyễn Thị Minh Phượng, Phạm Thị Thuý, Lê Viết Chung	Nxb tổng hợp TP HCM, 2016	10	Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí	5	
135.	Life Pre-intermediate.	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P.	Asia ELT/School, 2015	8	Tiếng Anh 2	5	
136.	Life Elementary	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P.	Asia ELT/School, 2015	10	Tiếng Anh 2	5	
137.	Life Intermediate	Hughes, J., Stephenson, H. & Dummett, P.	Asia ELT/School, 2015	10	Tiếng Anh 2	5	
138.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo,	Nxb Chính trị Quốc gia, 2020.	12	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	5	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
139.	Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập 2	Đình Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Đình Lễ,	Nxb Giáo dục 2001	15	Lịch sử Đảng công sản Việt Nam	5	
140.	Đại cương Lịch sử Việt Nam -Tập 3	Lê Mậu Hãn, Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư,	Nxb Giáo dục 2001.	15	Lịch sử Đảng công sản Việt Nam	5	
141.	Địa lí tự nhiên Việt Nam tập 1,2	Đặng Duy Lợi	NXBĐHSPHN 2011	10	Địa lí tự nhiên Việt Nam	6	
142.	Khí hậu và tài nguyên khí hậu Việt Nam	Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu	NXBKHKT 2002	8	Địa lí tự nhiên Việt Nam	6	
143.	Các biểu đồ sinh khí hậu Việt Nam	Nguyễn Khánh Vân	NXBĐHQGHN 2000	10	Địa lí tự nhiên Việt Nam	6	
144.	Sông ngòi Việt Nam	Nguyễn Văn Âu	NXBGD 2000	8	Địa lí tự nhiên Việt Nam	6	
145.	Đất Việt Nam	Hội KH Đất Việt Nam	NXBNN 2000	10	Địa lí tự nhiên Việt Nam	6	
146.	Đông Nam Á – Lịch sử từ nguyên thủy đến nay	Lương Ninh (Chủ biên)	Nxb Chính trị quốc gia, 2018	10	Lịch sử và Văn hóa Đông Nam Á	6	
147.	Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới	Nguyễn Công Khanh (Chủ biên)	Nxb Đại học Vinh, 2016.	10	Lịch sử và Văn hóa Đông Nam Á	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
148.	Almanach, Những nền văn minh thế giới,	Nxb Văn hoá Thông tin	Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1995.	10	Lịch sử và Văn hóa Đông Nam Á	6	
149.	Lịch sử Đông Nam Á	Lương Ninh (Chủ biên)	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.	10	Lịch sử và Văn hóa Đông Nam Á	6	
150.	Lịch sử văn minh thế giới	Lê Phụng Hoàng (Chủ biên),	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008.	8	Lịch sử và Văn hóa Đông Nam Á	6	
151.	Lược sử Đông Nam Á	Phan Ngọc Liên (Chủ biên),	NXB Giáo dục, Hà Nội.	10	Lịch sử và Văn hóa Đông Nam Á	6	
152.	Nghệ thuật Đông Nam Á,	Ngô Văn Doanh, Trần Thị Lý, Cao Xuân Phổ,	Nxb Lao Động, 2010.	2	Lịch sử và Văn hóa Đông Nam Á	6	
153.	Địa lí KTXH Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh, Nguyễn Thị Hoài, Lương Thành Vinh, Hoàng PH Yến	Đại học Vinh	4	Địa lí KTXH Việt Nam	6	
154.	Địa lí KTXH Việt Nam	Lê Thông	NXBĐHSPHN 2011	8	Địa lí KTXH Việt Nam	6	
155.	Giáo trình Địa lí KTXH Việt Nam Tập	Nguyễn Viêt Thịnh,	NXBGD 2002	10	Địa lí KTXH	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
	1,2	Đỗ Thị Minh Đức			Việt Nam		
156.	Các chủ đề tích hợp Lịch sử và Địa lí ở trường THCS	Nguyễn Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Duyên	Nghệ An, 2022.	10	Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí	6	
157.	Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018: Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Chương trình môn Lịch sử và Địa lí THCS	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018	8	Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí	6	
158.	Dạy học tích hợp phát triển năng lực HS, Quyển 2 Khoa học xã hội	Trần Thị Thanh Thủy (Chủ biên) và nnk	Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội, 2015	10	Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí	6	
159.	Lí luận dạy học Địa lí (Phần đại cương)	Đặng Văn Đức	Nxb Đại học Sư phạm, 2015	12	Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí	6	
160.	Dạy học tích hợp phát triển năng lực HS, Quyển 1 Khoa học tự nhiên	Đỗ Hương Trà (Chủ biên) và nnk	Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.	10	Tổ chức dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
161.	Các nền văn minh trên đất nước Việt nam: trước 1858	Trương Hữu Quýnh (Chủ biên)	Nxb Khoa học xã hội, 2020	10	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	6	Tự chọn 3
162.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Quốc Vượng (chủ biên),	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998.	16	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	6	
163.	Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm	Trần Quốc Vượng,	Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2000.	10	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	6	
164.	Lịch sử Việt Nam (từ tập 1 đến tập 5	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học,	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học, 2017	10	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	6	
165.	Mười cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam	Văn Tạo,	Nxb Đại học sư phạm, 2000.	10	Các cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam	6	Tự chọn 3
166.	Lịch sử Việt Nam Cổ - Trung đại	Nguyễn Quang Hồng (chủ biên),	Nxb trường Đại học Vinh, 2019.	10	Các cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
167.	Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam	Trần Bá Đệ (Chủ biên),	Nxb Đại học quốc gia Hà nội, 2007.	8	Các cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam	6	
168.	Đại Việt sử ký toàn thư, 4 tập,	Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê,	Nxb Khoa học xã hội, 1998.	10	Các cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam	6	
169.	Khâm định Việt sử thông giám cương mục, 2 tập	Quốc sử quán triều Nguyễn	Nxb Giáo dục, 1998.	10	Các cuộc cải cách đổi mới trong lịch sử Việt Nam	6	
170.	Lịch sử quan hệ quốc tế, tập1, 2	Vũ Dương Ninh (chủ biên)	Nxb Giáo dục 2006.	10	Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	6	Tự chọn 3
171.	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945 – 2000)	Trần Nam Tiên (chủ biên)	Nxb Giáo dục, 2008.	2	Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	6	
172.	Giáo trình quan hệ quốc tế	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quan hệ	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quan	4	Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	6	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
		quốc tế,	hệ quốc tế, 2001				
173.	Lịch sử thế giới cận đại	Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng,	Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1998	10	Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	6	
174.	Lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến 1995 (quyển A)	Nguyễn Anh Thái (Chủ biên),	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998.	10	Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	6	
175.	Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000	Michel Beaud,	Nxb Thế giới, Hà Nội, 2002	4	Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	6	
176.	Quan hệ quốc tế thời hiện đại: những vấn đề mới đặt ra	Đỗ Thanh Bình – Văn Ngọc Thành (Đồng CB),	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012	10	Quan hệ quốc tế thời cận hiện đại	6	
177.	Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	Nguyễn Thị Trang Thanh (chủ biên), Nguyễn Thị Hoài, Lương Thị Thành Vinh, Hoàng Phan Hải Yến	Nxb Đại học Vinh, 2021	8	Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lí	7	
178.	Thực địa Địa lí tự nhiên.	Phan Khánh (chủ biên), Phùng Ngọc	Nxb Đại học Sư phạm, 2016.	8	Thực tế chuyên môn Lịch sử và	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
		Đĩnh, Hoàng Ngọc Oanh, Nguyễn Văn Âu			Địa lí		
179.	Giáo trình Lịch sử Việt Nam cận đại	Đậu Đức Anh, Dương Thị Thanh Hải, Mai Thị Thanh Nga	Nxb Đại học Vinh, 2021	10	Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lí	7	
180.	Địa lí tự nhiên Việt Nam.	Đặng Duy Lợi (Chủ biên),	Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội 2016.	6	Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lí	7	
181.	Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam (Khu vực Bắc Trung Bộ)	Lê Thông (Chủ biên)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009.	10	Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lí	7	
182.	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	Lê Thông (Chủ biên)	Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội, 2011	8	Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lí	7	
183.	Giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam. Tập 1,2.	Nguyễn Viêt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức.	Nxb Giáo dục, 2002	10	Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lí	7	
184.	Tiến trình Lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc	Nxb Giáo dục, 2016	8	Thực tế chuyên môn Lịch sử và Địa lí	7	
185.	Biển, đại dương và chủ quyền biển,	Lê Ngọc Cường (Chủ	Bộ Giáo dục và	10	Quá trình xác	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
	đảo Việt Nam	biên)	Đào tạo, 2016.		lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam		
186.	Những chứng cứ khẳng định chủ quyền biển, đảo của Việt Nam trên biển Đông	Nxb Văn hóa Thông tin	Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2014.	8	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	7	
187.	Về vấn đề Biển Đông,	Nguyễn Ngọc Trường	Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2014.	5	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	7	
188.	Chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa và những quy định mới về biển, đảo,	Nxb Thế giới	Nxb Thế giới, 2016.	10	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	7	
189.	Một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam	Nxb Quân đội Nhân dân	Nxb Quân đội Nhân dân, 2005.	5	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	7	
190.	Hoàng Sa, Trường Sa là của Việt Nam: Suu tập những báo cáo khoa học, bài báo và tư liệu mới về chủ	Nguyễn Nhã	Nxb Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 2009.	10	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
	quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa,				đảo Việt Nam		
191.	Một số vấn đề trong chiến lược biển Việt Nam	Nhiều tác giả	Nxb Thanh niên, 2014	10	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	7	
192.	Kiên quyết bảo vệ chủ quyền biển, đảo - Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam	Nxb văn hóa Thông tin	Nxb văn hóa Thông tin, 2014	12	Quá trình xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	7	
193.	Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong dạy học,	Sái Công Hồng, Lê Thái Hưng, Lê Thị Hoàng Hà, Lê Đức Ngọc	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	10	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
194.	Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục	Nguyễn Công Khanh (CB), Đào Thị Oanh	, Nxb Đại học Sư phạm, 2021	12	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
195.	Dạy và học tích cực: Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học	Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên), Đỗ Hương Trà	Nxb Đại học Sư phạm, 2021	10	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
196.	Phương pháp dạy học lịch sử, Tập 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên, Trịnh Đình Tùng, Nguyễn Thị Côi,	Nxb Đại học Sư phạm, 2002.	10	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
197.	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử Trung học phổ thông	Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên), Trần Thị Vinh (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Nguyễn Mạnh Hương, Nguyễn Văn Ninh,	Nxb Đại học Sư phạm, 2018.	8	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
198.	Trắc nghiệm khách quan và vấn đề đánh giá trong giảng dạy Địa lí	Nguyễn Trọng Phúc	Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2001.	10	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
199.	Phát triển chương trình giáo dục	Nguyễn Đức Chính (chủ biên):	Nxb Giáo dục, năm 2018	8	Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí	7	
200.	Năng lực quản lí và phát triển chương trình giáo dục ở trường THPT	Trần Thanh Bình	Nxb Giáo dục, năm 2015	5	Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
201.	“Phát triển chương trình nhà trường” qua thực tế ở trường trung học phổ thông Thái Nguyên	Nguyễn Phương Liên	Tạp chí Giáo dục, tháng 3 năm 2016	10	Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí	7	
202.	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015	5	Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí	7	
203.	Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 và Chương trình môn Địa lí, Ban hành kèm theo Thông tư 32/TT- BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018	10	Phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí	7	
204.	Giáo trình Kỹ năng dạy học	Nguyễn Đức Trí – Hoàng Minh Phương,	2015	10	Thực hành dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
205.	Bài giảng Kỹ năng dạy học địa lí ở trường phổ thông		2022	10	Thực hành dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
206.	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên,	Phạm Trung Thanh (chủ biên) - Phạm Thị	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội,	10	Thực hành dạy học Lịch sử và	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
		Lý	2003		Địa lí		
207.	Áp dụng dạy và học tích cực trong môn Tâm lí - Giáo dục học	Dự án Việt - Bỉ,	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2003	10	Thực hành dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
208.	Tâm lí học giáo dục	Phạm Thành Nghị,	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013	10	Thực hành dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
209.	Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Phạm Trung Thanh (chủ biên) Phạm Thị Lý	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007	10	Thực hành dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
210.	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử Trung học cơ sở	Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Trịnh Đình Tùng (Chủ biên), Nguyễn Xuân Trường, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Phan Ngọc Huyền	Nxb Đại học Sư phạm, 2018	8	Thực hành dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
211.	Giáo trình Biến đổi khí hậu	Đặng Duy Lợi, Đào Ngọc Hùng	NXBĐHSPHN 2014	10	Biến đổi khí hậu	7	Tự chọn 4
212.	Quản lí rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu	Trần Thị Tuyên, Nguyễn Thị Việt Hà	NXB Đại học Vinh 2022	7	Biến đổi khí hậu	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
213.	Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt nam		Bộ tài Nguyên và Môi trường 2012	5	Biên đổi khí hậu	7	
214.	Chương trình mục tiêu Quốc gia, ứng phó với biến đổi khí hậu		Bộ tài Nguyên và Môi trường 2012	10	Biên đổi khí hậu	7	
215.	Địa lí đô thị	Phạm Thị Xuân Thọ	NXBGD Việt Nam 2012	5	Địa lí đô thị	7	
216.	Quản lí đô thị và quản lí thành phố thông Minh	Phạm Đi	NXB Chính trị Quốc gia sự thật 2021	10	Địa lí đô thị	7	
217.	Địa lí KTXH Việt Nam	Lê Thông	NXBĐHSPHN 2011	10	Địa lí đô thị	7	
218.	Các đô thị Việt Nam quá trình hình thành, phát triển và quy hoạch	Dương Đức Tuấn, Lư Đức Hải, Lê Kim Hoà	NXB Xây dựng 2020	10	Địa lí đô thị	7	
219.	Kinh tế biển xanh các vấn đề và cách tiếp cận cho Việt Nam	Nguyễn Chu Hồi	NXB Chính trị Quốc gia sự thật 2022	6	Phát triển kinh tế biển	7	
220.	Quản lí tổng hợp vùng ven biển	Nguyễn Lâm Anh	Đại học Nha Trang 2011	10	Phát triển kinh tế biển	7	
221.	Quản lí bền vững biển đảo Việt Nam	Nguyễn Chu Hồi	NXB Chính trị Quốc gia sự thật 2018	8	Phát triển kinh tế biển	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
222.	Những mô hình phát triển kinh tế Hải đài Việt Nam	Phạm Hoàng Hải	NXB KHTN và Công Nghệ. 2011	5	Phát triển kinh tế biển	7	
223.	Bản đồ giáo khoa	Lâm Quang Dốc	Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, 2003	10	Bản đồ giáo khoa	7	Tự chọn 5
224.	Ngôn ngữ bản đồ	Lâm Quang Dốc,	Nxb Đại học Sư phạm, 2002	5	Bản đồ giáo khoa	7	
225.	Bản đồ học đại cương	Lâm Quang Dốc	Nxb Đại học Sư phạm, 2004	10	Bản đồ giáo khoa	7	
226.	Atlát Địa lí Việt Nam, Atlát tự nhiên các châu lục và thế giới, Tập bản đồ lớp 6,7,8,9.	Nxb Giáo dục	Nxb Giáo dục	10	Bản đồ giáo khoa	7	
227.	Bản đồ học	K.A.Xalisep, dịch giả Hoàng Phương Nga	Nxb Đại học quốc gia, 2006	10	Bản đồ giáo khoa	7	
228.	Tập bản đồ sử dụng trong dạy học lịch sử 6, 7.	Nxb Giáo dục	Nxb Giáo dục	8	Bản đồ giáo khoa	7	
229.	Lí luận dạy học hiện đại - Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học	Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường	Nxb Đại học sư phạm, 2014.	10	Thiết kế tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí	7	Tự chọn 5
230.	Biện pháp sử dụng tư liệu gốc trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	Nguyễn Văn Ninh,	Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, 2018	8		7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
231.	The Systematic Design of Instruction, The Systematic Design of Instruction	Dick, W., and Carey		12	Thiết kế tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
232.	Các bộ Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí 6, 7, 8, 9	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Giáo dục Việt Nam, EPICs.	10	Thiết kế tư liệu dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
233.	Mô-đun 9: Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học và giáo dục học sinh THCS môn Lịch sử và Địa lí.	Bộ giáo dục và Đào tạo	Bộ giáo dục và Đào tạo	5	Công nghệ dạy học Lịch sử và Địa lí	7	Tự chọn 5
234.	Tài liệu bồi dưỡng dạy học trực tuyến	Bộ giáo dục và Đào tạo	Bộ giáo dục và Đào tạo, 2020.	10	Công nghệ dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
235.	Tin học ứng dụng	Trần Xuân Sang, Nguyễn Thị Uyên, Phạm Thị Thu Hiền, Nguyễn Ngọc Hiếu	Nxb Đại học Vinh, 2019.	10	Công nghệ dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
236.	Lí luận dạy học hiện đại - cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học	Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường	Nxb Đại học Sư phạm Hà nội, 2014	8	Công nghệ dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
237.	Phương pháp dạy học lịch sử, T.2	Phan Ngọc Liên (CB),	Nxb Đại học Sư	10	Công nghệ dạy	7	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
		Nguyễn Thị Côi, Trịnh Đình Tùng	phạm Hà nội, 2002		học Lịch sử và Địa lí		
238.	Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật	Đặng Thành Hưng	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.	15	Công nghệ dạy học Lịch sử và Địa lí	7	
239.	Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử	Viện Sử học	Viện Hàn lâm KHXH VN		Đồ án		
240.	Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Nghiên cứu Đông Nam Á	Viện Hàn lâm KHXH VN		Đồ án		
241.	Nghiên cứu Trung Quốc	Viện Nghiên cứu Trung Quốc	Viện Hàn lâm KHXH VN		Đồ án		
242.	Tạp chí các Khoa học về Trái Đất,	Viện Nghiên cứu Địa lý	Viện Hàn lâm KHXH VN		Thực tập, Đồ án		
243.	Tạp chí Địa lí nhân văn		Bộ Khoa học và Công nghệ		Thực tập, Đồ án		
244.	Tạp chí Khoa học giáo dục	Viện KHGDVN	Viện KHGDVN		Thực tập, Đồ án		
245.	Giáo trình thực tập sư phạm năm thứ ba	Phạm Trung Thanh (chủ biên)	Nxb Đại học sư phạm, 2007.	5	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8	
246.	Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm,	Nxb Giáo dục Việt Nam, 2015	10	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8	

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ)	Ghi chú
247.	Giáo trình Giao tiếp Sư phạm	Lê Văn Lũy, Lê Quang Sơn,	Nxb Đại học sư phạm, 2014.	5	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp	8	

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2023

**TRƯỜNG SƯ PHẠM
HIỆU TRƯỞNG**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
NGUYỄN THỨC HÀO
Giám đốc**

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

ThS. Nguyễn Đức Bình

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 8
BÁO CÁO KHẢO SÁT NHU CẦU XÃ HỘI ĐỐI VỚI VIỆC ĐÀO TẠO
NGÀNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

6.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát nhằm lấy ý kiến về các nội dung:

- Ý kiến về thực trạng nhân lực trong lĩnh vực Lịch sử và Địa lí.
- Ý kiến về nhu cầu đào tạo nhân lực trong lĩnh vực Lịch sử và Địa lí trong thời gian sắp tới.

6.2. Đối tượng và số lượng khảo sát

- *Mẫu khảo sát:* Để đảm bảo sự đa dạng và đại diện cho các vùng miền chúng tôi đã thực hiện khảo sát trực tiếp và online các nhóm đối tượng có liên quan đến công tác sử dụng và bồi dưỡng nhân lực Lịch sử và Địa lí như: Cán bộ quản lí, học sinh, cán bộ giảng viên.

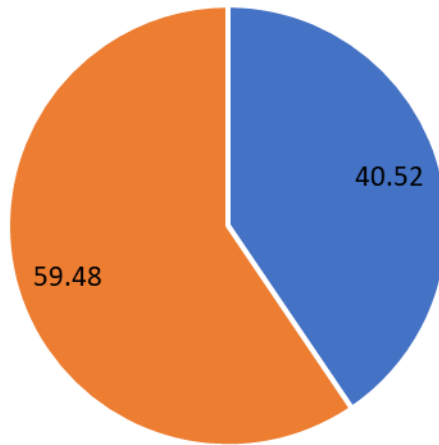
Nhóm 1: Các bên liên quan ngành đào tạo

Chúng tôi gửi phiếu điều tra đến các CBQL, giáo viên của: phòng GD và ĐT; Sở GD và ĐT các tỉnh có nhiều khả năng các em lựa chọn học ở đại học Vinh sau khi tốt nghiệp THPT; Trường trung học phổ thông (gồm: Ban Giám hiệu, giáo viên, tổ trưởng chuyên môn tổ Xã hội), trong đó:

+ Giới tính:

GIỚI TÍNH			
		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tiêu chí	Nữ	69	59,48
	Nam	47	40,52
	Tổng	116	100.0

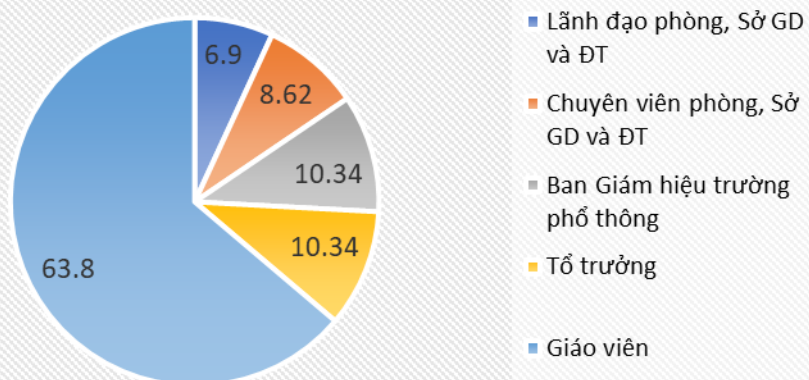
Biểu đồ thể hiện giới tính



+ Cơ quan công tác:

CƠ QUAN CÔNG TÁC			
		Số lượng	Phần trăm (%)
Lựa chọn	Lãnh đạo phòng, Sở GD và ĐT	8	6,9
	Chuyên viên phòng, Sở GD và ĐT	10	8,62
	Ban Giám hiệu trường phổ thông	12	10,34
	Tổ trưởng	12	10,34
	Giáo viên	74	63,8
Tổng		116	100.0

Biểu đồ thể hiện cơ quan công tác



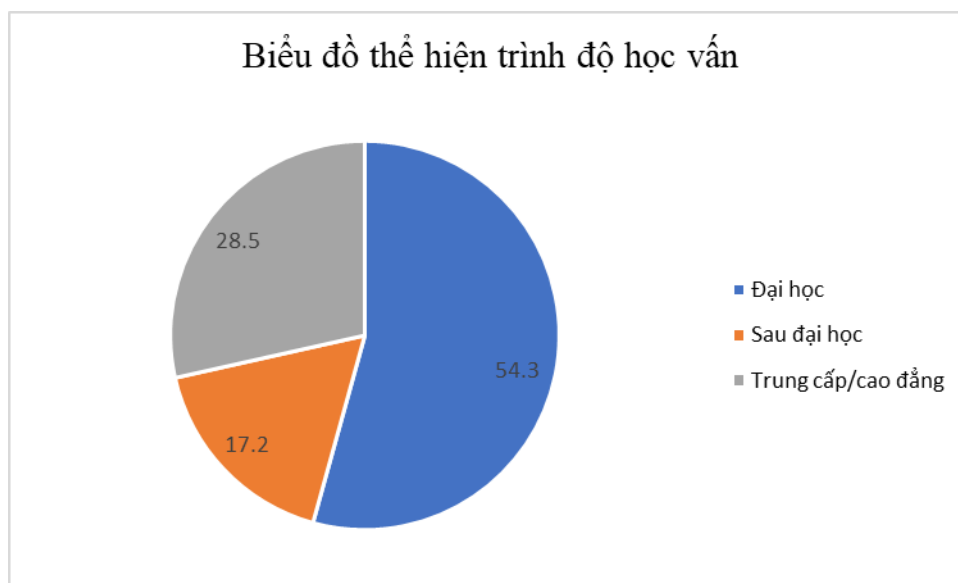
+ Số năm công tác:

SỐ NĂM CÔNG TÁC			
		Số lượng	Phần trăm
Lựa chọn	11- 15 năm	14	12
	5 - 10 năm	11	9,5
	Dưới 5 năm	51	44
	Tổng	116	100.0



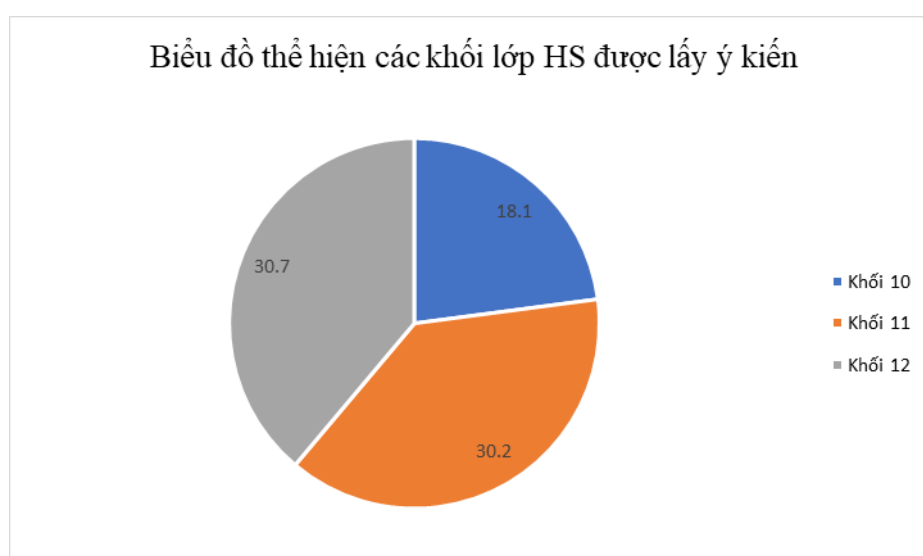
+ Trình độ học vấn:

TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN			
		Số lượng	Phần trăm
Lựa chọn	Đại học	63	54,3
	Sau đại học	20	17,2
	Trung cấp/cao đẳng	33	28,5
	Tổng	116	100.0

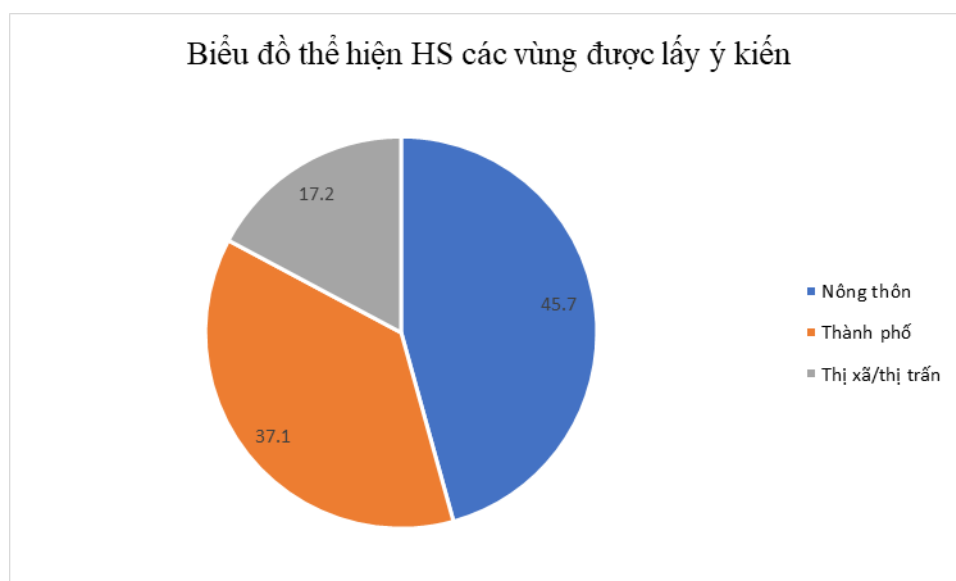


- Nhóm 2: Học sinh THPT

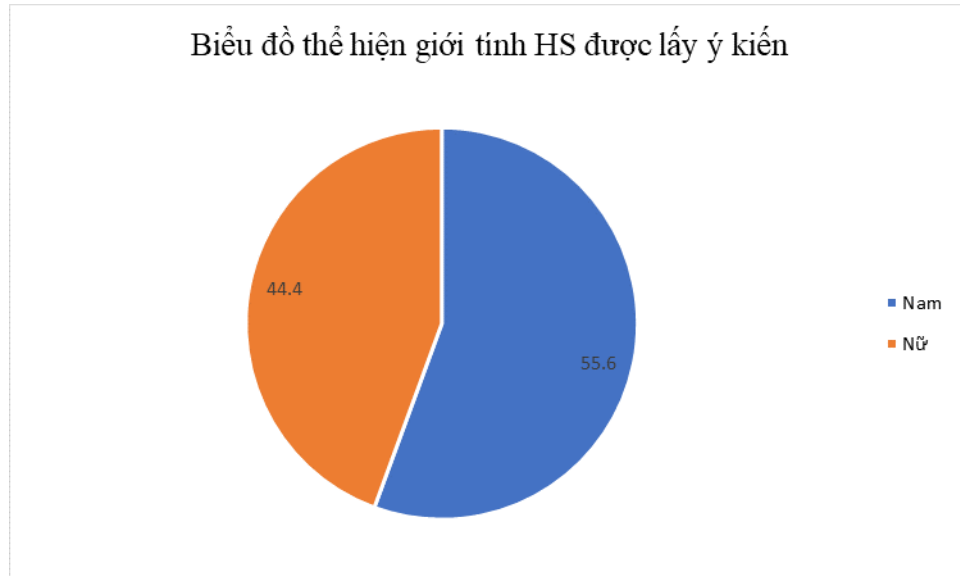
	Tần suất	Phần trăm
Khối 10	42	18,1
Khối 11	70	30,2
Khối 12	120	30,7
Tổng	232	100.0



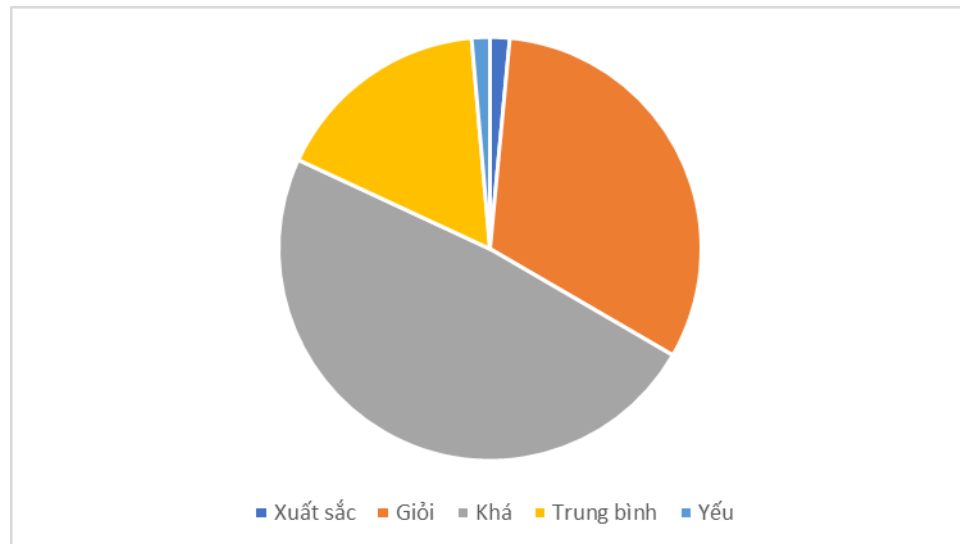
Các vùng	Tần suất	Phần trăm
Nông thôn	106	45,7
Thành phố	86	37,1
Thị xã/thị trấn	40	17,2
Tổng	232	100.0



		GIỚI TÍNH	
		Tần suất	Phần tram
Giá trị	Nữ	129	55,6
	Nam	103	44,4
	Tổng	232	100.0



HỌC LỰC



- *Tổ chức nhân lực tham gia khảo sát tại địa bàn:* Nhóm thực hiện nhiệm vụ khảo sát chủ yếu là cán bộ giảng viên của khoa Lịch sử và khoa Địa lí, trường Đại học Vinh đã kết hợp chặt chẽ với các cộng tác viên đang công tác tại các điểm, đơn vị được nghiên cứu để tiến hành khảo sát.

6.3. Phương pháp khảo sát

Sử dụng phương pháp định lượng bằng phiếu hỏi trực tiếp và phiếu hỏi online qua hệ thống Google form. Kết quả xử lý bằng phần mềm thống kê để đảm bảo độ tin cậy và chính xác.

- Công tác khảo sát được thực hiện thông qua phương pháp điều tra xã hội học bằng Phiếu hỏi trực tiếp và online. Nội dung các mẫu phiếu hỏi liên quan khảo sát ý kiến đối với cán bộ quản lý của các đơn vị liên quan; và ý kiến đối với người lao động trong lĩnh vực Lịch sử và Địa lí.

6.4. Thời gian khảo sát

Từ 01/10/2022 đến 10/12/2022.

6.5. Kết quả tổ chức khảo sát, tổng hợp dữ liệu

- Đã tổ chức triển khai cuộc khảo sát và phát phiếu đến cán bộ phụ trách các cơ quan, đơn vị;

- Đã thực hiện thuê khoán chuyên môn cho cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn triển khai cuộc khảo sát;

- Đã thu phiếu và hoàn thành nhập liệu phiếu khảo sát khảo sát trực tiếp và trực tuyến; (đạt tỉ lệ 100%).

- Đã tiến hành khảo sát ý kiến của các cán bộ quản lý, học sinh, sinh viên, cán bộ giảng viên quan tâm lĩnh vực Lịch sử và Địa lí trên các lĩnh vực sau: việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực Lịch sử và Địa lí ở các đơn vị liên quan.

a) *Kết quả định tính:* Phân tích định tính sơ bộ kết quả khảo sát chúng tôi nhận thấy, có sự lựa chọn tương đồng về mức độ.

b) *Kết quả định lượng:* Qua thực hiện khảo sát đối với các đối tượng tham gia khảo sát, được chia thành 2 nhóm bao gồm nhóm các bên liên quan ngành đào tạo (**116** phiếu) và nhóm các học sinh Trung học phổ thông, đặc biệt chú trọng đối tượng học sinh lớp 12. Kết quả cho thấy hầu hết các cá nhân được hỏi đều cho rằng cần phải tăng cường đào tạo và bồi dưỡng nhân lực hoạt động trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu môn Lịch sử và Địa lí. Việc mở mã ngành Lịch sử và Địa lí ở bậc đại học trong điều kiện cụ thể hiện nay là hết sức cần thiết - khi chương trình GDPT 2018 đã đi vào thực tiễn, cần một nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở các trường THCS và các nhu cầu về ngành nghề khác có liên quan.

6.5.1. Kết quả khảo sát thể hiện ở các biểu đồ sau đây:

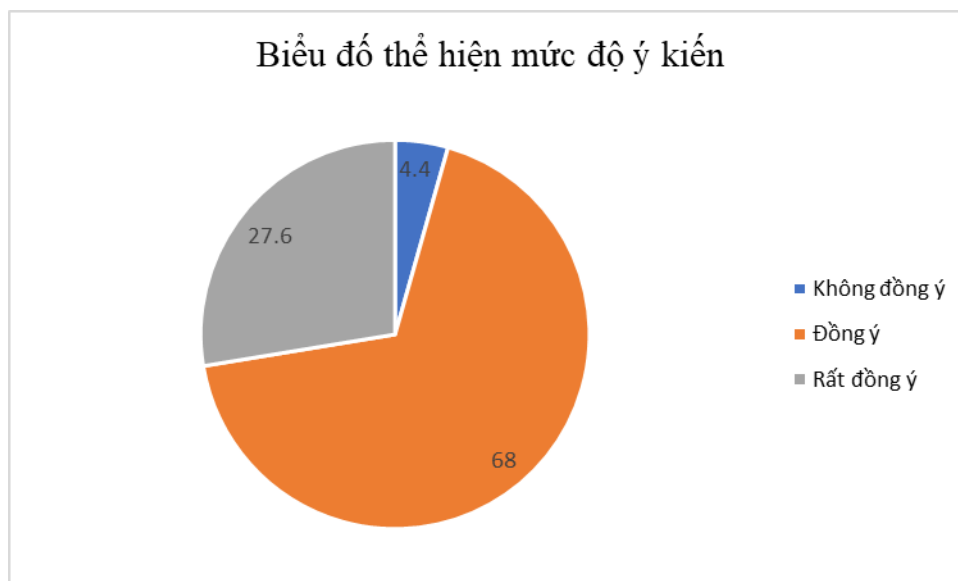
6.5.1.1. KẾT QUẢ HỎI CÁC CBQL, GV

- Ông/Bà hãy cho biết ý kiến của mình về một số nhận định về đào tạo ngành Lịch sử và Địa lí trong bối cảnh hiện nay?

1. Lịch sử và Địa lí là một ngành học hấp dẫn, có nhiều triển vọng.

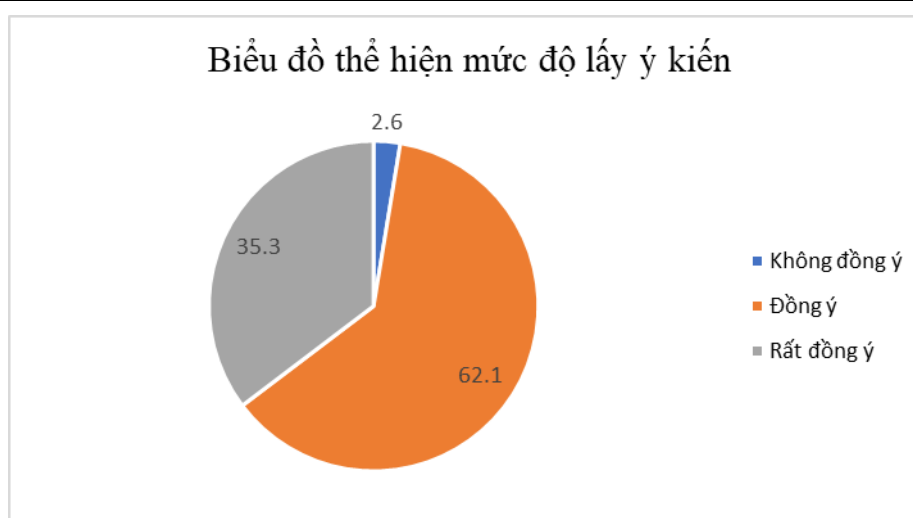
		Số lần	Phần trăm
Lựa chọn	Không đồng ý	05	4,4
	Đồng ý	79	68
	Rất đồng ý	32	27,6

	Tổng	116	100.0
--	-------------	------------	--------------



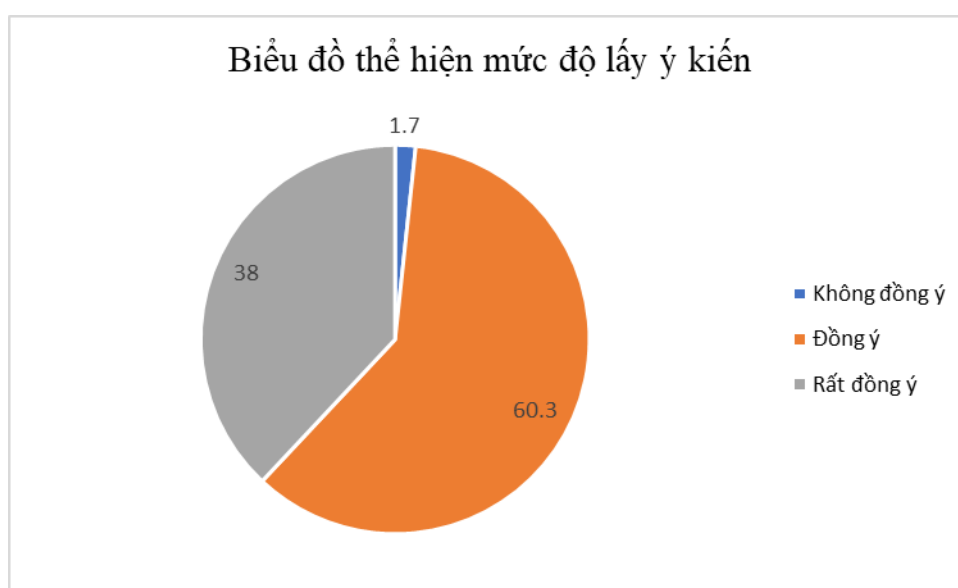
2. Số GV có thể đảm nhận dạy học môn Lịch sử- Địa lí chưa nhiều.

		Số lần	Phần trăm
Lựa chọn	Không đồng ý	03	2,6
	Đồng ý	72	62,1
	Rất đồng ý	41	35,3
	Tổng	116	100.0



3. Ngành Lịch sử và Địa lí tạo cơ hội để người học tự đào tạo, phát triển các hướng nghiên cứu về các vấn đề lịch sử, địa lí ở địa phương.

		Số lần	Phần trăm
Lựa chọn	Không đồng ý	02	1,7
	Đồng ý	70	60,3
	Rất đồng ý	44	38,0
	Tổng	116	100.0



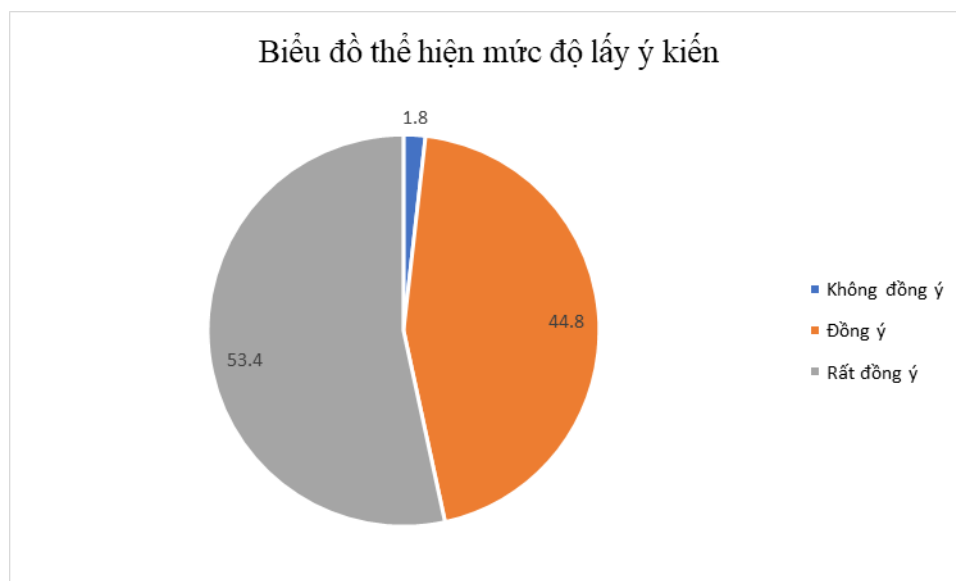
4. Lịch sử và Địa lí là ngành học đòi hỏi giáo viên phải có những năng lực, phẩm chất đặc thù.

		Số lần	Phần trăm
Lựa chọn	Không đồng ý	04	3,4
	Đồng ý	52	44,9
	Rất đồng ý	60	51,7
	Tổng	116	100.0

5. Lịch sử và Địa lí là lĩnh vực giúp người học nghiên cứu về lịch sử, địa lí khu vực và thế giới.

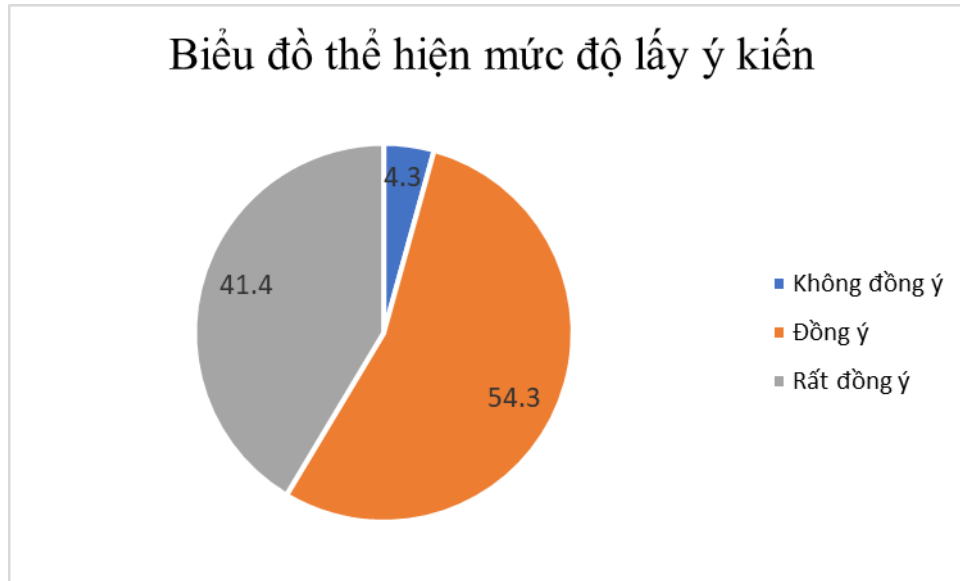
Phương án	Số lần	Phần trăm
-----------	--------	-----------

Lựa chọn	Không đồng ý	02	1,8
	Đồng ý	52	44,8
	Rất đồng ý	62	53,4
	Tổng	116	100.0



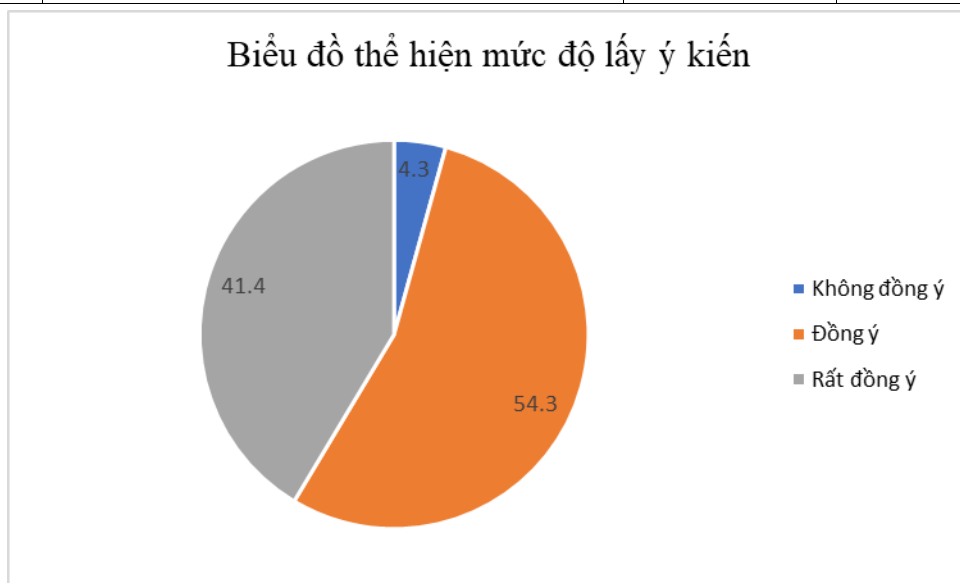
6. Lịch sử và Địa lí là ngành học giúp học viên được trải nghiệm ở các môi trường học khác nhau.

		Số lần	Phần trăm
Lựa chọn	Không đồng ý	05	4,3
	Đồng ý	63	54,3
	Rất đồng ý	48	41,4
	Tổng	116	100.0



7. Nếu mã ngành Lịch sử- Địa lí được mở, ông (bà) có sẵn sàng tham gia hoặc tạo điều kiện cho GV tham gia hay không?

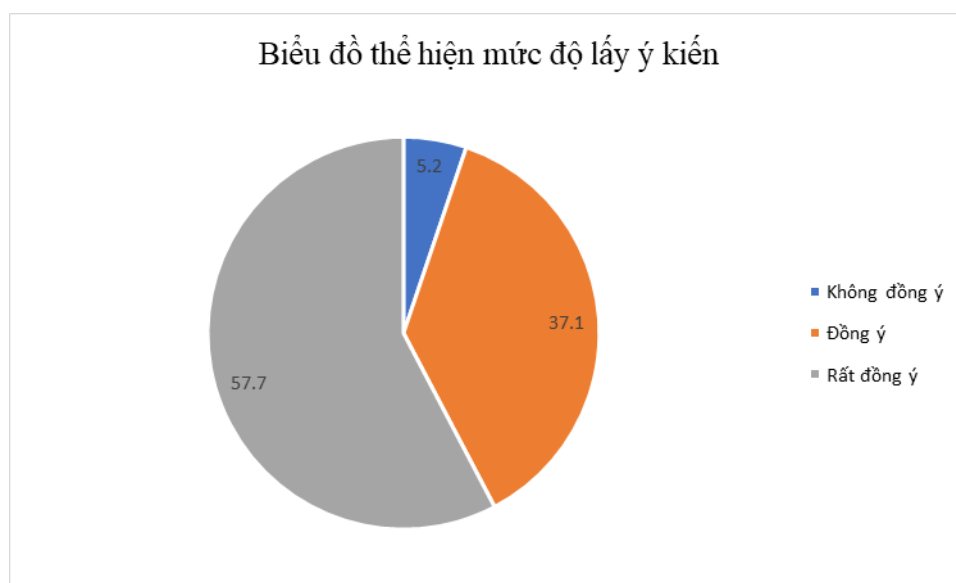
		Số lần	Phần trăm
Lựa chọn	Không đồng ý	06	5,2
	Đồng ý	47	40,5
	Rất đồng ý	63	54,3
	Tổng	116	100.0



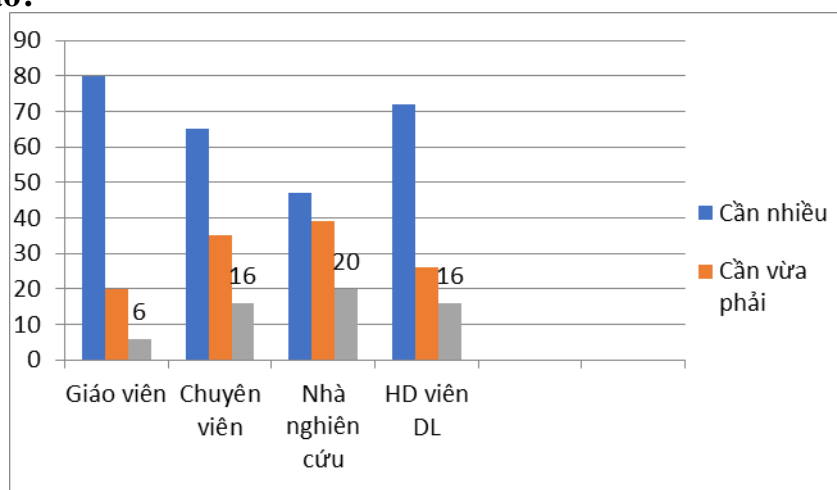
8. Đào tạo GV môn Lịch sử và Địa lí là nhu cầu cấp thiết để thực hiện

tốt Chương trình GDPT 2018.

		Số lần	Phần trăm
Lựa chọn	Không đồng ý	6	5,2
	Đồng ý	43	37,1
	Rất đồng ý	67	57,7
	Tổng	116	100.0

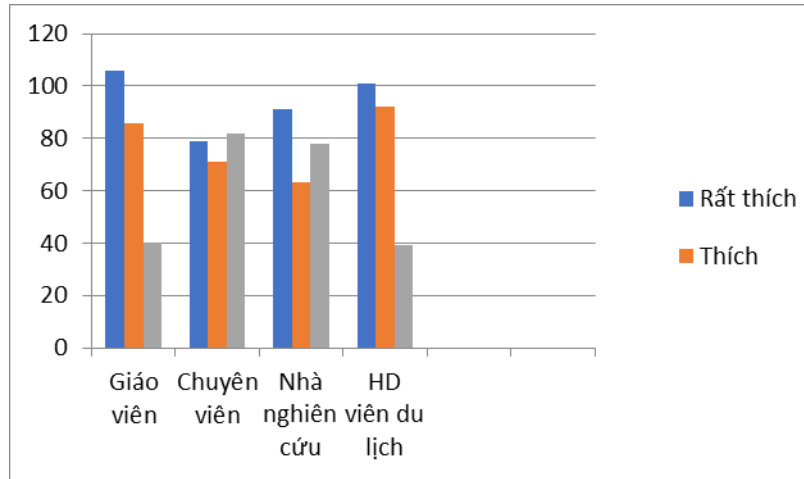


9. Ông/Bà đánh giá mức độ nhu cầu nhân lực cho các vị trí công việc dưới đây như thế nào?

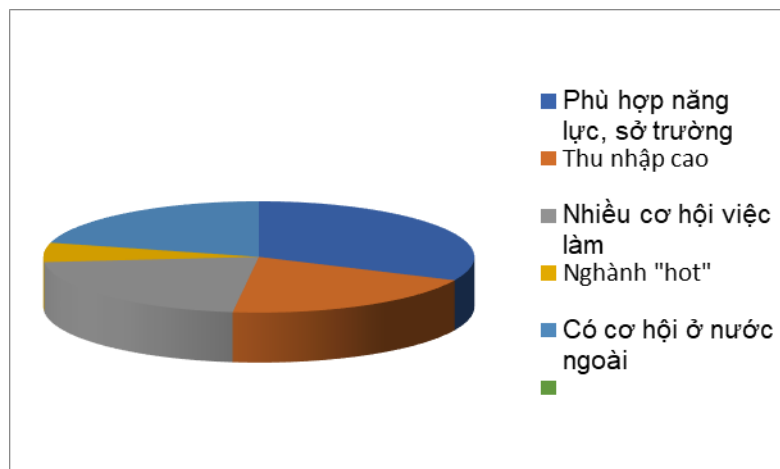


6.5.1.2. KẾT QUẢ HỎI HỌC SINH

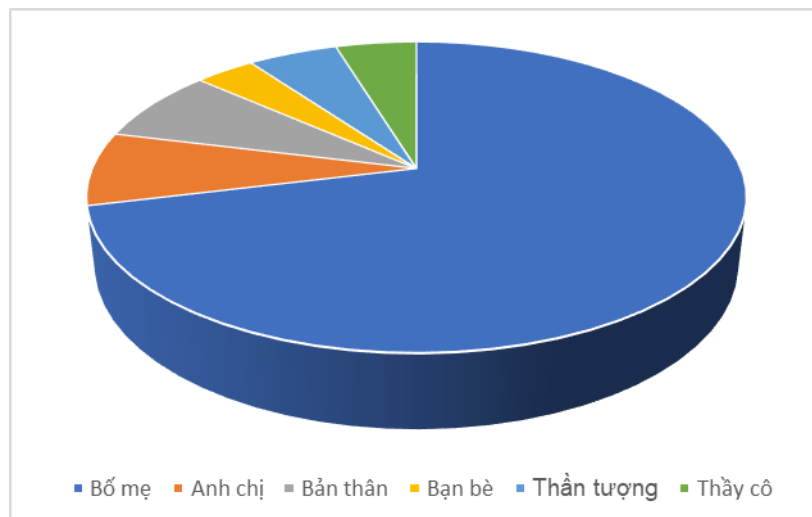
1. Ở thời điểm hiện tại, lĩnh vực nghề mà bạn yêu thích và lựa chọn là gì?



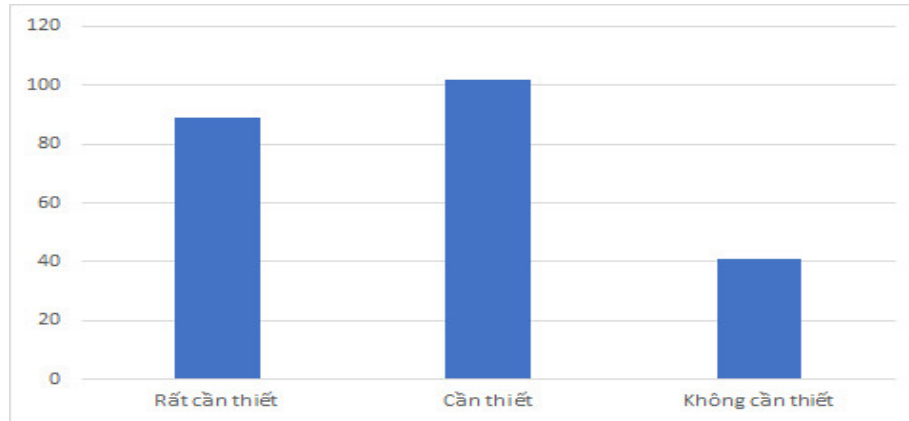
2. Khi bạn chọn ngành học trong tương lai, yếu tố nào bạn quan tâm?



3. Ai là người có ảnh hưởng nhiều nhất đến quá trình định hướng chọn nghề của bạn?

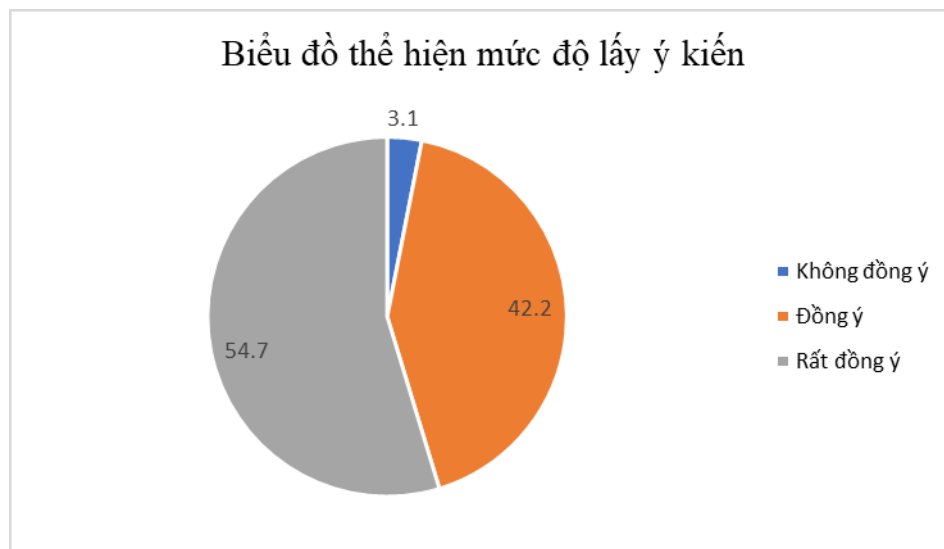


4. Bạn đánh giá mức độ cần thiết của ngành học Lịch sử và Địa lí đối với cơ hội việc làm và phát triển bản thân.

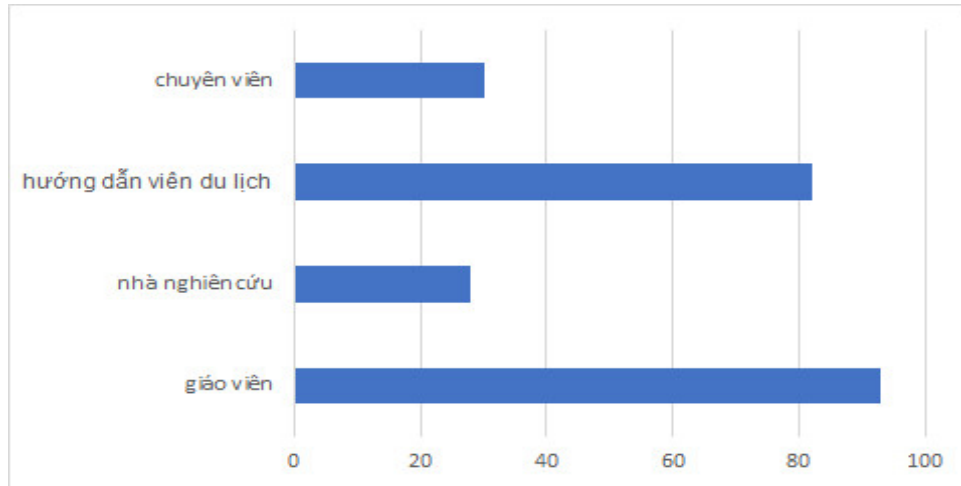


5. Bạn mong muốn tìm hiểu ở mức độ nào sau đây về nhu cầu nguồn nhân lực của ngành học Lịch sử và Địa lí trong thực tiễn?

		Tần suất	Phần trăm
Giá trị		07	3,1
	Mong muốn	98	42,2
	Rất mong muốn	127	54,7
	Tổng	232	100.0



6. Nếu học tập ngành Lịch sử và Địa lí, mong muốn của bạn sẽ làm công việc gì trong các công việc sau?



6.6. Kết quả

Sau khi tiến hành khảo sát các CBQL từ các phòng, Sở GD và ĐT, GV, Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ Xã hội tại các trường THCS, số liệu cho thấy có 26,7% rất đồng ý và 68% đồng ý Lịch sử và Địa lí là một ngành học hấp dẫn, có nhiều triển vọng. Tuy nhiên một thực trạng là số GV có thể đảm nhận dạy học môn Lịch sử-Địa lí chưa nhiều, với 35,3% rất đồng ý, 62,1% đồng ý.

Với câu hỏi: Ngành Lịch sử và Địa lí tạo cơ hội để người học tự đào tạo, phát triển các hướng nghiên cứu về các vấn đề lịch sử, địa lí ở địa phương, kết quả thu được là 38% rất đồng ý, 60,3% đồng ý. 51,7% ý kiến được hỏi rất đồng ý, 44,9% đồng ý cho rằng Lịch sử và Địa lí là ngành học đòi hỏi giáo viên phải có những năng lực, phẩm chất đặc thù. 53,4% rất đồng ý và 44,8% ý kiến đồng ý về ý nghĩa của ngành học, Lịch sử và Địa lí là lĩnh vực giúp người học nghiên cứu về lịch sử, địa lí khu vực và thế giới.

Với câu hỏi về môi trường học mà ngành học hứa hẹn mang lại, 54,3% đồng ý và 41,4% rất đồng ý rằng: Lịch sử và Địa lí là ngành học giúp học viên được trải nghiệm ở các môi trường học khác nhau. Các chuyên viên, giáo viên tại các cơ sở giáo dục, nhà trường THCS và THPT cũng đều ủng hộ nếu mã ngành Lịch sử-Địa lí được mở, họ có sẵn sàng tham gia hoặc tạo điều kiện cho GV tham gia với tỷ lệ 54,3% rất đồng ý; 40,5% đồng ý. Tỷ lệ 57,7% rất đồng ý, 37,1% đồng ý với kết luận: Đào tạo GV môn Lịch sử và Địa lí là nhu cầu cấp thiết để thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018.

Về cơ hội nghề nghiệp mà mã ngành Lịch sử và Địa lí mang lại, với câu hỏi Ông/Bà đánh giá mức độ nhu cầu nhân lực cho các vị trí công việc dưới đây như thế nào?, ngành nghề được chọn có cơ hội nhiều nhất là giáo viên Lịch sử và Địa lí, tiếp đến là hướng dẫn viên du lịch, sau đó là chuyên viên, nhà nghiên cứu.

Các đối tượng được khảo sát là GV, chuyên viên, ban Giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn tổ Xã hội khẳng định đây là một ngành học mới mẻ, đáp ứng được nhu cầu thiếu hụt trầm trọng nguồn nhân lực trong lĩnh vực giảng dạy môn học Lịch sử và Địa lí ở các trường THPT trong xu thế tích hợp môn học, thực hiện CTGDPT2018. Ngoài cơ hội và năng lực giảng dạy, học viên tốt nghiệp mã ngành Lịch sử và Địa lí có thể thích ứng tốt và đảm nhận nhiều vị trí công việc khác nhau: nghiên cứu Lịch sử, Địa lí, hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến địa lí - lịch sử địa phương, quốc gia, khu vực hoặc toàn cầu.

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát đối với **232** học sinh THPT, ở các khối lớp 10,11 và 12. Trong đó, đặc biệt chú ý khảo sát để lắng nghe tiếng nói, nguyện vọng từ các em học sinh lớp 12 - là đối tượng HS cuối cấp, đang có nhu cầu tha thiết về nghề nghiệp. Qua đó xác nhận, nắm bắt lĩnh vực nghề nghiệp mà các em yêu thích, phù hợp năng lực, sở trường, hoàn cảnh của mình; các yếu tố quan tâm trong lựa chọn ngành học, người có ảnh hưởng nhiều đến quá trình lựa chọn nghề, mức độ cần thiết về việc tìm hiểu ngành Lịch sử và Địa lí của học sinh.

Với câu hỏi: Ở thời điểm hiện tại, lĩnh vực nghề mà bạn yêu thích và lựa chọn là gì? 46,9% các em chọn rất thích nghề giáo viên, 43,1% chọn thích nghề hướng dẫn viên du lịch, số còn lại chọn chuyên viên, nhà nghiên cứu với tỉ lệ thấp hơn. Theo các em, các yếu tố chọn nghề trong tương lai theo thứ tự quan trọng là: phù hợp năng lực- sở trường, cơ hội việc làm, thu nhập cao...

Về nhân vật có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề của HS, người có ảnh hưởng nhất là bố mẹ với các định hướng từ gia đình, trong cuộc sống hàng ngày, chiếm 83%; tiếp đến là ảnh hưởng hình mẫu ngành nghề từ giáo viên, nhất là giáo viên Lịch sử và Địa lí của các em cũng như sự khích lệ từ các giáo viên. Sau cùng là sự ảnh hưởng từ bạn bè, từ các hình mẫu khác...

Về đánh giá mức độ cần thiết của ngành học Lịch sử và Địa lí đối với cơ hội việc làm và phát triển bản thân, 38,4 % chọn cần thiết, 43,9 % chọn rất cần thiết, 17,7 % chọn không cần thiết.

Về mong muốn tìm hiểu nhu cầu nguồn nhân lực của ngành học Lịch sử và Địa lí trong thực tiễn, 54,7% chọn rất mong muốn; 42,2% chọn mong muốn; 3,1% chọn không mong muốn. Công việc mà học sinh mong muốn nếu học ngành Lịch sử và Địa lí là: 40,1% chọn làm giáo viên; 12,1% chọn làm nhà nghiên cứu; 12,9% chọn làm chuyên viên và 35,3% chọn làm nghề hướng dẫn viên du lịch.

Như vậy, ở đối tượng học sinh THPT, với nhu cầu định hướng nghề nghiệp, các em cũng dành nhiều lựa chọn cho các ngành nghề có liên quan đến môn học

Lịch sử và Địa lí. Trong đó, ưu tiên số 1 là mong muốn sau này có thể đảm nhận các công việc: dạy học, nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu địa lí, hướng dẫn viên du lịch, chuyên viên...

Với kết quả khảo sát từ các bên liên quan, chúng tôi kết luận, việc mở mã ngành đào tạo Lịch sử- Địa lí trình độ đại học đáp ứng yêu cầu thực tiễn, kể cả nhu cầu tuyển dụng cũng như mong muốn của người học.

Nghệ An, ngày tháng 5 năm 2023

**TRƯỜNG SƯ PHẠM
HIỆU TRƯỞNG**

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

Đã ký

PGS.TS. Lưu Tiến Hưng

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng